

**Đại học Quốc gia Hà nội
Khoa luật**

Nguyễn Tôn

**Bồi thường tổn thất tinh thần do sức khỏe, tính
mạng, danh dự, nhân phẩm, uy tín
của cá nhân bị xâm phạm**

Luận văn thạc sĩ luật học

Hà nội - 2010

Đại học Quốc gia Hà nội

Khoa luật

Nguyễn Tôn

**Bồi thường tổn thất tinh thần do sức khỏe, tính
mạng, danh dự, nhân phẩm, uy tín
của cá nhân bị xâm phạm**

Chuyên ngành : Luật dân sự

Mã số : 60 38 30

Luận văn thạc sĩ luật học

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Minh Tuấn

Hà nội - 2010

Mục lục

	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
Mở đầu	1
<i>Chương 1: Những Vấn Đề Lý Luận Về bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe, tính mạng, DANH DỰ, NHÂN PHẨM và UY TÍN của cá nhân Bị XÂM phạm</i>	9
1.1. Khái niệm chung về sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín	9
1.1.1. Khái niệm	9
1.1.2. Đặc điểm	13
1.2. Khái niệm trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín bị xâm phạm	15
1.2.1. Khái niệm về các giá trị tinh thần được pháp luật dân sự điều chỉnh	15
1.2.2. Đặc điểm của các giá trị tinh thần	17
1.2.3. Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại	20
1.2.3.1. Có hành vi trái pháp luật	21
1.2.3.2. Có thiệt hại xảy ra	25
1.2.3.3. Có lỗi	33
1.2.3.4. Có mối quan hệ nhân quả	38
1.3. Khái quát tiến trình phát triển các quy định của pháp luật về bồi thường tổn thất về tinh thần ở Việt Nam	42
1.3.1. Trước khi có Bộ luật dân sự năm 1995	43

1.3.2.	Từ 1995 đến nay	45
	Chương 2: Xác định trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần trong một số trường hợp cụ thể theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005	51
2.1.	Trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị xâm phạm	51
2.1.1.	Bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm	52
2.1.2.	Bồi thường tổn thất về tinh thần do tính mạng bị xâm phạm	57
2.1.3.	Bồi thường tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân bị xâm phạm	60
2.2.	Xác định mức bồi thường, người phải bồi thường, người được bồi thường	62
2.2.1.	Mức bồi thường	63
2.2.1.1.	Mức bồi thường tổn thất về tinh thần đối với trường hợp sức khỏe bị xâm phạm	63
2.2.1.2.	Mức bồi thường tổn thất về tinh thần đối với trường hợp tính mạng bị xâm phạm	65
2.2.1.3.	Mức bồi thường tổn thất về tinh thần đối với trường hợp danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị xâm phạm	67
2.2.2.	Người phải bồi thường	68
2.2.2.1.	Người phải bồi thường là pháp nhân	68
2.2.2.2.	Người phải bồi thường là cá nhân	69
2.2.3.	Người được bồi thường	76
2.2.3.1.	Đối với trường hợp sức khỏe bị xâm phạm	76
2.2.3.2.	Đối với trường hợp tính mạng bị xâm phạm	77
2.2.3.3.	Đối với trường hợp danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá	78

	nhân bị xâm phạm	
2.3.	Các trường hợp không phải bồi thường, giảm trách nhiệm bồi thường thiệt hại	79
2.3.1.	Trường hợp không phải bồi thường tổn thất về tinh thần	80
2.3.1.1.	Gây thiệt hại trong trường hợp phòng vệ chính đáng	80
2.3.1.2.	Gây thiệt hại trong trường hợp tình thế cấp thiết	81
2.3.1.3.	Thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi của người bị hại	83
2.3.1.4.	Thiệt hại xảy ra trong trường hợp sự kiện bất ngờ	84
2.3.1.5.	Gây thiệt hại trong trường hợp thi hành bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	84
2.3.2.	Trường hợp được giảm trách nhiệm bồi thường thiệt hại	85
	Chương 3: Thực trạng áp dụng pháp luật trong bồi thường tổn thất về tinh thần và hướng hoàn thiện pháp luật	88
3.1.	Thực trạng áp dụng pháp luật giải quyết các vụ án về bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị xâm phạm	88
3.2.	Phương hướng hoàn thiện pháp luật	103
3.2.1.	Kiến nghị	104
3.2.2.	Phương hướng	108
	Kết luận	110
	Danh mục tài liệu tham khảo	113

Mở đầu

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Chế định bồi thường ngoài hợp đồng là một trong những chế định xuất hiện sớm trong pháp luật dân sự. Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng được hiểu là trách nhiệm dân sự do gây thiệt hại mà trước đó giữa bên bị thiệt hại và bên gây thiệt hại không có sự thỏa thuận hoặc có sự thỏa thuận nhưng sự thỏa thuận đó không liên quan đến hậu quả thiệt hại. Sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín không chỉ là vốn quý của con người mà còn là vốn quý của gia đình, người thân, cộng đồng và xã hội. Mối quan hệ giữa con người với con người trong xã hội không phải là mối quan hệ biệt lập mà là mối quan hệ biện chứng, ràng buộc và ảnh hưởng lẫn nhau. Vì vậy, xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của con người không chỉ gây tổn thất cho chính người đó mà còn ảnh hưởng xấu tới tinh thần của những người thân thích của người bị thiệt hại.

Trên thế giới, các quốc gia đều coi việc bảo vệ sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của con người là một trong những vấn đề quan trọng. Đặc biệt trong thời đại ngày nay, khi vấn đề bảo vệ quyền con người nói chung và bảo vệ quyền dân sự của công dân nói riêng đang là vấn đề được xã hội quan tâm, vì đó là tiêu chí quan trọng để đánh giá về sự văn minh, tiến bộ của một quốc gia.

ở nước ta, một đất nước luôn coi truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái theo phương châm *"lá lành đùm lá rách"* hay *"một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ"* là di sản tốt đẹp của mình. Vì vậy, vấn đề bảo vệ các giá trị tinh thần của con người trước các hành vi xâm phạm luôn nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước. Hiến pháp và các văn bản luật của Nhà nước đều ghi nhận và bảo vệ các giá trị tinh thần này. Mọi hành vi xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân đều bị trừng phạt

ng nghiêm khắc. Người có hành vi xâm phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nói chung và tổn thất về tinh thần nói riêng.

Bồi thường tổn thất về tinh thần là một nội dung trong chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân. Trong khi đó, vấn đề bồi thường do hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân còn phức tạp vì có nhiều quan điểm khác nhau trong nghiên cứu, cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật về các khoản như chi phí cứu chữa, thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút, chi phí mai táng... thì bồi thường tổn thất về tinh thần còn phức tạp hơn. Bởi lẽ, thiệt hại về vật chất có thể định lượng được còn thiệt hại về tinh thần thì không ai có thể cân, đo, đong, đếm cụ thể chính xác được. Vì vậy, hoạt động áp dụng pháp luật bồi thường tổn thất về tinh thần là hoạt động tương đối khó khăn, phức tạp và nhiều khi rất nhạy cảm. Hoạt động áp dụng pháp luật này đòi hỏi người áp dụng pháp luật ngoài việc tuân thủ các quy định của pháp luật, còn phải hết sức tinh tế, nhạy cảm và nhiều khi phải bằng cả niềm tin nội tâm của mình trong việc đưa ra các phán quyết.

Kể từ khi vấn đề bồi thường tổn thất về tinh thần được pháp luật quy định và coi là một nội dung khi giải quyết các vụ án liên quan đến chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín thì hầu như chưa được các cơ quan áp dụng pháp luật quan tâm thực hiện hoặc có thực hiện nhưng còn chưa thống nhất trong nhận thức. Nguyên nhân do đây là vấn đề tương đối mới, chưa có hướng dẫn cụ thể nên các cơ quan bảo vệ pháp luật gặp nhiều khó khăn khi tổ chức thực hiện. Vì vậy, ngày 28 tháng 4 năm 2004, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành Nghị quyết số 01/2004/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự năm 1995 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Bộ luật dân sự năm 2005 được ban hành tiếp tục hoàn thiện các quy định về vấn đề này. Trên cơ sở Bộ luật dân sự năm 2005, ngày 08

tháng 7 năm 2006, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tiếp tục ban hành Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì các cơ quan áp dụng pháp luật mới có cơ sở tổ chức triển khai trên thực tế. Tuy nhiên, các quy định hướng dẫn bồi thường tổn thất về tinh thần vẫn chưa rõ ràng. Quá trình tổ chức thực hiện, các cơ quan còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc vì quy định còn có nhiều cách hiểu khác nhau nên việc áp dụng chưa thống nhất, gây bức xúc cho đương sự. Trong thời gian vừa qua, những người làm công tác thực tiễn thường xuyên trao đổi các tình huống cụ thể khó xử trên các diễn đàn tạp chí. Tuy nhiên, cho đến thời điểm này vẫn chưa có một công trình khoa học nào nghiên cứu, đánh giá thực tiễn áp dụng và đưa ra phương hướng hoàn thiện pháp luật về vấn đề bồi thường tổn thất về tinh thần do hành vi trái pháp luật xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân.

Tác giả viết luận văn này với mong muốn nghiên cứu, tìm hiểu một cách khoa học, có hệ thống giúp các nhà nghiên cứu, áp dụng pháp luật và đặc biệt đối với bản thân đang làm công tác thực tiễn có một cách nhìn toàn diện về vấn đề này khi giải quyết các vụ án cụ thể góp phần mang đến sự công bằng cho các đương sự trong các vụ án.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài có liên quan

Vấn đề bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, trong đó có nội dung bồi thường tổn thất về tinh thần do xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân là một chế định pháp luật quan trọng được hầu hết các quốc gia trên thế giới quan tâm, coi đó là một vấn đề thiết thực để nhà nước đứng ra bảo vệ quyền dân sự cơ bản của công dân. ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, vấn đề này đã được quy định trong Bộ luật dân sự năm 1995, Bộ luật dân sự năm 2005 và được cụ thể hóa trong Nghị quyết số 01/2004/NQ-HĐTP ngày 28 tháng 4 năm 2004 và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân

tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Trên phương diện nghiên cứu khoa học, từ trước tới nay, các nhà khoa học thường tập trung vào nghiên cứu vấn đề bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung, trong đó có một nội dung nhỏ về bồi thường tổn thất về tinh thần như: *Bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm* của Nguyễn Đức Mai - Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 9/1997; *Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tính mạng bị xâm phạm* của Vũ Thành Long - Tạp chí Tòa án nhân dân số 8/1999; *Về bồi thường thiệt hại trong các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe* của Mai Bộ - Tạp chí Tòa án nhân dân số 10/1999; *Pháp luật, áp dụng pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng ở Việt Nam. Thực trạng và hướng hoàn thiện* - Tạp chí luật số 3/2002; *Xác định thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm theo quy định của Bộ luật dân sự* của Vũ Hồng Thiêm - Tạp chí Tòa án nhân dân số 7/2003; *Một số nhận xét và chú ý đối với việc bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khỏe bị xâm phạm* của Quách Thành Vinh - Tạp chí Tòa án nhân dân số 11/2004; *Bàn về bồi thường do tính mạng bị xâm phạm quy định tại Điều 610 Bộ luật dân sự* của Đỗ Văn Chính - Tạp chí Tòa án nhân dân số 22/2009 và đặc biệt là cuốn sách chuyên khảo: *Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản, sức khỏe và tính mạng* của Tiến sĩ Phùng Trung Tập - Nhà xuất bản Hà Nội 2009... Những nghiên cứu trên đây chưa đi sâu mà chỉ dừng lại ở mức độ khái quát nên chưa giúp người đọc hiểu được một cách cụ thể, có tính hệ thống về vấn đề bồi thường tổn thất về tinh thần. Vì đây là vấn đề tương đối mới, việc áp dụng pháp luật còn có nhiều quan điểm khác nhau nên mới chỉ có một số nhà áp dụng pháp luật quan tâm nghiên cứu và trao đổi khi gặp trên thực tiễn công tác, thể hiện ở một số bài sau: *Bồi thường thiệt hại về tinh thần trong Bộ luật dân sự* của Tô Quốc Kỳ - Tạp chí Tòa án nhân dân số 10/1999; *Căn cứ pháp lý nào để buộc bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần khi danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại* của Lê Văn Sua - Tạp chí Tòa án nhân dân số 3/2002; *Khoản tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe,*

tổn thất tinh thần theo Điều 613 Bộ luật dân sự được hiểu như thế nào của Hoàng Minh Tuấn - Tạp chí Tòa án nhân dân số 3/2002; Nguyên tắc tính mức bồi thường do danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân bị xâm phạm của Trương Duy Lượng - Tạp chí Tòa án nhân dân số 3 và số 4/2003; Bồi thường tổn thất về tinh thần của Đỗ Thanh Huyền - Tạp chí Tòa án nhân dân số 11/2004; Bồi thường thiệt hại về tinh thần trong pháp luật Việt Nam của Đỗ Văn Đại - Tạp chí Tòa án nhân dân số 16/2008; Vấn đề bồi thường tổn thất tinh thần theo khoản 2 Điều 610 Bộ luật dân sự của Hoàng Kỳ - Tạp chí Tòa án nhân dân số 18/2009; Một số ý kiến về khoản tiền bù đắp về tinh thần do bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín quy định tại Bộ luật dân sự của Đinh Văn Quế - Tạp chí Tòa án nhân dân số 20/2009; Về bài vấn đề bồi thường tổn thất tinh thần theo khoản 2 Điều 610 Bộ luật dân sự của Vũ Tuấn Dũng - Tạp chí Tòa án nhân dân số 20/2009; Trao đổi về bài vấn đề bồi thường tổn thất tinh thần theo khoản 2 Điều 610 Bộ luật dân sự của Đỗ Văn Đại - Tạp chí Tòa án nhân dân số 21/2009; Vấn đề bồi thường tổn thất tinh thần của Nguyễn Thị Kim Vinh - Tạp chí Tòa án nhân dân số 21/2009; Trao đổi về bài vấn đề bồi thường tổn thất tinh thần theo khoản 2 Điều 610 Bộ luật dân sự của Nguyễn Thị Kim Thanh - Tạp chí Tòa án nhân dân số 22/2009...

Nhìn chung, các bài viết về vấn đề bồi thường tổn thất về tinh thần chỉ dừng lại ở việc các tác giả đưa lên diễn đàn trao đổi các tình huống là các vụ án có thật đang diễn ra tại cơ quan, đơn vị mình công tác. Tại các Tòa án khác nhau thì việc áp dụng pháp luật còn nhiều quan điểm khác nhau, chưa thống nhất về nhiều vấn đề như mức bồi thường, diện được bồi thường, hình thức bồi thường... gây ra sự bức xúc cho các đương sự.

Như vậy, đến thời điểm này, việc nghiên cứu, tìm hiểu một cách có hệ thống, khoa học vấn đề bồi thường tổn thất về tinh thần theo quy định tại Bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa có một công trình khoa học nào được công bố.

3. Mục đích, nhiệm vụ và đối tượng nghiên cứu

Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005, trách nhiệm bồi thường thiệt hại do xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân là loại trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng hay còn gọi là trách nhiệm bồi thường thiệt hại do có hành vi trái pháp luật. Đây là một chế định rất đa dạng và khá phức tạp với nhiều loại, khoản phải bồi thường như: chi phí cứu chữa, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại; chi phí cho việc mai táng; khoản tiền cấp dưỡng; chi phí cho việc khắc phục hậu quả và khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần... Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này, tác giả không nghiên cứu toàn bộ những vấn đề thuộc chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng mà chỉ tập trung nghiên cứu vấn đề bồi thường tổn thất về tinh thần do hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân, không bao gồm cả tổ chức, theo quy định của pháp luật dân sự. Đồng thời, trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và xem xét thực tiễn áp dụng pháp luật của một số bản án trong ngành Tòa án trên lĩnh vực này, tác giả mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị, giải pháp hoàn thiện pháp luật.

Để đạt được các mục đích trong phạm vi nghiên cứu trên đây, đề tài tập trung vào một số nội dung sau:

Thứ nhất: Nghiên cứu làm sáng tỏ khái niệm, đặc điểm chung về sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân. Khái niệm, đặc điểm về các giá trị tinh thần được pháp luật dân sự điều chỉnh. Đồng thời phân tích bản chất pháp lý và những căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường.

Thứ hai: Nghiên cứu, xác định trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần trong một số trường hợp cụ thể theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 gồm: khi sức khỏe bị xâm phạm; khi tính mạng bị xâm phạm và khi danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân bị xâm phạm.

Thứ ba: Đánh giá thực trạng xét xử của ngành Tòa án trong việc áp dụng pháp luật khi giải quyết bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị xâm phạm. Qua đó tìm ra những điểm vướng mắc, tồn tại và đề xuất các giải pháp khắc phục.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của đề tài

Trên cơ sở của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phân tích, tổng hợp, diễn giải, so sánh...

5. Những điểm mới và ý nghĩa của luận văn

Đây có thể được coi là công trình nghiên cứu tương đối khoa học kể từ khi vấn đề bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín bị của cá nhân bị xâm phạm được quy định trong Bộ luật dân sự. Việc nghiên cứu được tiến hành một cách có hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần do hành vi trái pháp luật xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân. Trên cơ sở lý luận khoa học, đề tài đi sâu vào nghiên cứu một số trường hợp cụ thể có thể vận dụng trong thực tiễn giải quyết các tình huống tương tự.

Điểm mới của luận văn còn được thể hiện ở chỗ tác giả không chỉ dừng lại nghiên cứu các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực này mà còn tiến hành xem xét công tác áp dụng pháp luật qua một số bản án của các cơ quan bảo vệ pháp luật trong thời gian qua, đồng thời đề xuất một số biện pháp hoàn thiện pháp luật để giải quyết những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng.

Thực hiện luận văn giúp người viết hiểu biết sâu sắc hơn về vấn đề bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị xâm phạm trong luật dân sự đang được các cơ quan áp

dụng pháp luật quan tâm. Đồng thời tác giả có kinh nghiệm giải quyết các vấn đề liên quan hoạt động nghề nghiệp của mình.

Luận văn mang đến cho người đọc có thêm những hiểu biết về bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị xâm phạm.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị xâm phạm.

Chương 2: Xác định trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần trong một số trường hợp theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005.

Chương 3: Thực trạng áp dụng pháp luật trong bồi thường tổn thất về tinh thần và hướng hoàn thiện pháp luật.

Chương 1

Những Vấn Đề Lý Luận Về bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe, tính mạng, DANH DỰ, NHÂN PHẨM và UY TÍN của cá nhân Bị XÂM phạm

1.1. Khái niệm chung về sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín

Sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân là các quyền nhân thân quan trọng bậc nhất của con người được pháp luật bảo vệ. Do tính chất đặc biệt của sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân nên pháp luật đã quy định ở nhiều ngành luật khác nhau nhằm bảo vệ các quyền nhân thân này. Đối với pháp luật dân sự, tại Điều 604 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Người nào do lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của cá nhân, xâm phạm danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân hoặc chủ thể khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường"*. Ngoài ra, tại các điều 609, 610 và 611 Bộ luật dân sự năm 2005 xác định thiệt hại và trách nhiệm bồi thường thiệt hại do xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân. Bộ luật dân sự năm 2005 không đưa ra khái niệm thế nào là sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân mà chỉ xác định thiệt hại và trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân. Vậy, sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân được hiểu như thế nào? Trước hết, cần làm rõ khái niệm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân.

1.1.1. Khái niệm

Theo từ điển Tiếng Việt xuất bản năm 2006 của Nhà xuất bản Đà Nẵng thì sức khỏe là trạng thái của con người không có bệnh tật, cảm thấy

thoải mái về thể chất, thư thái về tinh thần. Sức khỏe là thước đo sức lao động, năng lực lao động của con người bao gồm thể lực và trí lực tác động đến giới tự nhiên tạo ra của cải cho xã hội. Sức khỏe có nghĩa khỏe cả về thể chất và tinh thần. Bảo vệ sức khỏe cũng chính là bảo vệ sự toàn vẹn của cơ thể con người. Xâm phạm sức khỏe của con người là tiền đề đầu tiên dẫn đến xâm phạm tính mạng con người. Giữa tính mạng với sức khỏe của con người có mối quan hệ biện chứng với nhau. Sức khỏe tốt tạo tiền đề cho sức sống của con người tốt. Ngược lại, sức khỏe bị tổn thương thì sức sống của con người cũng bị tổn thương theo. Sức khỏe của con người được hoàn thiện dần theo thời gian. Bất kỳ con người nào còn tồn tại sự sống thì đều có sức khỏe. Hay nói cách khác, sức khỏe tồn tại trong cơ thể sống, sự sống kết thúc thì sức khỏe cũng kết thúc. Vì vậy, chỉ được coi là xâm phạm đến sức khỏe của con người khi người đó vẫn đang còn tồn tại sự sống. Sức khỏe của mọi người khác nhau là khác nhau. Sức khỏe của con người phụ thuộc vào thể chất và các điều kiện môi trường sống của chính người đó như chế độ ăn, uống, ngủ nghỉ, vui chơi giải trí... Như vậy, theo nghĩa rộng thì khái niệm sức khỏe phải được hiểu bao gồm cả thể chất và tinh thần. Luật dân sự coi sức khỏe là một quyền nhân thân quan trọng của con người và là đối tượng được bảo vệ. Sức khỏe bị xâm phạm được hiểu là sự xâm phạm đến thể chất. Quyền được bảo vệ về sức khỏe của mọi người là bình đẳng như nhau, không bị phân biệt bởi giai cấp, tôn giáo, tín ngưỡng, màu da, sắc tộc... Mọi hành vi xâm phạm sức khỏe của con người đều phải bị trừng phạt nghiêm khắc. Người có hành vi xâm phạm sức khỏe phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Theo từ điển Tiếng Việt xuất bản năm 2006 của Nhà xuất bản Đà Nẵng thì tính mạng được hiểu là mạng sống của con người. Con người là một thực thể tự nhiên bao gồm hai thuộc tính cơ bản là tính tự nhiên và tính xã hội. Thuộc tính tự nhiên của con người biểu hiện ở điểm: con người là một sinh vật có đầy đủ những đặc tính của sinh vật, tính sinh học và bản năng sinh

học. Chính những đặc tính sinh vật của con người đã tạo nên sự sống của con người. Sự sống của con người là tính mạng của con người. Con người được cấu tạo bởi các bộ phận trên cơ thể, hay nói cách khác mỗi bộ phận trên cơ thể thực hiện một chức năng riêng trong mối quan hệ phối hợp với các bộ phận khác thực hiện chức năng thống nhất, tạo thành một cơ thể sống hoàn chỉnh và tuân theo quy luật phát triển của tự nhiên. Thuộc tính xã hội của con người biểu hiện ra bên ngoài như lao động sản xuất tạo ra của cải nuôi sống con người, phục vụ nhu cầu của con người. Con người tồn tại trong mối quan hệ với con người trong xã hội. Xã hội muốn phát triển thì phải duy trì sự sống của con người. Mạng sống của con người được coi là hoàn chỉnh kể từ thời điểm được sinh ra đến khi người đó chết. Mạng sống này phải được hiểu về mặt tự nhiên, tức là quá trình sống được tính kể từ thời điểm con người được sinh ra và kết thúc đến tại thời điểm chết sinh học. Hay nói cách khác, phải được coi vẫn có sự sống nếu trong cơ thể con người vẫn diễn ra quá trình trao đổi chất. Quá trình sống, cơ thể con người phát triển và hoàn thiện dần các chức năng bao gồm cả mặt sinh học và mặt tư duy xã hội. Như vậy, theo nghĩa rộng thì tính mạng được hiểu bao gồm cả thuộc tính sinh học và tính xã hội.

Theo luật dân sự, tính mạng là mạng sống của con người, được coi như là một quyền nhân thân quan trọng nhất. Quyền sống của con người là bình đẳng, không bị phân biệt bởi giai cấp, tôn giáo, tín ngưỡng, màu da, sắc tộc... Đây là quyền thiêng liêng của con người, không thể bị tước đoạt bởi một hành vi trái pháp luật. Vì vậy, pháp luật nói chung và luật dân sự nói riêng đều quy định việc bảo vệ quyền sống của con người. Mọi hành vi xâm phạm tính mạng con người đều bị trừng phạt nghiêm khắc. Người thực hiện hành vi xâm phạm tính mạng của người khác phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

Theo từ điển Tiếng Việt xuất bản năm 2006 của Nhà xuất bản Đà Nẵng và từ điển Luật học xuất bản năm 2006 của Nhà xuất bản Tư pháp thì danh dự là sự coi trọng của dư luận xã hội, dựa trên giá trị tinh thần, đạo đức tốt đẹp và là cái nhằm mang lại danh dự, nhằm tỏ rõ sự kính trọng của xã hội, của tập thể. Danh dự là một khái niệm rộng gắn liền với một chủ thể xác định. Chủ thể này có thể là tổ chức hoặc cá nhân. Danh dự của con người không tự nhiên mà có, nó được hình thành qua hoạt động thực tiễn, được biểu hiện dưới góc độ đạo đức và xã hội. Danh dự là sự coi trọng của xã hội về con người hoặc tổ chức nào đó và được thừa nhận như một quyền nhân thân. Đó là sự ca ngợi của tập thể dành cho cá nhân với những phẩm chất đạo đức tốt đẹp và những thành tích trước cộng đồng. Danh dự là phạm trù mang tính đạo đức và xã hội, luôn gắn liền với chủ thể xác định, là một trong những yếu tố để khẳng định vai trò, vị trí, uy tín của một người hoặc một tổ chức trong xã hội được Hiến pháp, pháp luật bảo hộ, không ai được xâm phạm. Như vậy, danh dự chính là sự suy tôn các tiêu chuẩn đạo đức đối với con người. Vì vậy, danh dự là một trong những yếu tố để khẳng định vị trí, vai trò và uy tín của chủ thể đó trong xã hội. Luật dân sự bảo vệ danh dự của các chủ thể khi bị vu khống, xúc phạm bằng các biện pháp phù hợp như buộc xin lỗi, cải chính công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng... Mọi chi phí cho việc khôi phục danh dự do người đã có hành vi xâm phạm danh dự chịu trách nhiệm.

Theo từ điển Tiếng Việt xuất bản năm 2006 của Nhà xuất bản Đà Nẵng và từ điển Luật học xuất bản năm 2006 của Nhà xuất bản Tư pháp thì nhân phẩm được hiểu là phẩm chất, giá trị của một con người cụ thể và được pháp luật bảo vệ. Nhân phẩm là tổng hợp những phẩm chất mang tính đặc trưng của mỗi cá nhân, những yếu tố đặc trưng này tạo nên giá trị của một con người. Uy tín là sự tín nhiệm, của mọi người xung quanh, của tập thể, cộng đồng đối với một cá nhân về một lĩnh vực nào đó như phẩm chất đạo đức, nhân cách. Uy tín cũng chính là năng lực của chủ thể thông qua hoạt động

thực tiễn được mọi người công nhận. Danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân là những yếu tố gắn liền với quyền nhân thân, phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, xã hội và quan điểm của thời đại lịch sử. Nếu như khái niệm danh dự và uy tín có thể được dùng cho tổ chức hoặc cá nhân và danh dự, uy tín được hình thành, phát triển theo thời gian thì nhân phẩm là một khái niệm chỉ dành cho cá nhân, nhân phẩm của cá nhân được hình thành kể từ thời điểm cá nhân được sinh ra và tồn tại theo thời gian.

Khái niệm danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân không phải lúc nào cũng tách biệt nhau mà trái lại giữa chúng còn có mối liên hệ tác động qua lại lẫn nhau. Danh dự có nội hàm rộng và ở một góc độ là giá trị xã hội nó còn bao hàm cả nhân phẩm và uy tín. Nhân phẩm của mọi người trong xã hội là ngang nhau, còn danh dự và uy tín của mỗi người khác nhau là khác nhau. Mặc dù có sự giống nhau hay khác nhau về danh dự, nhân phẩm, uy tín nhưng mọi người trong xã hội đều được pháp luật bảo vệ các quyền nhân thân này một cách bình đẳng. Mọi hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân đều bị trừng trị nghiêm khắc. Người có hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

1.1.2. Đặc điểm

Sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín là vốn quý của con người. Đó là các yếu tố của quyền nhân thân, gắn liền với một cá nhân cụ thể. Các yếu tố của quyền nhân thân có mối liên hệ mật thiết với nhau, tồn tại thống nhất trong một chủ thể. Con người với tư cách là một chủ thể trong các quan hệ xã hội đều có đầy đủ các yếu tố của quyền nhân thân. Bất kỳ một chủ thể nào, không bị phân biệt bởi các yếu tố giai cấp, tôn giáo, tín ngưỡng, màu da, sắc tộc... cũng có đầy đủ các yếu tố của quyền nhân thân. Pháp luật dân sự thừa nhận các quyền nhân thân của cá nhân và bảo vệ các quyền năng này khỏi các hành vi xâm phạm.

Sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân là những yếu tố của quyền nhân thân. Vì vậy, các yếu tố này không thể là đối tượng để mua, bán, tặng, cho... trong các giao dịch dân sự. Hay nói cách khác, các quyền nhân thân này không thể chuyển giao cho chủ thể khác vì bất kỳ một lý do nào. Sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân không phải là tài sản nên không thể quy đổi thành tiền, không thể định giá và đem ra trao đổi ngang giá như các loại tài sản thông thường được. Bản thân sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân không tự nhiên phát sinh tài sản mà chỉ được bồi thường bằng tài sản khi có hành vi xâm phạm.

Sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân nếu bị tổn thất thì không thể khôi phục lại như tình trạng ban đầu. Không giống như các loại tài sản thông thường khi bị thiệt hại thì hoàn toàn có thể thay thế bằng một tài sản cùng loại khác hoặc có thể bồi thường bằng một loại tài sản ngang giá là tiền, còn sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị thiệt hại thì không thể lấy tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác ra để thay thế, bồi thường được. Việc bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín cũng chỉ là nhằm khắc phục hậu quả chứ không thể coi đó là việc khôi phục lại như tình trạng ban đầu.

Sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân có đặc tính lịch sử. Nói như vậy không có nghĩa là sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân phụ thuộc vào lịch sử. Ngược lại, ở bất kỳ một hình thái kinh tế xã hội nào, từ hình thái cộng sản nguyên thủy đến cộng sản chủ nghĩa thì sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân đều tồn tại. Tuy nhiên, ở mỗi hình thái kinh tế xã hội khác nhau hoặc trong một hình thái kinh tế xã hội nhưng ở những giai đoạn lịch sử khác nhau thì quan điểm về sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân là khác nhau. Ví dụ: thời kỳ chiếm hữu nô lệ, sức khỏe và tính mạng của

nô lệ được coi là tài sản của chủ nô nên chủ nô có quyền mua, bán hoặc đánh đập nô lệ mà không phải chịu trách nhiệm bồi thường. Nhưng ở chế độ xã hội chủ nghĩa thì các quyền nhân thân của con người được pháp luật tôn trọng tuyệt đối. Tùy tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi xâm phạm đến quyền nhân thân của con người mà có thể phải chịu trách nhiệm bồi thường hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của con người là những quyền nhân thân do pháp luật quy định và bảo vệ trước các hành vi xâm phạm. Mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm quyền nhân thân đều phải bị xử lý nghiêm minh. Người thực hiện hành vi xâm phạm trái pháp luật phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

1.2. Khái niệm trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín bị xâm phạm

Pháp luật được ban hành là để điều chỉnh các hành vi xử sự của các chủ thể trong quan hệ xã hội nhằm duy trì trật tự pháp luật, thúc đẩy sự phát triển, tiến bộ, bền vững các quan hệ xã hội. Luật dân sự được ban hành là để điều chỉnh hành vi xử sự của các chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự với mục đích bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, tổ chức và nhà nước, thúc đẩy quan hệ pháp luật dân sự phát triển. Với mục đích đó, pháp luật dân sự buộc người có hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác phải chịu trách nhiệm bồi thường, khắc phục hậu quả thiệt hại do mình đã gây ra. Hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân ngoài việc gây thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín còn gây tổn thất về tinh thần cho người bị hại. Vậy theo pháp luật dân sự, giá trị tinh thần của người bị hại trong bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng được hiểu như thế nào?

1.2.1. Khái niệm về các giá trị tinh thần được pháp luật dân sự điều chỉnh

Theo từ điển Tiếng Việt xuất bản năm 2006 của Nhà xuất bản Đà Nẵng thì tinh thần là tổng thể những ý nghĩ, tình cảm... những hoạt động thuộc về đời sống nội tâm của con người. Những thái độ, ý nghĩ định hướng cho hoạt động, quyết định hành động của con người. Sự quan tâm thường xuyên trên cơ sở những nhận thức nhất định. Điều sâu sắc nhất của một nội dung nào đó. Còn giá trị là cái làm cho một vật có lợi, có ý nghĩa, là đáng quý về một mặt nào đó. Tinh thần là một khái niệm rộng, nó gắn liền với chủ thể xác định là con người. Chỉ có con người mới có tinh thần, tổ chức không có tinh thần. Tinh thần thuộc phạm trù tư tưởng, nơi hội tụ đầy đủ những tâm tư, tình cảm, là trạng thái tâm lý của con người. Tinh thần là phần linh hồn của con người, dẫn dắt con người và là động lực thúc đẩy con người hành động. Tinh thần của con người được hình thành và phát triển theo thời gian và chịu sự chi phối của hoàn cảnh sống. Hay nói cách khác, cùng với ý thức của cá nhân thì môi trường tự nhiên và môi trường xã hội có ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành và phát triển tinh thần con người.

Bộ luật dân sự không đề cập khái niệm thế nào là tinh thần mà chỉ thừa nhận trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tinh thần do có hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân, tức là bảo vệ các giá trị tinh thần của con người. Theo đó, người có hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân thì ngoài việc gây thiệt hại cho sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người đó còn gây ra những thiệt hại về tinh thần cho chính người bị xâm phạm nếu đối tượng bị xâm phạm là sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín hoặc cho những người thân thích của người bị thiệt hại nếu đối tượng bị xâm phạm là tính mạng. Bộ luật dân sự chỉ xác định thế nào là thiệt hại về tinh thần và việc xác định thiệt hại cũng chỉ bằng hình thức liệt kê. Theo điểm b tiểu mục 1.1 mục 1 phần I Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp

dụng một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì:

Thiệt hại do tổn thất về tinh thần của cá nhân được hiểu là do sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm mà người bị thiệt hại hoặc do tính mạng bị xâm phạm mà người thân thích gần gũi nhất của nạn nhân phải chịu đau thương, buồn phiền, mất mát về tình cảm, bị giảm sút hoặc mất uy tín, bị bạn bè xa lánh do bị hiểu nhầm... [12].

Trong thực tiễn đời sống, con người gặp phải sự đau thương, buồn phiền, mất mát về tình cảm, bị giảm sút hoặc mất đi sự tín nhiệm, lòng tin... vì bị hiểu nhầm do nhiều nguyên nhân khác nhau. Những trạng thái tinh thần này diễn ra thường xuyên khi con người gặp phải một vấn đề nào đó có ảnh hưởng xấu tới mình. Pháp luật dân sự không điều chỉnh tất cả các trạng thái tinh thần của con người mà chỉ điều chỉnh khi những trạng thái này xuất phát từ việc sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín bị xâm phạm trái pháp luật. Vì vậy, người có hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác phải chịu trách nhiệm bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị thiệt hại. Việc pháp luật buộc người có hành vi xâm phạm phải bồi thường cũng chính là việc bảo vệ các giá trị tinh thần của con người, tạo cho con người phát triển ổn định trong đời sống xã hội.

1.2.2. Đặc điểm của các giá trị tinh thần

Tinh thần là phạm trù gắn với những biểu hiện tình cảm, tâm trạng thuộc đời sống nội tâm của con người và gắn liền với quyền nhân thân của con người. Do đó, tinh thần chỉ có thể là của con người, gắn với một con người cụ thể. Mặc dù, các yếu tố của tinh thần có thể lây lan ra cộng đồng xung quanh một cách nhanh chóng và có thể là mục đích của nhiều loại quan

hệ mà các chủ thể muốn hướng tới, nhưng điều đó không đồng nghĩa với việc tinh thần có thể chuyển giao, vì tinh thần không phải là đối tượng trong các giao dịch dân sự.

Giá trị tinh thần của con người được biến đổi theo thời gian, chịu sự chi phối của hoàn cảnh khách quan. Các điều kiện khách quan tác động đến tinh thần thì giá trị tinh thần biến đổi theo. Tùy vào việc các điều kiện tác động tốt hay xấu mà tinh thần biến đổi tốt hay xấu. Hành vi xâm phạm trái pháp luật đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín sẽ tác động xấu đến tinh thần của con người. Do đó, pháp luật buộc người có hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác phải bồi thường một khoản vật chất (tiền) cũng là để tạo điều kiện cho việc khắc phục thiệt hại về tinh thần, nhằm làm cho tinh thần của người bị thiệt hại sớm ổn định, qua đó chính là việc bảo vệ các giá trị tinh thần của con người.

Giá trị tinh thần là một khái niệm trừu tượng, những biểu hiện của tinh thần là vô cùng phong phú, không thể liệt kê hết được. Do vậy, giá trị tinh thần của con người không thể định lượng một cách cụ thể, chính xác bằng những số học. Mỗi một con người, thậm chí cùng là một con người nhưng ở những hoàn cảnh khác nhau, những giai đoạn lịch sử khác nhau thì những biểu hiện về tinh thần cũng khác nhau và có các giá trị tinh thần khác nhau.

Tinh thần không phải là tài sản nên không được dùng làm vật ngang giá trong các quan hệ dân sự. Bản thân các giá trị tinh thần của con người không tài nhiên phát sinh tài sản mà nó chỉ được bồi thường bằng trách nhiệm tài sản của người đã có hành vi trái pháp luật gây thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín làm tổn thất về tinh thần.

Những thiệt hại về tinh thần là thiệt hại không thể định lượng được. Do đó, thiệt hại về tinh thần là không thể khôi phục lại tình trạng như ban đầu. Việc bồi thường thiệt hại về tinh thần cũng chỉ đạt được ở mức khắc phục một phần những tổn thất đã xảy ra. Muốn khắc phục thiệt hại về tinh

thần phải làm nhiều biện pháp, bồi thường chỉ là một biện pháp nhưng là biện pháp quan trọng trong việc khắc phục thiệt hại.

Thiệt hại về tinh thần để lại những hậu quả xấu cho bản thân người bị hại. Sự thiệt hại về tinh thần biểu hiện dưới nhiều hình thức, làm cho người bị thiệt hại lo âu, trầm cảm, khủng hoảng tinh thần... có thể dẫn đến các bệnh thần kinh. Những hậu quả này không chỉ ảnh hưởng xấu đến người bị hại mà còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ tác động tiêu cực cho xã hội. Vì vậy, sự cần thiết pháp luật phải quy định để buộc người có hành vi xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác phải bồi thường thiệt hại về tinh thần, qua đó giáo dục ý thức tôn trọng các giá trị tinh thần của con người.

Các giá trị tinh thần có tính lịch sử, giai cấp, tôn giáo... Các yếu tố này chi phối đến sự hình thành và phát triển của các giá trị tinh thần. Tinh thần là của con người, con người sống phụ thuộc vào lịch sử, chịu sự chi phối của lịch sử. Do đó, các giá trị tinh thần của con người cũng có tính lịch sử. Tính lịch sử thể hiện ở đặc điểm, tùy thuộc vào từng giai đoạn lịch sử khác nhau thì quan điểm về cuộc sống, về các giá trị của cuộc sống là khác nhau. Tinh thần cũng mang tính giai cấp, tôn giáo. Mỗi một giai cấp, tôn giáo khác nhau có quan điểm về các giá trị tinh thần của con người là khác nhau.

Hình thức biểu hiện của các giá trị tinh thần là vô cùng đa dạng, phong phú. Có thể nói, nếu như trong từ điển có bao nhiêu từ, ngữ diễn tả được tâm trạng của con người thì có bấy nhiêu hình thức biểu hiện tinh thần của con người. Hình thức biểu hiện các giá trị tinh thần của con người phụ thuộc rất nhiều yếu tố như thể lực, năng lực nhận thức xã hội... của chủ thể. Ngoài ra, các yếu tố môi trường tự nhiên, môi trường xã hội cũng tác động không nhỏ đến các hình thức biểu hiện tinh thần của con người. Điều này lý giải vì sao trong xã hội cùng đứng trước một sự kiện lại có nhiều ý kiến khác nhau. Tuy nhiên, dưới góc độ luật pháp, thì hình thức biểu hiện tinh thần của

con người phải được hiểu một cách chung nhất, sao cho cách hiểu đó phù hợp với định hướng phát triển của xã hội, không trái với đạo đức tốt đẹp của dân tộc và đúng pháp luật. Tức là khi đánh giá thiệt hại về tinh thần của con người phải khách quan, khoa học và đạt được sự hài hòa, buộc các bên liên quan đều nhận thấy việc đánh giá thiệt hại đó là có cơ sở chấp nhận được. Vì vậy, khi phân tích, đánh giá thiệt hại về tinh thần, các cơ quan tố tụng phải xem xét khách quan, không thể dựa vào sự biểu hiện của một bên bị hại mà đánh giá đó là sự tổn thất quá lớn. Điều này sẽ làm mất sự công bằng giữa các bên.

Pháp luật dân sự Việt Nam bảo vệ các giá trị tinh thần của con người một cách bình đẳng, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, tín ngưỡng, màu da, sắc tộc... Mọi hành vi xâm hại đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân gây tổn thất về tinh thần đều bị xử lý nghiêm khắc. Người có hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín gây tổn thất về tinh thần cho người khác phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

1.2.3. Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Các điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là những căn cứ do pháp luật quy định trước. Bất kỳ chủ thể nào thỏa mãn các điều kiện do pháp luật quy định thì trách nhiệm bồi thường mới phát sinh. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại nói chung, bồi thường tổn thất về tinh thần nói riêng là một loại trách nhiệm pháp lý. Trách nhiệm đó chỉ phát sinh khi và chỉ khi thỏa mãn đầy đủ các điều kiện do pháp luật quy định. Pháp luật dân sự không quy định cụ thể căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín bị xâm phạm mà chỉ quy định căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung. Bồi thường tổn thất về tinh thần là một nội dung trong bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Vì vậy, các căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cũng được coi là các căn cứ phát

sinh trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị xâm phạm.

Qua nghiên cứu pháp luật của một số nước về vấn đề căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại có sự khác nhau. Ví dụ: Cộng hòa Pháp, khi xem xét căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường phải có ba điều kiện là: có thiệt hại xảy ra; có một sự kiện (sự kiện cố ý hoặc không cố ý); có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại và sự kiện. ở Liên bang Xô Viết cũ, việc xác định trách nhiệm bồi thường dân sự chỉ phát sinh khi có các điều kiện sau: có xử sự bất hợp pháp của đương sự; có mối quan hệ giữa xử sự bất hợp pháp và kết quả xảy ra; có lỗi của đương sự [36, tr. 232-234]. ở Nhật Bản, việc xác định trách nhiệm căn cứ vào rất nhiều yếu tố, bao gồm: có lỗi cố ý hay vô ý khi xảy ra thiệt hại; có năng lực trách nhiệm (có phân biệt giữa hành vi của người chưa thành niên và người ở trạng thái không có năng lực hành vi); tính trái pháp luật của hành vi khi xâm phạm quyền và gây thiệt hại (bao gồm cả vi phạm quyền về tài sản và vi phạm về quyền nhân thân); phải phát sinh thiệt hại; có quan hệ nhân quả thực tế giữa hành vi trái pháp luật của người gây thiệt hại và người bị thiệt hại phải gánh chịu [1, tr. 676]. Như vậy, ở các nước khác nhau, pháp luật cũng có sự quy định khác nhau về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, dù pháp luật của mỗi nước khác nhau có quy định như thế nào thì cũng đều thống nhất với nhau ở đặc điểm đó là: hành vi, có lỗi, có thiệt hại và có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả.

ở Việt Nam, việc xác định căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại được quy định tại Điều 307 (*Trách nhiệm bồi thường thiệt hại*) và Điều 604 (*Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại*) của Bộ luật dân sự năm 2005. Theo đó, căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại được xác định gồm 4 điều kiện: Có hành vi trái pháp luật; có thiệt hại xảy ra; có lỗi; có mối quan hệ nhân quả.

1.2.3.1. Có hành vi trái pháp luật

Trong trách nhiệm dân sự do gây thiệt hại ngoài hợp đồng thì hành vi gây thiệt hại được hiểu là hành vi vi phạm một qui định nào đó của pháp luật. Hành vi gây thiệt hại trái pháp luật là hành vi gây ra thiệt hại cho các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ. Hành vi trái pháp luật đó có thể do pháp luật cấm thực hiện hoặc yêu cầu thực hiện nhưng chủ thể đã không thực hiện hoặc có thực hiện nhưng thực hiện không đúng, thực hiện không đầy đủ nên đã gây thiệt hại. Nếu hành vi đó được thực hiện mà pháp luật cho phép thực hiện hoặc không được thực hiện mà pháp luật không bắt buộc phải thực hiện thì hành vi đó không phải là hành vi trái pháp luật và người thực hiện hoặc không thực hiện hành vi đó không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, kể cả trong trường hợp có thiệt hại thực tế xảy ra. Chủ thể thực hiện hành vi gây thiệt hại là con người. Con người gây thiệt hại thông qua hành vi của chính mình. Hành vi đó được ý thức của con người điều khiển. Hình thức của hành vi gây thiệt hại được biểu hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động. Hành động hoặc không hành động đều là những biểu hiện của con người ra thế giới khách quan, được ý thức kiểm soát, lý trí điều khiển và đều có khả năng làm biến đổi tình trạng bình thường của đối tượng tác động, gây thiệt hại cho quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ. Hành động gây thiệt hại có thể là tác động trực tiếp của chủ thể vào đối tượng gây thiệt hại hoặc có thể là tác động gián tiếp của chủ thể vào đối tượng thông qua công cụ, phương tiện gây thiệt hại.

Không hành động gây thiệt hại là một hình thức của hành vi gây thiệt hại cho khách thể bằng việc chủ thể không làm một việc mà pháp luật quy định bắt buộc phải làm, mặc dù có đầy đủ các điều kiện để làm. Việc xác định hành vi gây thiệt hại bằng hành động không khó, bởi vì nó tác động trực tiếp đến đối tượng bị thiệt hại như hành vi: bắn, đâm, chém... Tuy nhiên, ở dạng không hành động hoặc được thực hiện thông qua hành vi của người khác thì

cần phải xác định mối quan hệ giữa thiệt hại với hành vi của người gây thiệt hại và trách nhiệm, nghĩa vụ của họ đối với thiệt hại xảy ra.

Một số nước Châu á như Nhật Bản, Thái Lan thì để coi hành vi nào đó là trái luật cần phải xem xét cả thiệt hại xảy ra cũng như hành vi xâm phạm như thế nào. Ví dụ: tại Điều 420 Bộ luật dân sự và thương mại Thái Lan quy định hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín và tự do: *"Một người cố tình hay vô tình làm tổn thương một cách trái pháp luật đến đời sống, thân thể, sức khỏe, tự do, tài sản hoặc bất cứ quyền nào của con người thì bị coi là phạm một hành vi sai trái và có nghĩa vụ bồi thường cho sự tổn thương đó"*.

ở Việt Nam, trước khi có Bộ luật dân sự, ngành Tòa án căn cứ vào Thông tư số 173/UBTP-TANDTC ngày 23 tháng 3 năm 1972 của Tòa án nhân dân tối cao để xác định thế nào là hành vi trái pháp luật trong quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Theo nội dung Thông tư số 173 thì hành vi trái pháp luật *"có thể là một việc về hình sự, một vi phạm pháp luật về dân sự, một vi phạm đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước hoặc một vi phạm một quy tắc xã hội"*. Mặc dù Bộ luật dân sự năm 2005 không có điều luật cụ thể quy định thế nào là hành vi trái pháp luật nhưng theo Điều 604 của Bộ luật chúng ta có thể hiểu những hành vi *"... xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của cá nhân, xâm phạm danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân hoặc chủ thể khác..."* đều được coi là hành vi trái luật.

Như vậy, khi xem xét hành vi trái pháp luật gây thiệt hại làm cơ sở phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, chúng ta có thể thấy hành vi trái pháp luật gây thiệt hại có những đặc điểm như sau:

Một là, hành vi gây thiệt hại phải trái pháp luật, nếu không trái pháp luật thì không phải chịu trách nhiệm bồi thường, không phụ thuộc vào việc có hay không có thiệt hại thực tế xảy ra. Hành vi trái pháp luật được hiểu là hành

vi phạm các quy định của pháp luật. Đối với những hành vi gây thiệt hại về tinh thần cho người bị thiệt hại hoặc những người thân thích của người đó do thực hiện theo yêu cầu của nghề nghiệp hoặc thi hành các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì không bị coi là hành vi trái pháp luật. Ví dụ: cán bộ làm công tác thi hành án tử hình... Ngoài ra, pháp luật cũng dự liệu một số tình huống cho phép các chủ thể ở trong tình huống đó có thể gây thiệt hại mà không phải bồi thường như: gây hại trong tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như của xã hội. Hành vi gây thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân là hành vi trái pháp luật, xâm phạm đến các quan hệ được luật dân sự bảo vệ, gây hậu quả xấu là làm cho bản thân người bị thiệt hại và những người thân thích của người bị hại những tổn thất nhất định về mặt tinh thần. Ví dụ: hành vi chém đứt một cánh tay của một cô gái gây ra hậu quả cô gái bị tỉ lệ thương tật 35%. Ngoài ra, việc mất một cánh tay sẽ ảnh hưởng nặng đến tinh thần của cô gái vì cô gái hoang mang, lo sợ mình bị xấu sẽ không lấy được chồng...

Hai là, hình thức biểu hiện ra bên ngoài của hành vi trái pháp luật có thể dưới dạng hành động hoặc không hành động. Dù biểu hiện ra bên ngoài có bằng hình thức nào thì hành vi đó có một điểm chung là gây tổn thất về mặt tinh thần do đã xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác. Tuy nhiên, hành vi thể hiện dưới dạng hành động gây thiệt hại thì việc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại sẽ dễ hơn, song nếu hành vi thể hiện dưới dạng không hành động thì việc xác định trách nhiệm bồi thường là rất khó khăn.

Ba là, hành vi gây thiệt hại trái pháp luật phải là hành vi có ý thức và ý chí. Hay nói cách khác là không thể có hành vi gây thiệt hại trái pháp luật mà không được ý thức kiểm soát hay không được ý chí của chủ thể điều khiển. Nếu chủ thể không điều khiển được hành vi và hành vi ấy không được

ý thức kiểm soát thì không phát sinh trách nhiệm bồi thường. Hành vi gây thiệt hại có thể cố ý hoặc vô ý đối với hậu quả tổn thất về tinh thần thì chủ thể thực hiện đều phải chịu trách nhiệm đối với hậu quả do hành vi của mình gây ra.

Trong bồi thường tổn thất về tinh thần, hành vi của người xâm phạm trái pháp luật là hành vi xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác. Hành vi đó không xâm phạm trực tiếp đến tinh thần của con người mà thông qua việc xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của con người gây ra hậu quả làm cho chính người bị thiệt hại hoặc người thân thích của người bị thiệt hại đau đớn, buồn tủi, lo lắng, mất mát về tình cảm, suy sụp về tinh thần... Sự đau đớn, buồn tủi, lo lắng, mất mát, suy sụp đó được coi là những hình thức biểu hiện ra bên ngoài của tổn thất về tinh thần. Nói cách khác, không giống như vật chất là đối tượng chịu tác động trực tiếp gây ra hậu quả, tinh thần là cái phi vật chất nên không thể là đối tượng bị tác động trực tiếp gây ra hậu quả, mà những thiệt hại về tinh thần chỉ là hậu quả kéo theo của một hậu quả vật chất bị tác động. Ví dụ: Hành vi giết một đứa trẻ gây hậu quả đứa trẻ bị chết. Chính vì đứa trẻ bị chết làm cho bố, mẹ và những người thân thích khác của đứa trẻ đau khổ, buồn tủi... ảnh hưởng xấu đến tinh thần của họ.

Hành vi trái pháp luật là một yếu tố thuộc mặt khách quan của cấu thành vi phạm pháp luật dân sự và là một trong những căn cứ quan trọng để xem xét trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần do xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân. Vì vậy, khi áp dụng pháp luật, những người tiến hành tố tụng phải thận trọng, xem xét một cách khách quan, toàn diện, đặt hành vi trái pháp luật đó trong hoàn cảnh, không gian cụ thể...

1.2.3.2. Có thiệt hại xảy ra

Thiệt hại được hiểu là những sự mất mát về người, về của cải vật chất hoặc tinh thần. Thiệt hại trong pháp luật được hiểu là tổn thất về sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của cá nhân; tài sản, danh dự, uy tín của pháp nhân hoặc chủ thể khác được pháp luật bảo vệ. Thiệt hại còn bao gồm cả những chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại. Thiệt hại là điều kiện tiên quyết, điều kiện quan trọng nhất của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Hay nói cách khác, thiệt hại là một yếu tố cơ bản cấu thành nên trách nhiệm bồi thường thiệt hại nói chung, cũng như trách nhiệm bồi thường thiệt hại do xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín nói riêng. Mục đích của trách nhiệm bồi thường thiệt hại là nhằm khôi phục lại tình trạng như ban đầu hoặc bù đắp những tổn thất cho người bị thiệt hại nếu thiệt hại đó là không thể khôi phục. Do đó, phải có thiệt hại thì mục đích của bồi thường mới đạt được. Nếu như trách nhiệm hình sự được đặt ra khi hậu quả thiệt hại phải ở mức độ nghiêm trọng đối với sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của con người thì trong dân sự, trách nhiệm bồi thường thiệt hại xảy ra do sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của con người bị xâm phạm kể cả trong trường hợp không nghiêm trọng.

Không giống như việc xác định thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, việc xác định thiệt hại trong trường hợp sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị xâm phạm không đơn giản, bởi vì không thể "lượng hóa" được thiệt hại trong trường hợp này, đặc biệt là việc xác định thiệt hại về tinh thần. Trên thực tế, mọi thiệt hại đều mang tính khách quan, không phụ thuộc ý thức chủ quan. Song việc đánh giá thiệt hại khách quan lại được thông qua ý thức chủ quan của con người. Điều này có nghĩa là con người sống trong thế giới khách quan, bị thế giới khách quan bao gồm điều kiện tự nhiên và điều kiện xã hội như đời sống, tri thức, khoa học... chi phối nên khả năng đánh giá thiệt hại khách quan phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Tuy nhiên, điều đó

không có nghĩa là những người làm công tác đánh giá thiệt hại trong các vụ án có thể tùy tiện đánh giá mà sự đánh giá đó trong những điều kiện, hoàn cảnh thực tế như vậy thì mọi người đều phải công nhận thiệt hại thực tế đó là khách quan, có cơ sở khoa học. Thông thường, trong các vụ án có tranh chấp liên quan đến khoản tiền bồi thường thì người bị thiệt hại có xu hướng làm phức tạp thêm vấn đề và khai tăng mức độ thiệt hại. Ngược lại, đối với người gây ra thiệt hại lại có xu hướng đơn giản hóa vấn đề và làm giảm mức độ thiệt hại. Vì vậy, yêu cầu đặt ra đối với những người làm công tác giám định chuyên môn và những người làm công tác áp dụng pháp luật thực sự phải công tâm, khách quan đánh giá đúng mức độ thiệt hại xảy ra và áp dụng đúng các quy phạm pháp luật để giải quyết vào các vụ án cụ thể. Về nguyên tắc, thiệt hại về tinh thần là những thiệt hại phi vật chất không thể tính toán bồi thường toàn bộ được mà chỉ có thể được coi là dùng một khoản tiền để bù đắp những tổn thất mà bên bị thiệt hại phải gánh chịu. Vì vậy, không thể có một công thức chung duy nhất áp dụng cho mọi trường hợp.

Yêu cầu chung trong việc đánh giá thiệt hại là phải tính toán được và có thể xác định bằng một khoản tiền tương đương (tiền là vật ngang giá) mới có cơ sở để bồi thường. Tuy nhiên, đối với thiệt hại về tinh thần thì không thể tính toán bằng số tiền cụ thể chính xác. Tinh thần là một khái niệm trừu tượng, tinh thần không phải là vật chất, không thể mang ra để cân, đo, đong, đếm một cách cụ thể để xác định thiệt hại. Do vậy, Tòa án và các cơ quan tiến hành tố tụng khác chỉ có thể căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xem xét, giải quyết một cách toàn diện từ hành vi, ý thức, thái độ của các bên liên quan đến không gian, thời gian... xảy ra vụ việc, kết hợp với kết quả giám định của cơ quan chuyên môn (nếu có) để đánh giá một cách tương đối chính xác về thiệt hại. Ví dụ: Sau khi chứng kiến người khác giết chết chồng mình, người vợ đã suy sụp tinh thần đến mức độ rối loạn trí nhớ... Trên cơ sở đó, các cơ quan tiến hành tố tụng mới xác định được số tiền cụ thể để bù đắp tổn thất về

tinh thần, nhằm đảm bảo quyền lợi của người bị hại có điều kiện xoa dịu nỗi đau và khắc phục thiệt hại xảy ra.

Mặc dù không có một điều luật nào đưa ra khái niệm thế nào là thiệt hại về tinh thần, nhưng đa số phải thừa nhận thiệt hại về tinh thần là sự thiệt hại về các giá trị của tinh thần như tư tưởng, tình cảm, tâm lý... của cá nhân đối với một sự mất mát, đau thương. Thiệt hại gây ra đối với tâm trạng con người, hình thức biểu hiện của tổn thất về tinh thần rất đa dạng, không một trường hợp nào giống trường hợp nào. Cùng chứng kiến một sự kiện xảy ra nhưng có người thể hiện sự bàng quan, thờ ơ... nhưng cũng có người đau thương, buồn tủi... Tuy nhiên, hình thức biểu hiện thiệt hại về tinh thần thường là: tâm lý suy sụp của người bị thiệt hại sau khi sức khỏe bị giảm sút, làm cho bị tàn tật, biến dạng, không tự tin vào bản thân... gây ra trạng thái hoang mang, lo sợ, đau buồn... Thiệt hại về tinh thần còn xảy ra ở cả những trường hợp oan, sai như: bị bắt oan, bị mạo danh, bị bôi nhọ... Trên thực tế, việc suy diễn hình thức biểu hiện thiệt hại về tinh thần là vô cùng phong phú, có thể nói trong từ điển có bao nhiêu từ, ngữ diễn tả tâm trạng của con người thì có bấy nhiêu hình thức biểu hiện thiệt hại về tinh thần. Vì vậy, không thể lượng hóa thành tiền khi đánh giá thiệt hại về tinh thần. Tuy nhiên, khi đánh giá thiệt hại về tinh thần không chỉ nhìn vào trạng thái tâm lý của người bị thiệt hại, mà còn phải xem xét các khoản chi phí cho việc khắc phục các thiệt hại như: tiền điều trị cho người bị rối loạn trí nhớ do suy sụp về tinh thần... Đây là nội dung chưa được pháp luật quy định. Nên chăng vấn đề này cần được bổ sung bởi lẽ luật chấp nhận việc bồi thường các khoản chi phí cứu chữa, khắc phục hậu quả của việc xâm phạm tính mạng, sức khỏe mà lại bỏ qua việc khắc phục hậu quả thiệt hại về tinh thần.

Thiệt hại về tinh thần còn được xác định không chỉ đối với bản thân người bị thiệt hại về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và uy tín mà còn đối với cả những người thân thích của người bị thiệt hại khi chứng kiến thiệt hại đó.

Thậm chí, có nhiều trường hợp người thân thích của người bị thiệt hại còn tỏ rõ sự đau thương, buồn phiền hơn cả bản thân người bị thiệt hại. Điều này hoàn toàn có cơ sở bởi vì hoàn cảnh mỗi người khác nhau thì có sự nhận thức khác nhau. Khi đánh giá tổn thất về tinh thần, phải xem xét một cách toàn diện, không chỉ xem xét mức độ tổn thất của một người mà phải tính đến số lượng người thân thích của người đó. Đây cũng là điều hoàn toàn phù hợp với phong tục, tập quán "*Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ*" của người Việt Nam. Vì vậy, việc pháp luật quy định người gây thiệt hại phải bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho những người thân thích của người bị hại là hoàn toàn có cơ sở khoa học, phù hợp với truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Người thân thích của người bị hại có thể cũng biểu hiện tổn thất về tinh thần như suy sụp, hoang mang, lo lắng, đau thương trước cái chết của nạn nhân. Khác với thiệt hại vật chất, thiệt hại về tinh thần không có tiêu chí chung để xác định cho mọi trường hợp, bởi vì các trường hợp khác nhau là khác nhau, mỗi cá nhân có một hoàn cảnh "*mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh*", do đó sự tổn thất, mất mát về tinh thần của mỗi con người cũng khác nhau, nhưng thiệt hại về tinh thần thường đi kèm với thiệt hại vật chất.

Khi đánh giá thiệt hại về tinh thần, một số nước trên thế giới ghi nhận cũng có sự thiệt hại về tinh thần như Liên Xô cũ, Cộng hòa Liên bang Đức... Trong cuốn "*Trách nhiệm phát sinh do gây thiệt hại*" (Nhà xuất bản LGU, Leningrat, 1973), tác giả Smirnốp T.V khẳng định: "*Nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu vật chất, văn hóa, tinh thần công dân Xô Viết, về việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ chỉ là thực hiện đầy đủ khi người bị thiệt hại được bồi thường không những thiệt hại về vật chất mà cả thiệt hại về tinh thần*". Như vậy, quan điểm đối với thiệt hại của các nước này thừa nhận ngoài những thiệt hại về vật chất còn có cả thiệt hại về tinh thần.

ở Việt Nam, trước khi có Bộ luật dân sự thì việc xác định thiệt hại căn cứ vào Thông tư số 173/UBTP-TANDTC ngày 23 tháng 3 năm 1972 của Tòa

án nhân dân tối cao hướng dẫn bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Theo đó thiệt hại được hiểu: *"Đó là thiệt hại vật chất, biểu hiện cụ thể là thiệt hại về tài sản hoặc những chi phí và thu nhập bị mất, do có sự thiệt hại về tính mạng, sức khỏe đưa đến. Thiệt hại đó phải thực sự xảy ra và tính toán được"*. Thực tế đời sống thì những thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín thường kéo theo là những tổn thất về tinh thần đối với người bị hại và những người thân thích của người đó. Tuy nhiên, nội dung Thông tư không đề cập đến những thiệt hại về tinh thần vì sự hạn chế trong tư duy của những nhà làm luật thời điểm bấy giờ. Đây là một khiếm khuyết trong công tác xây dựng pháp luật. Vì vậy, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân chưa được đảm bảo.

Pháp luật dân sự Việt Nam thừa nhận có thiệt hại về tinh thần. Khoản 3 Điều 307 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Người gây thiệt hại về tinh thần cho người khác do xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín của người đó thì ngoài việc chấm dứt hành vi vi phạm, xin lỗi, cải chính công khai còn phải bồi thường một khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị thiệt hại"* [23]. Như vậy, theo pháp luật dân sự, những thiệt hại thực tế xảy ra có thể là thiệt hại vật chất hoặc tinh thần. Thiệt hại vật chất là thiệt hại được biểu hiện cụ thể như tài sản đã mất mát, hư hỏng và những chi phí cần thiết khác để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục, sửa chữa, thay thế tài sản bị hư hỏng, những khoản thu nhập thực tế bị mất. Thiệt hại về tinh thần là những tổn thất thực tế do việc xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân. Tổn thất thực tế được đề cập ở đây là sự giảm sút, mất mát về tinh thần, hay những chi phí để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại mà người bị thiệt hại phải gánh chịu.

Khi một người có hành vi trái pháp luật gây ra những thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác thì thiệt hại được xác định như thế nào? Sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của con người là vô giá, không thể tính toán, lượng hóa thành một khoản

tiền cụ thể. Do vậy, bồi thường ở đây không phải bồi thường bằng sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín mà nó là những bồi thường về vật chất. Và khoản bồi thường vật chất này cũng chỉ được coi là để bù đắp những thiệt hại đã mất mát hoặc bị giảm sút.

Bộ luật dân sự năm 2005 ghi nhận việc buộc người gây thiệt hại phải *"bồi thường một khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần"* cho người bị thiệt hại hoặc người thân thích của họ. Thiệt hại về tinh thần được hiểu là những tổn thất về danh dự, uy tín, nhân phẩm hoặc suy sụp về tâm lý, tình cảm của cá nhân. Khác với thiệt hại về vật chất, thiệt hại về tinh thần không có tiêu chí chung để xác định cho mọi cá nhân bởi điều kiện, hoàn cảnh của từng cá nhân là khác nhau. Pháp luật dân sự nói chung, chế định bồi thường thiệt hại do sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín bị xâm phạm nói riêng là những vấn đề rất nhạy cảm và vô cùng phức tạp. Bởi những thiệt hại về tinh thần là những thiệt hại phi vật chất, không thể có công thức chung để quy đổi thành tiền áp dụng cho mọi trường hợp. Việc giải quyết khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cũng chỉ nhằm an ủi, động viên, xoa dịu nỗi đau cho chính nạn nhân hoặc những người thân thích của người bị hại. Đây là vấn đề tương đối khó, trong khi các cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn thi hành lại chưa rõ ràng, cụ thể nên khi áp dụng còn chưa có nhận thức chung, thống nhất.

Hậu quả thiệt hại là một yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật dân sự. Việc xác định hậu quả thiệt hại về tinh thần không phải là vấn đề dễ dàng mà ngược lại là vấn đề vô cùng khó khăn, phức tạp. Hiện nay, chưa có một cơ quan nào có thẩm quyền chuyên môn trong việc giám định thiệt hại về tinh thần. Vì vậy, trong công tác áp dụng pháp luật đòi hỏi những người tiến hành tố tụng phải thận trọng xem xét, đánh giá một cách khách quan... Theo tác giả, khi đánh giá mức độ thiệt hại về tinh thần thì ngoài việc xem xét những biểu

hiện ra bên ngoài như: đau thương, buồn phiền, lo âu, mất ngủ... thì cần phải tính đến các yếu tố khác ảnh hưởng đến tinh thần của người bị thiệt hại như:

- Vị trí, vai trò của người bị thiệt hại trong quan hệ với người thân và với xã hội. Xét vị trí, vai trò của người bị thiệt hại trong mối quan hệ với người thân là xác định mức độ tổn thất về tinh thần của chính bản thân người bị thiệt hại hoặc người thân thích của người bị thiệt hại khi hậu quả xảy ra. Ví dụ: người bị xâm phạm đến tính mạng là lao động duy nhất, là người có trình độ, uy tín nhất trong các thành viên của gia đình. Nếu người này bị thiệt hại về tính mạng sẽ mang lại nhiều nỗi lo lắng, phiền muộn cho những người thân thích hơn.

- Xem xét sự thiệt hại về tinh thần ảnh hưởng đối với nghề nghiệp. Ví dụ: Cùng là bị thương tích để lại nhiều vết sẹo ở vùng mặt, nhưng mức độ thiệt hại về tinh thần sẽ bị ảnh hưởng nặng hơn đối với người làm nghề diễn viên so với người làm công nhân khai thác than.

- Tính chất của hành vi xâm hại nghiêm trọng hay không nghiêm trọng. Ví dụ: hành vi dùng chân tay gây thương tích cho người khác dù sao thiệt hại về tinh thần cũng ở mức độ nhẹ hơn so với hành vi dùng dao truy đuổi đến cùng để gây thương tích, đẩy người bị thiệt hại phải hốt hoảng chạy trốn, tránh những nhát dao có thể tước đoạt tính mạng của mình. Hoặc trường hợp giết người sau đó chặt thi thể thành nhiều khúc sẽ làm cho mức độ đau thương của những người thân thích lớn hơn so với trường hợp vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ gây hậu quả chết người.

- Đối tượng bị tác động trực tiếp bởi hành vi xâm hại. Đối tượng bị xâm phạm cũng là căn cứ xác định mức độ thiệt hại về tinh thần. Ví dụ: nếu tính mạng bị xâm phạm thì mức độ thiệt hại về tinh thần phải lớn hơn so với sức khỏe bị xâm phạm.

- Giới tính của người xâm phạm và của người bị xâm phạm. Giới tính cũng có sự ảnh hưởng tới mức độ thiệt hại về tinh thần. Ví dụ: một người là nữ giới bị một người là nam giới xâm phạm đến sức khỏe bao giờ cũng để lại mức độ thiệt hại về tinh thần lớn hơn so với điều ngược lại.

- Độ tuổi của người xâm phạm và của người bị thiệt hại. Ví dụ: người bị xâm hại về tính mạng là trẻ sơ sinh bao giờ cũng làm cho mức độ đau thương lớn hơn so với người bị xâm phạm về tính mạng là cụ già.

- Tình trạng sức khỏe của người xâm phạm và của người bị xâm phạm cũng ảnh hưởng đến mức độ thiệt hại về tinh thần. Ví dụ: Người xâm phạm là người khỏe mạnh có hành vi xâm phạm tính mạng của người đang được cấp cứu ở bệnh viện sẽ làm cho người thân thích của người bị xâm phạm đau thương hơn.

- Mức độ thương tích, bộ phận nào của cơ thể bị thiệt hại, thiệt hại tạm thời hay vĩnh viễn (cố tật). Mức độ thương tích và bộ phận trên cơ thể có tác động đến mức độ thiệt hại về tinh thần. Ví dụ: nếu thương tích để lại vết sẹo trên vùng sau lưng thì mức độ thiệt hại về tinh thần sẽ nhẹ hơn so với vết sẹo trên vùng mặt hoặc người bị thương tích 10% sức khỏe phải có mức độ tổn thất về tinh thần nhẹ hơn so với người bị thương tích 80% sức khỏe.

- Thời gian chịu thiệt hại diễn ra dài hay ngắn. Thời gian ảnh hưởng là căn cứ xác định tính chất, mức độ thiệt hại về tinh thần. Ví dụ: cùng là hành vi xâm phạm sức khỏe nhưng người bị thương nhẹ, được điều trị khoảng một tuần là ổn định thì mức độ thiệt hại về tinh thần sẽ nhẹ hơn rất nhiều so với trường hợp người bị thương nặng dẫn đến thời gian điều trị kéo dài hàng năm mới ổn định.

- Số lượng người bị thiệt hại và số lượng người xâm phạm. Ví dụ: trong một gia đình có hai người bị xâm phạm tính mạng sẽ làm cho mức độ đau thương lớn hơn so với một người bị xâm phạm tính mạng...

Ngoài ra, các yếu tố khác có ảnh hưởng đến mức độ tổn thất về tinh thần cũng cần được lưu ý như không gian, thời gian... diễn ra hành vi xâm phạm.

Pháp luật buộc người có hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác phải chịu trách nhiệm bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị thiệt hại và những người thân thích của người đó là phù hợp cả lý luận với thực tiễn, phù hợp với phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

1.2.3.3. Có lỗi

Trong luật dân sự, lỗi là điều kiện làm căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung và bồi thường tổn thất về tinh thần do xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân nói riêng. Một người có hành vi trái pháp luật gây thiệt hại thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với hậu quả của hành vi đó nếu họ có lỗi. Vì vậy, xác định lỗi trong luật dân sự là rất quan trọng vì đó là căn cứ để xác định trách nhiệm cá nhân của người gây thiệt hại và là căn cứ để xác định mức bồi thường thiệt hại.

Lỗi là dấu hiệu thuộc mặt chủ quan phản ánh chủ thể đã lựa chọn thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội khi có đủ điều kiện lựa chọn thực hiện hành vi khác phù hợp với đòi hỏi của xã hội. Lỗi cũng được hiểu là trạng thái tâm lý của con người, nhận thức được tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi và hậu quả của hành vi do mình gây ra. Một hành vi trái pháp luật gây thiệt hại của một chủ thể đều là sự thống nhất của hai mặt: khách quan và chủ quan. Nếu như mặt khách quan là những những biểu hiện ra bên ngoài của chủ thể thì mặt chủ quan là những biểu hiện tâm lý diễn ra bên trong của chủ thể. Vì vậy, có thể khẳng định hoạt động tâm lý bên trong của chủ thể thường gắn với các biểu hiện bên ngoài của chính chủ thể đó. Hoạt động tâm lý bên trong gồm nhiều nội dung khác nhau như: động cơ, mục đích...

Lỗi trong pháp luật dân sự được thể hiện dưới hai hình thức: cố ý và vô ý. Khoản 2 Điều 308 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

Cố ý gây thiệt hại là trường hợp một người nhận thức rõ hành vi của mình sẽ gây thiệt hại cho người khác mà vẫn thực hiện và mong muốn hoặc tuy không mong muốn nhưng để mặc cho thiệt hại xảy ra.

Vô ý gây thiệt hại là trường hợp một người không thấy trước hành vi của mình có khả năng gây thiệt hại, mặc dù phải biết hoặc có thể biết trước thiệt hại sẽ xảy ra hoặc thấy trước hành vi của mình có khả năng gây thiệt hại, nhưng cho rằng thiệt hại sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn chặn được [23].

Lỗi được cấu thành bởi hai yếu tố: lý trí và ý chí. Lý trí thể hiện năng lực nhận thức thực tại khách quan, còn ý chí là yếu tố biểu hiện năng lực điều khiển hành vi trên cơ sở nhận thức thực tại khách quan. Hay nói cách khác, ý chí biểu hiện năng lực điều khiển hành vi trên cơ sở nhận thức và còn là yếu tố tâm lý cần thiết của mọi hành động có ý thức của con người.

Xác định trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị xâm phạm thì ngoài việc xem xét đến tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi khách quan, còn phải xem xét lỗi của người đó, vì lỗi đã là quan trọng đối với bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì trong bồi thường tổn thất về tinh thần lại càng quan trọng hơn. Xét mức độ lỗi trong vi phạm pháp luật chính là sự thừa nhận và tôn trọng sự tự do của mỗi con người. Vì trong những điều kiện, hoàn cảnh khác nhau, con người đều có quyền tự do lựa chọn cho mình những xử sự thích hợp, sao cho phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Chính việc con người đã lựa chọn hành vi xử sự gây thiệt hại, mặc dù có đủ điều kiện để lựa chọn cho mình một hành vi xử sự khác không gây thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác nên người

đó bị coi là có lỗi trong việc gây thiệt hại trái pháp luật nên phải chịu trách nhiệm bồi thường. Do đó, chúng ta có thể khẳng định: Một hành vi gây thiệt hại cho xã hội sẽ bị coi là có lỗi nếu hành vi đó là kết quả của sự tự lựa chọn và quyết định của chủ thể trong khi chủ thể có đủ điều kiện khách quan và chủ quan để tự do lựa chọn và quyết định một xử sự khác phù hợp với lợi ích của xã hội, Nhà nước và chủ thể khác.

Nhằm bảo vệ lợi ích của người bị thiệt hại, pháp luật dân sự cho phép suy đoán lỗi. Bởi lẽ, khác với trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự cho phép suy đoán lỗi vì người có hành vi trái pháp luật về nguyên tắc chung là có lỗi. Điều 604 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Người nào do lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của cá nhân... hoặc chủ thể khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường"*. Và ngay cả một số trường hợp phải bồi thường khi không có lỗi *"Trong trường hợp pháp luật quy định người gây thiệt hại phải bồi thường cả trong trường hợp không có lỗi thì áp dụng quy định đó"*. Như vậy, có thể nói rằng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung, trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần do xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân nói riêng phải dựa trên cơ sở lỗi. Một người gây thiệt hại mà không có lỗi thì dù hậu quả thiệt hại xảy ra như thế nào thì cũng không phải bồi thường, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Khi xem xét trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung và trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị xâm phạm nói riêng thì lỗi được xem là thước đo đánh giá thái độ, mức độ vi phạm của người gây thiệt hại để làm căn cứ xác định mức bồi thường cũng như hình thức bồi thường.

Hiện nay, còn có nhiều ý kiến khác nhau trong việc phân biệt hình thức lỗi. Có quan điểm cho rằng ngoài việc phân chia hình thức lỗi cố ý và vô ý theo luật thì cần phân biệt mức độ lỗi "vô ý nặng", "vô ý nhẹ". Theo quan điểm của tác giả, mặc dù Điều 308 Bộ luật dân sự năm 2005 phân biệt lỗi thành hai mức độ "cố ý và vô ý", nhưng việc phân biệt như vậy không ảnh hưởng nhiều đến việc xác định có hay không có trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Việc phân biệt mức độ lỗi cũng chỉ được coi là căn cứ để xem xét giảm mức bồi thường khi người gây thiệt hại do lỗi vô ý đã gây ra thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế trước mắt và lâu dài của mình theo khoản 2 Điều 605 Bộ luật dân sự năm 2005.

Vấn đề xác định mức bồi thường trong trường hợp người bị thiệt hại cũng có lỗi rất phức tạp, lỗi này chiếm tỉ lệ bao nhiêu, lỗi này là lỗi hành vi hay lỗi hậu quả? Hiện nay, chưa có văn bản hướng dẫn nên quan điểm của các Tòa án khác nhau cũng có sự vận dụng khác nhau. Lấy hai ví dụ sau để thấy quan điểm của các Tòa khác nhau có sự khác nhau:

Vụ án thứ nhất, Phạm Bình đánh vỡ chiếc ti vi của Hoàng Văn Hùng. Sau đó, Hùng gọi Phạm Huy là bố của Bình yêu cầu bồi thường chiếc ti vi nhưng không được đáp ứng dẫn đến đánh nhau. Huy đã dùng gậy đuổi đánh Hùng. Được mọi người can ngăn nên Huy đã dừng lại. Vì bức tức trước hành vi của Huy, Hùng vớ được con dao gần đó đâm một nhát gây thương tích cho Huy với tỉ lệ thương tật 13%. Tòa án xét xử buộc Hùng bồi thường toàn bộ các khoản chi phí cứu chữa, phục hồi sức khỏe... Nhưng riêng khoản bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần, Tòa cho rằng bị hại cũng có lỗi nên áp dụng Điều 617 Bộ luật dân sự năm 2005, không chấp nhận yêu cầu của bị hại.

Vụ án thứ hai, do có mâu thuẫn từ trước nên khi gặp nhau Nguyễn Thị Hoa đã lao vào đánh nhau với Hồ Thị Nguyệt. Kết quả của trận đánh nhau, Hoa bị thương tỉ lệ 13%, điều trị hết 1.500.000 đồng, Nguyệt bị thương 31%, điều trị hết 4.000.000 đồng. Tòa án xét xử buộc Hoa bồi thường cho

Nguyệt số tiền là $1/2 \times (4.000.000,đ - 1.500.000,đ)$ với lập luận là hai bên có lỗi ngang nhau nên mỗi bên gánh chịu một nửa.

Như vậy, ở hai vụ việc khác nhau, Tòa có sự vận dụng riêng. Nếu như ở vụ thứ nhất, hành vi dùng gậy tấn công Hùng của Huy là hành vi trái pháp luật, có lỗi nên Huy phải chịu trách nhiệm một phần đối với hậu quả thiệt hại xảy ra. Trường hợp này, Tòa không buộc Hùng bồi thường tổn thất tinh thần là vận dụng Điều 617 Bộ luật dân sự năm 2005. Cách giải quyết này của Tòa có thỏa đáng, bởi giữa hành vi trái pháp luật của Huy (dùng gậy đuổi đánh) với hậu quả của thiệt hại về sức khỏe của Huy không có mối quan hệ nhân quả. Cần phân biệt hành vi trái pháp luật và yếu tố lỗi quy định tại Điều 617 Bộ luật dân sự năm 2005. Theo quan điểm của tác giả, lỗi ở Điều 617 Bộ luật dân sự năm 2005 là lỗi trong việc gây ra thiệt hại. Lỗi gây ra thiệt hại và hành vi trái pháp luật là hai vấn đề khác nhau. Trở lại ví dụ thứ nhất thấy, đúng là hành vi của Huy là hành vi trái pháp luật khi dùng gậy đuổi đánh Hùng làm cho Hùng bị kích động, nhưng như vậy không thể kết luận rằng hành vi của Huy gây ra thương tích cho Huy. Trong trường hợp này, Hùng vẫn còn sự lựa chọn giữa việc thực hiện hành vi gây thương tích hoặc không thực hiện hành vi gây thương tích cho Huy. Nhưng Hùng đã quyết định phương án gây thương tích cho Huy. Vì vậy, Hùng phải chịu trách nhiệm toàn bộ đối với thiệt hại xảy ra.

Qua nghiên cứu chế định bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung, bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị xâm phạm nói riêng được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2005, tác giả thấy: mặc dù lỗi trong dân sự được phép suy đoán, nhưng không có nghĩa là được suy diễn tùy tiện, mà phải coi việc xác định lỗi là một yêu cầu bắt buộc. Đặc biệt đối với các vụ án có lỗi hỗn hợp, đòi hỏi người làm công tác áp dụng pháp luật phải xác định đúng mức độ lỗi của các bên trong mối quan hệ nhân quả giữa lỗi hành vi với hậu quả. Nghĩa là phải xem xét xem người gây thiệt hại đã vận dụng hết các khả năng và điều

kiện để có thể muốn tránh hay không muốn tránh thiệt hại đó hay chưa và trên cơ sở đó mới có thể ra một phán quyết khách quan, công bằng và đúng pháp luật.

Đối với bồi thường tổn thất về tinh thần, ngoài việc quy lỗi thì cần phải xem cả thái độ ứng xử của người gây thiệt hại. Đây là vấn đề hết sức quan trọng vì nếu lỗi hoàn toàn thuộc về phía người bị thiệt hại thì đương nhiên người gây thiệt hại sẽ không có trách nhiệm bồi thường. Vấn đề đặt ra là ai là người có nghĩa vụ chứng minh vấn đề lỗi? Người bị hại hay người bị thiệt hại? Việc chứng minh có lỗi hoặc không có lỗi là vấn đề hết sức khó khăn, không phải dễ dàng, đặc biệt trường hợp nhiều người cùng gây ra thiệt hại hay trường hợp lỗi hỗn hợp. Để bảo vệ cho người bị thiệt hại, luật dân sự quy định việc chứng minh lỗi thuộc về người gây thiệt hại. Người bị thiệt hại không có nghĩa vụ chứng minh. Người gây thiệt hại sẽ được miễn, giảm trách nhiệm bồi thường nếu họ chứng minh được lỗi hoàn toàn thuộc về bên bị thiệt hại. Trong trường hợp không đủ chứng cứ chứng minh yếu tố lỗi thì các cơ quan bảo vệ pháp luật được phép áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự để suy đoán lỗi của người có hành vi trái pháp luật gây thiệt hại phải bồi thường.

1.2.3.4. Có mối quan hệ nhân quả

Khi đề cập đến mối quan hệ nhân quả là nói đến sự liên hệ mật thiết giữa hai hiện tượng trong thế giới khách quan có sự tác động, chuyển hóa lẫn nhau, trong đó hiện tượng thứ nhất đóng vai trò là nguyên nhân, hiện tượng thứ hai đóng vai trò là kết quả. Nguyên nhân nào thì sẽ cho kết quả ấy, nguyên nhân là cái có trước, kết quả là cái có sau, nguyên nhân là yếu tố quyết định đến kết quả. Khoa học luật dân sự không có lý luận riêng về mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và hậu quả thiệt hại xảy ra. Mối quan hệ nhân quả trong pháp luật dân sự được xây dựng trên cơ sở cặp phạm trù nhân quả của Chủ nghĩa duy vật biện chứng của triết học Mác- Lênin. Theo đó, mối quan hệ nhân quả ở đây được hiểu là mối quan hệ giữa hành vi khách quan (hành vi trái pháp luật) với hậu quả (thiệt hại thực tế xảy ra). Nếu

chúng ta coi hành vi trái pháp luật, biểu hiện của vế thứ nhất của cặp phạm trù là nguyên nhân thì thiệt hại xảy ra được biểu hiện của vế thứ hai của cặp phạm trù là kết quả và biểu hiện cho mối liên hệ ấy chính là mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật với hậu quả thiệt hại xảy ra. Về nguyên tắc, hành vi trái pháp luật phải xảy ra trước thiệt hại trong một không gian và thời gian xác định. Hành vi trái pháp luật là nguyên nhân phát sinh trước khi thiệt hại về mặt thời gian. Nếu không thỏa mãn điều kiện này thì chúng ta phải loại trừ khả năng tồn tại mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật với thiệt hại xảy ra.

Trong pháp luật dân sự, việc làm rõ mối quan hệ nhân quả có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì làm rõ mối quan hệ giữa hành vi trái pháp luật với hậu quả thiệt hại xảy ra sẽ đồng nghĩa với việc trả lời được hai câu hỏi khi xem xét trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân bị xâm phạm:

- Có hay không có trách nhiệm bồi thường thiệt hại?
- Nếu nhiều người gây thiệt hại cho một người hoặc cả người gây thiệt hại và người bị thiệt hại cùng có lỗi thì mức bồi thường thiệt hại được xác định như thế nào?

Trước khi Bộ luật dân sự được ban hành, mối quan hệ nhân quả trong pháp luật dân sự được hiểu theo nội dung Thông tư số 173/UBTP-TANDTC ngày 23 tháng 3 năm 1972 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là: *"Thiệt hại xảy ra phải đúng là kết quả tất yếu của hành vi trái pháp luật, hay ngược lại, hành vi trái pháp luật thực sự là nguyên nhân trực tiếp, hoặc nguyên nhân có ý nghĩa quyết định đối với thiệt hại xảy ra"*.

Trong thực tế, việc xác định mối quan hệ giữa hành vi trái pháp luật với hậu quả thiệt hại xảy ra tương đối rất phức tạp, biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt trong những trường hợp gây thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân. Có hai dạng phổ biến

là: dạng nhân quả đơn trực tiếp và dạng nhân quả kép trực tiếp. Nếu như ở dạng nhân quả đơn trực tiếp thì việc xác định trách nhiệm bồi thường sẽ rất đơn giản, vì ở đó chỉ có một hành vi trái pháp luật đóng vai trò là nguyên nhân và thiệt hại xảy ra chính là hậu quả trực tiếp từ nguyên nhân hành vi trái pháp luật đó. Ví dụ: A dùng dao đâm vào tim B làm cho B chết tại chỗ hoặc A viết đơn vu khống B nhằm mục đích bôi xấu làm cho B phải hoang mang, lo lắng, tổn thất về tinh thần. Ngược lại, dạng nhân quả kép trực tiếp thì việc xác định trách nhiệm bồi thường sẽ rất khó khăn, phức tạp vì ở đó có nhiều hành vi trái pháp luật đóng vai trò là nguyên nhân đối với một thiệt hại xảy ra. Mặt khác, trong dạng quan hệ nhân quả kép, có trường hợp một thiệt hại xảy ra có thể do nhiều hành vi trái pháp luật của một chủ thể hoặc nhiều chủ thể khác nhau làm phát sinh hậu quả thiệt hại hoặc có trường hợp thiệt hại xảy ra lại do một hành vi trái pháp luật khác xen vào. Ví dụ: A, B và C cùng nhau bàn bạc, thống nhất dùng dao gây thương tích cho D. D bị thương ở chân và tay được đưa đi cấp cứu. Trên đường đi cấp cứu, D bị xe ô tô do E điều khiển đâm vào khiến D bị tử vong do vỡ hộp sọ. Trong trường hợp này, rõ ràng hành vi trái pháp luật của A, B và C là hành vi trái pháp luật có mối liên hệ với cái chết của D. Nhưng D sẽ không chết nếu không có hành vi điều khiển xe ô tô của E đâm vào. Hậu quả cái chết của D là do E điều khiển xe ô tô đâm vào làm vỡ hộp sọ chứ không phải do hành vi gây thương tích của A, B và C.

Khi nghiên cứu mối quan hệ nhân quả, cần phân biệt giữa nguyên nhân với điều kiện: nguyên nhân chính là cái trực tiếp gây ra thiệt hại, điều kiện không phải là cái trực tiếp gây ra thiệt hại nhưng nó có tác động thúc đẩy hoặc kìm hãm quá trình thiệt hại xảy ra. Trong mối quan hệ nhân quả, nguyên nhân là yếu tố quyết định, còn điều kiện là yếu tố quan trọng dẫn đến kết quả. Nhiều trường hợp có nguyên nhân xảy ra nhưng không có kết quả nếu không có điều kiện. Nghĩa là, một kết quả xảy ra đòi hỏi phải có sự kết hợp giữa nguyên nhân với điều kiện. Xét về mặt lý luận cũng như thực tiễn, trong mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại xảy ra thì hành vi trái

pháp luật đóng vai trò là nguyên nhân quyết định, làm phát sinh thiệt hại. Tuy nhiên, diễn biến của thiệt hại xảy ra theo chiều hướng nào lại còn phụ thuộc vào sự tác động của nhiều yếu tố khách quan khác. Tóm lại, giữa nguyên nhân và điều kiện có mối quan hệ tương tác với nhau, không có việc hiện tượng này chỉ đóng vai trò là nguyên nhân, còn hiện tượng kia chỉ đóng vai trò là điều kiện. Thông thường, sự thiệt hại là do nhiều nguyên nhân khác nhau chứ không phải do một nguyên nhân gây ra. Các nguyên nhân không tồn tại độc lập mà phối hợp với nhau sinh ra kết quả. Nếu thiếu một trong các nguyên nhân thì kết quả không xảy ra. Song vị trí, vai trò tác động của mỗi nguyên nhân khác nhau đối với kết quả có thể là khác nhau, và sự khác nhau này tạo ra vai trò chủ yếu và vai trò thứ yếu của từng nguyên nhân.

Một hành vi trái pháp luật mới chỉ có khả năng gây ra thiệt hại chứ chưa xác định được một cách hoàn toàn thiệt hại sẽ xảy ra. Trong những điều kiện, hoàn cảnh khác nhau sẽ có những kết quả khác nhau. Vì vậy, khi xem xét mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật với thiệt hại xảy ra để xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân, đặc biệt là bồi thường tổn thất về tinh thần đòi hỏi những người làm công tác áp dụng pháp luật phải xem xét một cách khách quan và toàn diện trên cơ sở duy vật biện chứng về mối quan hệ nhân quả mới có thể đảm bảo giải quyết các vụ án đúng pháp luật.

Như vậy, qua nghiên cứu các căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho thấy rằng: trách nhiệm bồi thường chỉ phát sinh khi và chỉ khi đáp ứng đầy đủ bốn yếu tố như đã phân tích trên đây, bốn yếu tố tạo thành chỉnh thể thống nhất, nếu thiếu một trong bốn yếu tố thì trách nhiệm bồi thường không phát sinh. Vì vậy, yêu cầu đặt ra đối với người làm công tác áp dụng pháp luật khi giải quyết các vụ án liên quan vấn đề bồi thường tổn thất

về tinh thần phải thận trọng xem xét đầy đủ cả bốn yếu tố. Có như vậy mới đảm bảo việc giải quyết được khách quan, công bằng và đúng pháp luật.

1.3. Khái quát tiến trình phát triển các quy định của pháp luật về bồi thường tổn thất về tinh thần ở Việt Nam

Chế định bồi thường ngoài hợp đồng là một chế định xuất hiện sớm trong pháp luật dân sự. Pháp luật về bồi thường ngoài hợp đồng của mỗi nhà nước khác nhau thì việc áp dụng pháp luật cũng có sự khác nhau. Vào thời La Mã (thế kỷ thứ VIII trước Công nguyên đến thế kỷ thứ VII sau Công nguyên), pháp luật đã quy định "*chế độ phục cừu*" là nguyên tắc trả thù ngang bằng như: máu trả máu, mắt trả mắt, tính mạng trả tính mạng... và cho phép thực hiện việc bồi thường theo những nguyên tắc luật ấn định trước như: "*chế độ phục kim*" (bồi thường bằng tiền) để xác định trách nhiệm bồi thường. Ngoài ra, pháp luật La Mã còn quy định trách nhiệm bồi thường của người có hành vi gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tinh thần của người khác. Ví dụ: Tại bảng 8, 4 Luật XII bảng có quy định những hành vi xâm phạm khác về thân thể không gây thương tích dễ nhận thấy, thì người gây thiệt hại bị phạt 25 acre. Mặc dù pháp luật La Mã không quy định cụ thể về mỗi khoản bồi thường cụ thể để xác định đâu là khoản bồi thường tổn thất về tinh thần, nhưng thông qua việc quy định bảo vệ danh dự, nhân phẩm con người đã gián tiếp thừa nhận việc bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm hại, qua đó chính là việc bảo vệ các giá trị tinh thần của con người. Ví dụ Bộ luật Xa líc quy định hành vi cầm tay của một cô gái tự do có thể bị phạt từ 15 đến 35 xôlit tùy vào hành vi cầm ngón tay, cổ tay hay khuỷu tay.

Thời kỳ đầu ở Cộng hòa Pháp, vấn đề bồi thường thiệt hại về tinh thần cũng không có văn bản quy định nên Tòa án không chấp nhận việc bồi thường. Bởi vì, bồi thường thiệt hại được tính bằng tiền, nên có gì đó không tương ứng với thiệt hại về tinh thần. Ví dụ: Điều 1382 Bộ luật dân sự Cộng hòa Pháp quy định: "*Bất cứ hành vi nào của một người mà gây thiệt hại cho*

người khác, thì người đã gây ra thiệt hại do lỗi của mình phải bồi thường". Rõ ràng theo quy định này chỉ quy định về thiệt hại nói chung, không nói rõ bồi thường thiệt hại về tinh thần. Tuy nhiên hiện nay, án lệ của Pháp đã phát triển theo hướng chấp nhận bồi thường thiệt hại về tinh thần. Tòa án của Pháp quan niệm rằng, tiền không thể xóa bỏ những tổn thất về tinh thần, nhưng nó cũng phần nào thỏa mãn người bị hại và là một loại chế tài cho người có vi phạm.

ở Việt Nam, khi nghiên cứu về chế định bồi thường ngoài hợp đồng, trong đó có nội dung bồi thường tổn thất về tinh thần do xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân thấy có thể chia thành hai giai đoạn sau:

1.3.1. Trước khi có Bộ luật dân sự năm 1995

Vấn đề bồi thường ngoài hợp đồng nói chung và vấn đề bồi thường tổn thất tinh thần do xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân nói riêng đã xuất hiện tương đối sớm trong luật dân sự Việt Nam. Một trong những văn bản thể hiện nội dung này là Quốc triều hình luật (tên gọi khác là Bộ luật Hồng Đức) và Hoàng Việt luật lệ. Bộ luật Hồng Đức và Hoàng Việt luật lệ điều chỉnh nhiều nội dung, trong đó có nội dung xác định trách nhiệm dân sự do hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín. Mặc dù cả hai văn bản pháp luật này không quy định cụ thể thế nào là bồi thường tổn thất về tinh thần, mức bồi thường, diện được bồi thường... do có hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân như khái niệm ngày nay. Tuy nhiên, các quy định của nó đã gián tiếp thừa nhận và việc bồi thường tổn thất về tinh thần đã được áp dụng. Ví dụ theo Điều 472 của Bộ luật Hồng Đức quy định trường hợp người nào đánh các quan chức bị thương thì ngoài tiền bồi thường thương tích, người gây thiệt hại phải đền một khoản tiền gọi là "tiền tạ". Hoặc theo Điều 473 quy định các trường hợp lăng mạ quan chức cũng phải nộp tiền tạ ngoài

hình phạt. "Tạ" là tỏ lòng xin lỗi một cách trân trọng đối với người mà mình đã mang đến cho họ điều không may. Thực chất khoản "tiền tạ" này là khoản tiền dùng để bù đắp những thiệt hại về tinh thần cho các quan ngoài khoản bồi thường thương tích. Tuy nhiên, pháp luật phong kiến có một sự phân biệt rõ ràng về địa vị con người trong xã hội, thể hiện sự bất bình đẳng. Bởi vì, nếu cùng một hành vi gây thương tích đó nhưng nếu đối tượng bị thiệt hại là người dân thì không phải bồi thường khoản tiền "tạ". Ngoài ra, theo Điều 315 của Bộ luật Hồng Đức và Điều 94 của Hoàng Việt luật lệ thì khoản tiền bồi thường những tổn thất về tinh thần cũng được thực hiện nếu có hành vi xâm phạm danh dự, phẩm giá của con người trong trường hợp cha mẹ người con gái đã nhận sính lễ trong việc gả con, sau đó lại không đồng ý gả con thì phải bồi thường một khoản tiền thiệt hại về danh dự cho gia đình nhà trai đã mang đồ sính lễ cưới hỏi.

Như vậy, mặc dù không có những khái niệm cụ thể về bồi thường tổn thất về tinh thần và còn có sự bất bình đẳng trong việc xác định đối tượng được áp dụng khoản tiền này, nhưng pháp luật phong kiến Việt Nam đã gián tiếp thừa nhận thiệt hại về tinh thần, qua đó buộc người có hành vi trái pháp luật phải thực hiện một khoản tiền bồi thường cho những đau thương, tổn thất về tinh thần của con người. Đây là một đặc điểm thể hiện sự tiến bộ của pháp luật phong kiến, phù hợp với phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa của người Việt Nam.

Trước khi Bộ luật dân sự năm 1995 được ban hành, ở nước ta dưới chế độ xã hội mới, một số văn bản pháp luật dùng để điều chỉnh vấn đề bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng như: Thông tư số 173-UBTP ngày 23 tháng 3 năm 1972 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn xét xử bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Thông tư số 03/TATC ngày 5 tháng 4 năm 1983 hướng dẫn bồi thường thiệt hại trong tai nạn ô tô, Công văn số 1180/BHPT ngày 01 tháng 11 năm 1989 của Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam về việc xác định

khoản tiền cấp dưỡng... Các văn bản pháp luật này chưa quy định về trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần do hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của con người. Chẳng hạn như nội dung Thông tư số 173-UBTP ngày 23 tháng 3 năm 1972 của Tòa án nhân dân tối cao xác định các điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường; phân biệt giữa trách nhiệm dân sự với trách nhiệm vật chất của cán bộ công chức; trách nhiệm liên đới; nguyên tắc bồi thường, cách tính bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khỏe bị xâm phạm... Thông tư số 173 xác định:

...Phải có thiệt hại. Đó là thiệt hại về vật chất, biểu hiện cụ thể là thiệt hại về tài sản, hoặc là những chi phí và những thu nhập bị giảm sút hay bị mất do có sự thiệt hại về tính mạng, sức khỏe đưa đến. Thiệt hại ấy phải thực sự đã xảy ra và có thể tính toán được. Tuy nhiên, đối với loại thiệt hại như: hoa màu sắp được thu hoạch một cách tương đối chắc chắn mà bị làm hư hỏng, hay súc vật sắp đến ngày đẻ mà bị làm chết, thì có thể xem xét thiệt hại một cách thích đáng [32].

Thông tư số 173 là một văn bản pháp lý quan trọng, điều chỉnh tương đối đầy đủ các vấn đề của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh lịch sử và quan niệm trong thời kỳ đất nước thực hiện chế độ kinh tế kế hoạch hóa, tập trung, bao cấp, phân phối xã hội theo kiểu hiện vật, cấp phát, nên những giá trị tinh thần bị tách rời hẳn với các mối quan hệ vật chất, dẫn đến trong thực tế đã tuyệt đối hóa từng giá trị riêng biệt. Các nhà làm luật đã coi giá trị tinh thần là vô giá nên buộc bồi thường tổn thất về tinh thần bằng một giá trị vật chất là hạ thấp, là tầm thường hóa giá trị tinh thần đó. Như vậy, các văn bản pháp quy trong giai đoạn này chẳng những đã không kế thừa được các giá trị của luật lệ thời phong kiến, mà còn bỏ qua việc bảo vệ một giá trị tinh thần vô giá của con người. Nó đã vô tình làm giảm tác

dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa vi phạm. Đây là điều đáng tiếc và thiếu sót của một văn bản pháp lý quan trọng, được áp dụng cho cả một thời kỳ quá độ.

1.3.2. Từ 1995 đến nay

Năm 1986, Việt Nam tiến hành đổi mới chuyển nền kinh tế từ cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sau gần mười năm đổi mới, đất nước ta thu được nhiều thành tựu quan trọng trong đời sống kinh tế xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao. Để phù hợp với tình hình phát triển của đất nước và đứng trước yêu cầu phải có một Bộ luật tương xứng điều chỉnh các quan hệ dân sự đang phát triển mạnh mẽ sau khi đất nước đổi mới, tại kỳ họp thứ 5 (tháng 6/1994) và kỳ họp thứ 7 (tháng 4/1995) của Quốc hội khóa IX, Chính phủ đã trình dự thảo Bộ luật dân sự xin ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội. Nội dung dự thảo có nhiều vấn đề, nhưng vấn đề bồi thường tổn thất về tinh thần lần đầu tiên được đưa vào dự thảo của Bộ luật. Vì đây là vấn đề tương đối mới, phức tạp nên trong quá trình xây dựng dự thảo còn có nhiều ý kiến khác nhau. Tuy nhiên, cuối cùng Ban soạn thảo Bộ luật dân sự đã thống nhất trình Quốc hội xem xét quyết định. Tại mục 10 Tờ trình số 5529/PC ngày 30 tháng 9 năm 1995 của Chính phủ, Ban soạn thảo đã xác định: *Đây là vấn đề thực tế có tính bức xúc, đang được đặt ra hiện nay, nhưng cũng là một vấn đề còn rất mới, ta chưa có nhiều kinh nghiệm. Dự thảo XII Bộ luật dân sự chỉ mới quy định về bồi thường thiệt hại vật chất và một khoản tiền "đau thương" khi tính mạng bị xâm phạm; còn những thiệt hại về tinh thần khi bị xâm phạm: nhân phẩm, uy tín, danh dự, thì chưa được quy định do quan niệm cho rằng: danh dự, nhân phẩm, uy tín và các vấn đề tinh thần khác là vô giá, không đo được bằng tiền. Sau khi Dự thảo XII được công bố, có nhiều ý kiến tham gia đóng góp về vấn đề này. Nhiều ý kiến cho rằng để đảm bảo quyền lợi chính đáng của công dân, ngoài những quy định bồi thường thiệt hại về vật chất, Bộ luật dân sự cần có quy định biện pháp bồi thường bằng tiền đối*

với thiệt hại của công dân về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín nhằm bù đắp đối với cả những tổn thất về tinh thần mà người đó phải gánh chịu. Trên cơ sở đề nghị này, dự kiến chính lý Dự thảo XIV đã quy định tại các Điều 299, 602, 603 và 604 về bồi thường thiệt hại về tinh thần; còn những vấn đề cụ thể sẽ do các cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn để áp dụng từng bước...

Tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa IX từ ngày 03 đến ngày 28 tháng 10 năm 1995, Quốc hội đã thông qua Bộ luật dân sự. Lần đầu tiên vấn đề bồi thường tổn thất về tinh thần được quy định trong một văn bản có giá trị pháp lý cao, làm cơ sở để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân. Cụ thể, Bộ luật dân sự năm 1995 xác định *"trách nhiệm bồi thường thiệt hại bao gồm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về vật chất và trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tinh thần"* (khoản 1 Điều 310) và trách nhiệm thực hiện của người khi vi phạm *"Người gây thiệt hại về tinh thần cho người khác do xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác, thì ngoài việc chấm dứt hành vi vi phạm, xin lỗi, cải chính công khai còn phải bồi thường một khoản tiền cho người bị thiệt hại"* (khoản 3 Điều 310). Ngoài ra, Bộ luật dân sự năm 1995 còn quy định cụ thể việc bồi thường tổn thất về tinh thần ở một số trường hợp cụ thể: thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm (khoản 4 Điều 613), thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm (khoản 4 Điều 614) và thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm (khoản 3 Điều 615). Các điều luật trên cho phép tùy từng trường hợp cụ thể, khi giải quyết, Tòa án có quyền vận dụng để buộc người vi phạm phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho người bị thiệt hại.

Bộ luật dân sự năm 1995 đã thể hiện sự tiến bộ khi ghi nhận quyền được bồi thường tổn thất về tinh thần của người bị thiệt hại do hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, uy tín. Tuy nhiên, Bộ luật quy định chưa rõ ràng, cụ thể về nhiều vấn đề như mức bồi thường, diện được bồi thường... nên quá trình tổ chức thực hiện gặp nhiều khó khăn. Các cơ

quan Tòa án có các cách hiểu khác nhau nên việc áp dụng chưa được thống nhất. Do đó, ngày 01 tháng 3 năm 1999, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Công văn số 16/1999/KHXX giải đáp một số vấn đề về hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính và tổ tụng có nội dung:

Đây là một vấn đề khó, vì mỗi vụ việc có đặc thù riêng, không vụ nào giống vụ nào, thiệt hại cũng hết sức khác nhau, do vậy tùy từng vụ việc cụ thể, từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể mà Tòa án quyết định mức bồi thường sao cho phù hợp, thỏa đáng. Trước mắt, khi gặp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tổn thất về tinh thần được quy định tại các Điều 613, 614, 615 Bộ luật dân sự thì Tòa án cần giải thích, tạo điều kiện cho các đương sự thương lượng với nhau, theo dõi thái độ của các bên trong quá trình thương lượng để khi họ không thỏa thuận được với nhau về mức bồi thường, thì căn cứ vào từng trường hợp cụ thể về điều kiện kinh tế và hoàn cảnh kinh tế của bên phải bồi thường, đồng thời xem xét yêu cầu của người bị thiệt hại hay của thân nhân của người bị thiệt hại mà quyết định. Thực tiễn xét xử của các Tòa án các cấp hiện nay cho thấy có nhiều trường hợp Tòa án quyết định mức bồi thường từ 5 triệu đến 10 triệu đồng [33].

Để cụ thể hóa các quy định của Bộ luật dân sự năm 1995 về vấn đề bồi thường tổn thất về tinh thần và hướng dẫn áp dụng bồi thường ngoài hợp đồng cho Tòa án các cấp trong tổ chức thực hiện vấn đề này, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 01/2004/NQ-HĐTP ngày 28 tháng 4 năm 2004. Nội dung của Nghị quyết số 01/2004 tương đối cụ thể như: đưa ra khái niệm thiệt hại về tinh thần của cá nhân và thiệt hại tinh thần của tổ chức. Theo đó thiệt hại về tinh thần của cá nhân được hiểu là do sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm mà người bị thiệt hại hoặc do tính mạng bị xâm phạm mà người thân thích gần gũi nhất của nạn nhân

phải chịu đau thương, buồn phiền, mất mát về tình cảm, bị giảm sút hoặc mất uy tín, bị bạn bè xa lánh do bị hiểu nhầm... Và thiệt hại về tinh thần của tổ chức được hiểu là do danh dự, uy tín bị xâm phạm, tổ chức đó bị giảm sút hoặc mất đi sự tín nhiệm, lòng tin... vì bị hiểu nhầm. Một điểm đáng lưu ý là Nghị quyết số 01/2004 đã hướng dẫn cụ thể các trường hợp được áp dụng như: khi tính mạng bị xâm phạm, khi sức khỏe bị xâm phạm và khi danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm. Nghị quyết số 01/2004 cũng khẳng định không phải mọi trường hợp đều được hưởng khoản tiền bồi thường tổn thất về tinh thần, mà phải căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để áp dụng và việc xác định thiệt hại về tinh thần phải dựa trên những căn cứ nhất định như sự ảnh hưởng đến nghề nghiệp, thẩm mỹ, giao tiếp xã hội, sinh hoạt cá nhân, địa vị xã hội, mối quan hệ của cá nhân với gia đình, hành vi xâm phạm, mức độ xúc phạm... Đặc biệt, Nghị quyết số 01/2004 đã quy định về mức bồi thường tổn thất về tinh thần tối đa cho từng trường hợp cụ thể: tính mạng không quá 60 tháng lương tối thiểu, sức khỏe không quá 30 tháng lương tối thiểu, danh dự, nhân phẩm, uy tín không quá 10 tháng lương tối thiểu tại thời điểm giải quyết bồi thường.

Kế thừa các quy định của Bộ luật dân sự năm 1995 và Nghị quyết số 01/2004/NQ-HĐTP ngày 28 tháng 4 năm 2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng bồi thường ngoài hợp đồng, Bộ luật dân sự năm 2005 đã có một số quy định mới về bồi thường tổn thất về tinh thần như sau: Nếu như Bộ luật dân sự năm 1995 gọi khoản tiền bồi thường này là bồi thường thiệt hại về tinh thần thì của Bộ luật dân sự năm 2005 gọi đây là khoản tiền bồi thường để "bù đắp" tổn thất về tinh thần. Như vậy, luật đã có sự diễn đạt chính xác hơn vì không thể bồi thường về tinh thần được, tinh thần là vô giá nên không thể lấy tiền làm ngang bằng mà ở đây chỉ có thể hiểu là khoản tiền "bù đắp" những thiệt hại về tinh thần. Về mức bồi thường, lần đầu tiên được quy định trong Bộ luật dân sự (mức bồi thường như Nghị quyết số 01/2004/NQ-HĐTP ngày 28 tháng 4 năm 2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối

cao). Bộ luật dân sự năm 2005 cũng quy định cụ thể về diện được hưởng khoản tiền bồi thường. Ngoài ra, Bộ luật dân sự năm 2005 quy định cụ thể về trách nhiệm của người xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, uy tín phải bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị thiệt hại chứ không để cho Tòa án tùy nghi áp dụng như quy định của Bộ luật dân sự năm 1995.

Ngay sau khi Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực pháp luật, ngày 08 tháng 7 năm 2006, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP để hướng dẫn thi hành và thay thế Nghị quyết 01/2004/NQ-HĐTP ngày 28 tháng 4 năm 2004. Nội dung Nghị quyết số 03/2006 cơ bản giống Nghị quyết số 01/2004 và hướng dẫn phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2005.

Ngoài ra, trong lĩnh vực tố tụng hình sự, ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng ban hành Nghị quyết số 388/2003-UBTVQH11 ngày 17 tháng 3 năm 2003 quy định trách nhiệm bồi thường cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra. Và Thông tư liên tịch số 01/2004/TTLT- VKSNDTC- BCA- BTP- BQP- BTC ngày 25 tháng 3 năm 2004 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng và Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 388/2003-UBTVQH11 ngày 17 tháng 3 năm 2003 của ủy ban Thường vụ Quốc hội. Theo đó, người bị oan, sai trong lĩnh vực tố tụng được bồi thường thiệt hại, trong đó có khoản tiền bù đắp thiệt hại về tinh thần. Tuy nhiên, mức bồi thường thiệt hại cao nhất cho người bị oan bị chết là 360 tháng lương tối thiểu. Điều này là do tính chất, mức độ nghiêm trọng trong lĩnh vực tố tụng hình sự gây ra. Năm 2009, Quốc hội tiếp tục ban hành Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước. Nội dung của luật có xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tinh thần trong một số trường hợp do hành vi của người có thẩm quyền trong hoạt động thực thi pháp luật gây ra.

Như vậy, trải qua nhiều thời kỳ khác nhau, có thời kỳ được ghi nhận, có thời kỳ không được ghi nhận nhưng vấn đề bồi thường tổn thất về tinh thần ngày càng được pháp luật hoàn thiện. Hiện nay, Bộ luật dân sự năm 2005 và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là những văn bản pháp lý quan trọng, làm cơ sở để các cơ quan áp dụng pháp luật bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân khi giải quyết vấn đề bồi thường tổn thất về tinh thần do hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân.

Chương 2

Xác định trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần trong một số trường hợp cụ thể theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005

2.1. Trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị xâm phạm

Sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của con người là các quyền nhân thân quan trọng được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Hiến pháp năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001, văn bản pháp lý có hiệu lực cao nhất của Nhà nước đã quy định tại Điều 50: *"ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật"*. Bộ luật dân sự năm 2005 có nhiệm vụ thể chế hóa các quy định của Hiến pháp trong việc bảo vệ quyền và lợi ích dân sự hợp pháp của công dân. Vì vậy, Bộ luật dân sự năm 2005 đã quy định rất cụ thể tại Điều 32 về quyền của cá nhân được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể và Điều 37 về danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Khi một trong các quyền dân sự bị vi phạm thì chủ thể bị vi phạm có quyền tự mình bảo vệ theo quy định tại Điều 9 Bộ luật dân sự hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền:

- a) Công nhận quyền dân sự của mình;*
- b) Buộc chấm dứt hành vi vi phạm;*
- c) Buộc xin lỗi, cải chính công khai;*
- d) Buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự;*
- đ) Buộc bồi thường thiệt hại.*

Trong trường hợp bị xâm phạm các quyền nhân thân thì chủ thể bị vi phạm có các quyền theo quy định tại Điều 25 Bộ luật dân sự:

1. Tự mình cải chính;

2. Yêu cầu người vi phạm hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền buộc người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, xin lỗi, cải chính công khai;

3. Yêu cầu người vi phạm hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền buộc người vi phạm bồi thường thiệt hại [23].

Không phải bất kỳ một sự vi phạm quyền dân sự nào của chủ thể vi phạm thì chủ thể bị xâm phạm cũng được thực hiện tất cả các quyền trên đây. Việc thực hiện các quyền nào là do các bên tự thỏa thuận, nếu sự thỏa thuận đó không trái pháp luật và đạo đức xã hội hoặc cơ quan nhà nước quyết định áp dụng. Pháp luật dân sự quy định trách nhiệm bồi thường cụ thể của chủ thể có hành vi vi phạm tương ứng với từng đối tượng được pháp luật bảo vệ bị vi phạm. Luận văn không tiến hành phân tích toàn bộ trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng mà chỉ tập trung phân tích trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần trong một số trường hợp cụ thể được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2005:

- Do sức khỏe bị xâm phạm theo Điều 609;
- Do tính mạng bị xâm phạm theo Điều 610;
- Do danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị xâm phạm theo Điều 611.

2.1.1. Bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm

Sức khỏe là vốn quý của con người. Vì vậy, người nào có hành vi xâm phạm trái pháp luật đến sức khỏe của người khác thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Việc xâm phạm tới sức khỏe sẽ kéo theo hậu quả thiệt hại về tinh thần làm đau thương, buồn phiền... cho

chính người bị hại. Do đó, người có hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác phải chịu bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần theo quy định của pháp luật.

Điều 609 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

1. Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm bao gồm:

a) Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại;

b) Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại; nếu thu nhập thực tế của người bị thiệt hại không ổn định và không thể xác định được thì áp dụng mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại;

c) Chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị; nếu người bị thiệt hại mất khả năng lao động và cần có người thường xuyên chăm sóc thì thiệt hại bao gồm cả chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại.

2. Người xâm phạm sức khỏe của người khác phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa không quá ba mươi tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định [23].

Tiểu mục 1.5 mục 1 phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành quy định:

a) Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm được bồi thường cho chính người bị thiệt hại.

b) Trong mọi trường hợp, khi sức khỏe bị xâm phạm, người bị thiệt hại được bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Căn cứ vào hướng dẫn tại điểm b tiểu mục 1.1 mục 1 phần I Nghị quyết này để xác định mức độ tổn thất về tinh thần của người bị thiệt hại. Việc xác định mức độ tổn thất về tinh thần căn cứ vào sự ảnh hưởng đến nghề nghiệp, thẩm mỹ, giao tiếp xã hội, sinh hoạt gia đình và cá nhân... [12].

Như vậy, theo quy định của Điều 609 Bộ luật dân sự, khi người bị xâm hại về sức khỏe, thì người đó được bồi thường ngoài các khoản chi phí cứu chữa, phục hồi sức khỏe... còn được bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Bồi thường là biện pháp dựa trên tiêu chí ngang giá như vật chất đổi vật chất, tài sản đổi tài sản hoặc quy đổi thành tiền ngang giá, nhưng tinh thần lại là vô giá, không thể tính toán được. Vì vậy, suy cho cùng bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cũng chỉ nhằm mục đích xoa dịu nỗi đau, an ủi người bị hại chứ không thể bồi thường theo nguyên tắc toàn bộ được. Nếu như Bộ luật dân sự năm 1995 cho phép Tòa án tùy nghi áp dụng và từng trường hợp cụ thể, nếu xét thấy cần thiết thì cho áp dụng, còn Bộ luật dân sự năm 2005 bắt buộc phải thực hiện khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm. Điều này sẽ tránh được sự lạm dụng, tùy tiện hoặc bỏ qua của Tòa án khi áp dụng pháp luật. Điều luật cũng khẳng định trong mọi trường hợp, người có hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác phải có trách nhiệm bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị thiệt hại. Người bị thiệt hại ở đây chính là người bị thiệt hại về sức khỏe dẫn đến những thiệt hại về tinh thần do phải suy nghĩ, lo lắng...

Vậy, câu hỏi được đặt ra là những người thân thích của người bị thiệt hại có cảm thấy bị đau thương, xót xa, lo lắng... khi chứng kiến người thân của mình bị đau đớn về thể xác không? Câu trả lời chắc chắn là có. Nếu có thì tại sao họ lại không được hưởng khoản tiền này? Ví dụ: A là người chồng của

B và là bố của C và D. A bị người khác gây thương tích đến mức độ tàn phế, sống cuộc sống thực vật, mất khả năng nhận thức.

Như đã phân tích ở trên, mục đích bồi thường tổn thất về tinh thần là nhằm xoa dịu nỗi đau, lấy một khoản tiền để bù đắp những thiệt hại về tinh thần cho những người bị thiệt hại về tinh thần. Do vậy, nếu họ bị tổn thất về tinh thần do người thân thích của mình bị thiệt hại về sức khỏe thì việc áp dụng cho họ được hưởng khoản tiền này cũng là phù hợp với phong tục tập quán của người Việt Nam. Về nguyên tắc, người bị thiệt hại là người được hưởng khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần với mục đích an ủi, động viên người bị hại sớm vượt qua đau thương, mất mát. Trong trường hợp người bị xâm hại sức khỏe có hậu quả là mất khả năng nhận thức nhưng theo luật thì họ là người trực tiếp được nhận khoản tiền này. Vậy mục đích bù đắp, an ủi, động viên người bị hại có đạt được, trong khi những người thân thích đang đau khổ nuôi dưỡng người bị thiệt hại về sức khỏe lại không phải là đối tượng được nhận khoản tiền này.

Tổn thất về tinh thần là một khái niệm khó, có tính trừu tượng cao. Thiệt hại về tinh thần là thiệt hại phi vật chất. Vấn đề đặt ra là dựa vào đâu để những người làm công tác áp dụng pháp luật có thể xác định thiệt hại về tinh thần. Hiện nay, ở nước ta chưa có cơ quan chuyên môn giám định mức độ thiệt hại về tinh thần. Vì vậy, hoạt động đánh giá thiệt hại về tinh thần của những người làm công tác áp dụng pháp luật chủ yếu dựa vào quan sát, nhận định và bằng niềm tin nội tâm của mình. Qua nghiên cứu và từ thực tiễn thấy rằng, thiệt hại về tinh thần của mỗi người, mỗi hoàn cảnh khác nhau là khác nhau. Không có công thức chung duy nhất để áp dụng cho mọi trường hợp. Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa là các cơ quan tiến hành tố tụng được phép đánh giá tùy tiện, mà phải dựa vào các quy định của pháp luật. Theo hướng dẫn tại điểm b mục 1.1 phần I Nghị quyết số 03/2006, các căn cứ để xác định thiệt hại về tinh thần là: *do sức khỏe... bị xâm phạm mà người bị thiệt hại phải chịu đau thương, buồn phiền, mất mát về tình cảm, bị giảm sút*

hoặc mất uy tín, bị bạn bè xa lánh do bị hiểu nhầm... Như vậy, được coi là có tổn thất về tinh thần khi người bị thiệt hại có một trong các biểu hiện nêu trên. Các tổn thất này của người bị thiệt hại đều là những biểu hiện ra bên ngoài như lo âu, mất ngủ, căng thẳng, buồn đau... sự mất mát đó ảnh hưởng xấu đến hoạt động nghề nghiệp, giao tiếp xã hội... Thậm chí, mức độ thiệt hại còn nặng nề hơn đối với những trường hợp trầm cảm, những nỗi đau thầm kín diễn ra trong một thời gian dài, đẩy người bị thiệt hại đến mức bị rối loạn thần kinh hoặc có hành vi tự sát. Nhìn chung, việc đánh giá mức độ thiệt hại về tinh thần là rất khó khăn, nên ngoài việc căn cứ vào trạng thái tinh thần của người bị thiệt hại được phản ánh qua các tài liệu có trong hồ sơ thì những người tiến hành tố tụng cần phải dựa vào niềm tin nội tâm của chính mình. Bởi vì, trong nhiều trường hợp, người bị thiệt hại cứ cố tình tỏ ra là đau thương, buồn phiền quá mức cần thiết để được hưởng khoản tiền bồi thường này ở mức cao nhất, ngược lại có trường hợp người bị thiệt hại kìm nén đau thương, tỏ ra bình thường trước mọi người.

Khi xác định trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần trong trường hợp sức khỏe bị xâm phạm cần chú ý:

- Xem xét sự thiệt hại về sức khỏe có ảnh hưởng như thế nào đối với nghề nghiệp, giao tiếp cuộc sống của người đó.
- Tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi xâm phạm đến sức khỏe.
- Đặc điểm nhân thân của người xâm phạm và người bị thiệt hại: Giới tính, độ tuổi...
- Tình trạng thể lực của người bị thiệt hại.
- Thương tích để lại trên khu vực nào của cơ thể người bị thiệt hại.
- Tỷ lệ thương tật và thương tật là tạm thời hay vĩnh viễn (cố tật).
- Thời gian chịu thiệt hại diễn ra dài hay ngắn.
- Số lượng người xâm phạm và số lượng người bị thiệt hại.

2.1.2. Bồi thường tổn thất về tinh thần do tính mạng bị xâm phạm

Tính mạng là mạng sống, là quyền nhân thân quan trọng bậc nhất của con người. Quyền sống không chỉ là quyền chính trị mà còn là quyền dân sự cơ bản của công dân. Hiến pháp và pháp luật đều ghi nhận và bảo vệ quyền năng này của mỗi cá nhân. Hành vi xâm phạm đến tính mạng của con người là hành vi nguy hiểm ở mức độ cao nhất trong các hành vi xâm phạm quyền nhân thân do luật dân sự điều chỉnh. Mọi hành vi xâm phạm tính mạng đều mang lại hậu quả xấu cho người thân, cộng đồng và xã hội nên phải bị trừng trị nghiêm khắc. Dưới góc độ luật dân sự, người có hành vi xâm phạm tính mạng của người khác phải chịu trách nhiệm bồi thường các khoản chi phí cứu chữa trước khi chết, mai táng... và một khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho những người thân thích của người bị thiệt hại. Trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần do xâm phạm tính mạng được quy định tại Điều 610 Bộ luật dân sự năm 2005.

Điều 610 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

1. Thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm bao gồm:

- a) Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc người bị thiệt hại trước khi chết;*
- b) Chi phí hợp lý cho việc mai táng;*
- c) Tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng.*

2. Người xâm phạm tính mạng của người khác phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần cho những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của người bị thiệt hại, nếu không có những người này thì người mà người bị thiệt hại đã trực tiếp nuôi dưỡng, người đã trực tiếp nuôi dưỡng người bị thiệt hại được

hưởng khoản tiền này. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa không quá sáu mươi tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định [23].

Điểm c tiểu mục 2.4 mục 2 phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành quy định:

Trong mọi trường hợp, khi tính mạng bị xâm phạm, những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất hoặc người mà người bị thiệt hại đã trực tiếp nuôi dưỡng và người đã trực tiếp nuôi dưỡng người bị thiệt hại (sau đây gọi chung là người thân thích) của người bị thiệt hại được bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Căn cứ vào hướng dẫn tại điểm b tiểu mục 1.1 mục 1 phần I Nghị quyết này để xác định mức độ tổn thất về tinh thần của người bị thiệt hại. Việc xác định mức độ tổn thất về tinh thần phải căn cứ vào địa vị của người bị thiệt hại trong gia đình, mối quan hệ trong cuộc sống giữa người bị thiệt hại và những người thân thích của người bị thiệt hại... [12].

Theo quy định của Điều 610 Bộ luật dân sự năm 2005, trong mọi trường hợp, khi tính mạng bị xâm phạm thì người có hành vi xâm phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần cho những người thân thích của người bị thiệt hại, không phân biệt đó là lỗi cố ý hay vô ý. Quyền sống của con người là quyền thiêng liêng nhất. Không ai được phép tước đoạt quyền này của con người, trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định của Tòa án nhưng cũng phải tuân theo một trình tự luật định chặt chẽ. Hành vi xâm phạm tính mạng của người khác là hành vi nguy hiểm nhất trong các hành vi xâm phạm đến quyền nhân thân. Do đó, hành vi xâm phạm tính mạng của người khác cũng là hành vi dẫn tới mức độ đau thương, buồn phiền nhất, gây tổn

thất về tinh thần cho những người thân thích ở mức độ cao nhất. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, việc đánh giá mức độ thiệt hại về tinh thần của những người thân thích là rất khó khăn, việc xác định này chủ yếu là suy đoán, vì trong thực tế không một trường hợp nào giống trường hợp nào. Lấy ví dụ sau để chứng minh: ví dụ thứ nhất Nguyễn Bá Hùng là con của bà Nguyễn Thị Phượng. Hùng là thanh niên hư hỏng, bị nghiện ma túy, không nghề nghiệp. Trong nhà không còn tài sản nào đáng giá nhưng mỗi khi lên cơn nghiện, Hùng đều tìm bà Phượng để xin tiền. Xin không được thì Hùng chửi mắng bà thậm tệ, có lần Hùng còn dùng dao dọa giết bà và thực tế bà đã 3 lần phải vào bệnh viện điều trị vì bị Hùng gây thương tích. Khi nghe tin Hùng đi trộm cắp bị đánh chết, bà đã thở phào vì tin rằng mình sẽ được sống yên ổn những ngày cuối đời. Ví dụ thứ hai bà Đào Thị Tuyết là mẹ đẻ của Thủy Tiên. Khi chồng bà mất, bà đã không đi lấy chồng nữa mà ở lại nuôi Thủy Tiên. Thủy Tiên rất ngoan, học giỏi và có hiếu. Trong một lần đi thực tập, Thủy Tiên bị chết do tai nạn giao thông. Khi nghe tin này, bà đã ngất đi, tỉnh lại mấy lần. Sau đó, vì quá suy nghĩ nên bà đã lâm vào tình trạng rối loạn trí nhớ. Từ hai ví dụ trên cho thấy, cùng một hiện tượng là chứng kiến cảnh người con bị chết dẫn đến việc người thân thích bị đau buồn. Nhưng nếu như ở ví dụ một thì bà mẹ có thể không có hoặc có sự đau buồn nhưng khách quan phải thừa nhận mức độ đau buồn không thể như ở ví dụ hai được. Tuy nhiên, pháp luật phải hướng đến sự công bằng, bình đẳng và phù hợp với thực tiễn, truyền thống đạo đức của dân tộc nên việc cho những người thân thích ở cả hai trường hợp trên được hưởng khoản tiền bồi thường tổn thất về tinh thần là đều chấp nhận được. Vì vậy, khi xác định trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần trong trường hợp tính mạng bị xâm phạm, những người làm công tác áp dụng pháp luật cần căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xác định chính xác. Thực tiễn khi xác định trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần trong trường hợp tính mạng bị xâm phạm cần chú ý một số nội dung sau:

- Vị trí, vai trò của người bị thiệt hại về tính mạng trong mối quan hệ với người thân và với xã hội.

- Sự thiệt hại về tính mạng gây ra những hậu quả như thế nào đối với người thân thích.

- Tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi xâm phạm đến tính mạng.

- Đặc điểm nhân thân của người xâm phạm và người bị thiệt hại: Giới tính, độ tuổi...

- Tình trạng thể lực người bị thiệt hại.

- Thời gian chịu thiệt hại diễn ra dài hay ngắn.

- Số lượng người xâm phạm và số lượng người bị thiệt hại.

2.1.3. Bồi thường tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân bị xâm phạm

Danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân là các quyền nhân thân cơ bản của công dân được Hiến pháp, pháp luật bảo hộ. Mọi hành vi xâm phạm đến các quyền nhân thân này của cá nhân đều bị pháp luật xử lý và tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà người vi phạm có thể phải chịu trách nhiệm hình sự, hành chính hay dân sự. Dưới góc độ luật dân sự, người xâm phạm danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2005:

1. Thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân bị xâm phạm, thiệt hại do danh dự, uy tín của pháp nhân, chủ thể khác bị xâm phạm bao gồm:

a) Chi phí hợp lý để hạn chế, khắc phục thiệt hại;

b) Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút.

2. Người xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa không quá mười tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định [23].

Tiểu mục 3.3 mục 3 phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành quy định:

a) Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm được bồi thường cho chính người bị xâm phạm.

b) Trong mọi trường hợp, khi danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm, người người bị xâm phạm được bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Căn cứ vào hướng dẫn tại điểm b tiểu mục 1.1 mục 1 phần I Nghị quyết này để xác định mức độ tổn thất về tinh thần của người bị xâm hại. Việc xác định mức độ tổn thất về tinh thần phải căn cứ vào hình thức xâm phạm (bằng lời nói hay đăng trên báo viết hay báo hình...), hành vi xâm phạm, mức độ lan truyền thông tin xúc phạm... [12].

Cũng như hành vi xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng, trong mọi trường hợp người có hành vi xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân có thể được biểu hiện dưới các dạng như viết đơn tố cáo vu khống hoặc chửi rửa trước mặt người khác hoặc bịa đặt, tung tin thất thiệt... với mục đích bôi nhọ danh dự, hạ thấp uy tín của con người. Thông qua các hành vi này mà người bị vu khống, bị bôi nhọ... bị giảm uy tín, mất danh dự gây ra các phiền toái, đó chính là các thiệt hại về tinh thần. Như đã phân tích ở trên, việc xác định

thiệt hại về tinh thần là vô cùng khó khăn, phức tạp. Theo luật, việc xác định mức độ thiệt hại về tinh thần thông qua các hình thức xâm phạm, hành vi xâm phạm và mức độ lan truyền thông tin.

Khi xác định trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần trong trường hợp danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị xâm phạm cần chú ý đến một số điểm sau:

- Vị trí, vai trò của người bị thiệt hại về danh dự, nhân phẩm và uy tín trong mối quan hệ với người thân và với xã hội.

- Sự thiệt hại về danh dự, nhân phẩm và uy tín gây ra những hậu quả như thế nào đối với tâm lý, nghề nghiệp.

- Tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi xâm hại đến danh dự, nhân phẩm và uy tín.

- Đặc điểm nhân thân của người xâm phạm và người bị xâm phạm: khả năng nhận thức, giới tính, độ tuổi, dân tộc, tôn giáo...

- Thời gian chịu thiệt hại diễn ra dài hay ngắn.

- Không gian, hoàn cảnh diễn ra hành vi xâm phạm.

- Số lượng người xâm phạm và người bị xâm phạm.

Người có hành vi xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác phải chịu trách nhiệm bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho chính người đó.

2.2. Xác định mức bồi thường, người phải bồi thường, người được bồi thường

Theo quy định của pháp luật dân sự, người nào có hành vi trái pháp luật xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân phải chịu trách nhiệm bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Tổn thất về tinh thần là một khái niệm trừu tượng. Việc xác định thiệt hại về tinh thần là cực kỳ khó khăn, phức tạp. Vậy, vấn đề đặt ra là nếu có

hành vi xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân thì ai là người phải bồi thường, ai là người được bồi thường và mức bồi thường trong từng trường hợp như thế nào? Vấn đề này được quy định tại các Điều 609, 610 và 611 Bộ luật dân sự năm 2005.

2.2.1. Mức bồi thường

Mức bồi thường được hiểu là một khoản tiền cụ thể do pháp luật quy định buộc người có hành vi xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác phải bồi thường. Về nguyên tắc chung, việc bồi thường trước hết là do các bên tự nguyện thỏa thuận về mức bồi thường, hình thức bồi thường và phương thức bồi thường. Pháp luật khuyến khích việc các bên tự nguyện thỏa thuận với nhau, không bên nào được cưỡng ép hoặc dụ dỗ, mua chuộc bên nào. Nếu sự thỏa thuận của các bên không trái pháp luật và đạo đức xã hội thì sự thỏa thuận đó được pháp luật bảo vệ. Sở dĩ pháp luật khuyến khích các bên thỏa thuận với nhau vì việc bồi thường vừa là quyền lợi và cũng là trách nhiệm của các bên liên quan. Bồi thường các thiệt hại nói chung được khuyến khích thỏa thuận thì bồi thường tổn thất về tinh thần lại càng phải được khuyến khích thỏa thuận, bởi lẽ mục đích của bồi thường tổn thất về tinh thần chính là nhằm bù đắp thiệt hại về tinh thần, chia sẻ nỗi đau, làm xoa dịu đau thương mất mát mà người bị thiệt hại phải gánh chịu. Nếu không thỏa thuận được thì mục đích của việc bồi thường tổn thất về tinh thần coi như chưa đạt được.

Đánh giá thiệt hại về tinh thần là một hoạt động khó khăn. Thực tế thiệt hại về sức khỏe sẽ khác với thiệt hại về tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín nên mức độ tổn thất về tinh thần của trường hợp sức khỏe bị xâm phạm sẽ khác so với mức độ tổn thất về tinh thần trong trường hợp tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín bị xâm phạm. Để tránh sự tùy tiện trong việc áp dụng mức bồi thường, pháp luật đã quy định cho từng trường hợp cụ thể:

2.2.1.1. Mức bồi thường tổn thất về tinh thần đối với trường hợp sức khỏe bị xâm phạm

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 609 Bộ luật dân sự năm 2005:

Người xâm phạm sức khỏe của người khác phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa không quá ba mươi tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định [23].

Điểm c tiêu mục 1.5 mục 1 phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành quy định:

Mức bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị thiệt hại trước hết do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được, thì mức bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị thiệt hại phải căn cứ vào mức độ tổn thất về tinh thần, nhưng tối đa không quá 30 tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường [12].

Theo nguyên tắc chung, việc bồi thường tổn thất về tinh thần do thiệt hại về sức khỏe trước hết được các bên tự nguyện thỏa thuận. Sự thỏa thuận này không trái pháp luật và đạo đức xã hội sẽ được pháp luật công nhận và bảo vệ. Luật không giới hạn mức bồi thường tổn thất về tinh thần cho trường hợp sức khỏe bị xâm phạm là bao nhiêu, nếu các bên tự nguyện thỏa thuận. Mức thỏa thuận bồi thường có thể là một nghìn, một trăm nghìn hoặc có thể là một triệu, thậm chí là vài trăm triệu đồng hoặc cũng có thể chỉ là một lời nói xin lỗi mà không cần phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường bằng tiền.

Tuy nhiên, trên thực tế không phải lúc nào người gây thiệt hại và người bị thiệt hại cũng có thể thỏa thuận được vì quyền và lợi ích của họ là

đổi lập nhau. Vì vậy, pháp luật ấn định một mức trần cao nhất cho trường hợp bồi thường tổn thất về tinh thần do xâm phạm sức khỏe là 30 (ba mươi) tháng lương tối thiểu, tính tại thời điểm giải quyết bồi thường. Mức lương tối thiểu chung ở đây được hiểu là mức lương tối thiểu do nhà nước quy định dành cho các đối tượng là cán bộ, công chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp thuộc các đơn vị lực lượng vũ trang hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Hiện nay, mức lương tối thiểu chung được quy định tại Nghị định số 28/2010/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ là 730.000, (bảy trăm ba mươi nghìn) đồng/01 tháng, được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2010. Nói như vậy không có nghĩa trong mọi trường hợp, người có hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác phải bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị thiệt hại là 30 (ba mươi) tháng lương tối thiểu. Mức bồi thường 30 (ba mươi) tháng lương tối thiểu là mức cao nhất, còn mức thấp nhất pháp luật không quy định. Việc quyết định mức bồi thường cụ thể do cơ quan tiến hành tố tụng quyết định trên cơ sở nguyên tắc của luật, đồng thời căn cứ vào các yếu tố liên quan như mức độ thiệt hại, lỗi, điều kiện hoàn cảnh kinh tế, số lượng người của các bên... để quyết định sao cho phù hợp nhưng không được vượt mức 30 (ba mươi) tháng lương tối thiểu.

2.2.1.2. Mức bồi thường tổn thất về tinh thần đối với trường hợp tính mạng bị xâm phạm

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 610 Bộ luật dân sự năm 2005:

Người xâm phạm tính mạng của người khác phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần cho những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của người bị thiệt hại, nếu không có những người này thì người mà người bị thiệt hại đã trực tiếp nuôi dưỡng, người đã trực tiếp nuôi dưỡng người bị thiệt hại được hưởng khoản tiền này. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên

*thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa **không quá sáu mươi tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định** [23].*

Điểm d tiểu mục 2.4 mục 2 phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành quy định:

Mức bồi thường chung khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần trước hết do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được, thì mức bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho tất cả những người thân thích của người bị thiệt hại phải căn cứ vào mức độ tổn thất về tinh thần, số lượng người thân thích của họ, nhưng tối đa không quá 60 tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường [12].

Cũng giống như trường hợp bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm, việc bồi thường tổn thất về tinh thần do tính mạng bị xâm phạm được tiến hành theo nguyên tắc chung. Trước hết, việc bồi thường tổn thất về tinh thần do tính mạng bị xâm phạm do các bên tự nguyện thỏa thuận. Sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện về mức bồi thường, hình thức bồi thường và phương thức bồi thường.

Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được với nhau về mức bồi thường, pháp luật ấn định mức bồi thường cao nhất là 60 (sáu mươi) tháng lương tối thiểu chung do nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường. Hiện nay, mức lương tối thiểu chung được quy định tại Nghị định số 28/2010/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ là 730.000, (bảy trăm ba mươi nghìn) đồng/01 tháng, được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2010. Do tính chất, mức độ của hành vi xâm phạm đến tính mạng là nghiêm trọng hơn so với việc xâm phạm đến sức khỏe nên việc pháp luật quy định mức bồi thường cao gấp hai lần là hoàn toàn phù hợp. Pháp luật quy định như vậy không có nghĩa là tổn thất về tinh thần trong trường hợp tính mạng bị

xâm phạm cao gấp hai lần so với trường hợp sức khỏe bị xâm phạm. Vì tinh thần là vô giá, bồi thường tổn thất về tinh thần cũng chỉ là bù đắp thiệt hại, xoa dịu nỗi đau mà người bị hại phải gánh chịu. Theo quy định của pháp luật, việc quyết định mức bồi thường như thế nào do cơ quan tiến hành tố tụng quyết định dựa trên mức độ tổn thất về tinh thần, số lượng người thân thích của người bị hại nhưng không được vượt mức tối đa là 60 (sáu mươi) tháng lương tối thiểu.

2.2.1.3. Mức bồi thường tổn thất về tinh thần đối với trường hợp danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị xâm phạm

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2005:

Người xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa không quá mười tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định [23].

Điểm c tiểu mục 3.3 mục 3 phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành quy định:

Mức bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị xâm phạm trước hết do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được, thì mức bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần phải căn cứ vào mức độ tổn thất về tinh thần, nhưng tối đa không quá 10 tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường [12].

Cũng giống như bồi thường tổn thất về tinh thần trong trường hợp sức khỏe và tính mạng bị xâm phạm, mức bồi thường trong trường hợp danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân bị xâm phạm trước hết do các bên tự nguyện

thỏa thuận. Trong trường hợp các bên không tự thỏa thuận được với nhau, pháp luật ấn định một mức trần cao nhất không quá 10 (mười) tháng lương tối thiểu, tại thời điểm giải quyết bồi thường. Như vậy, so với mức bồi thường tổn thất về tinh thần trong trường hợp sức khỏe và tính mạng bị xâm phạm thì mức bồi thường tổn thất về tinh thần trong trường hợp danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị xâm phạm là thấp nhất. Việc pháp luật quy định như vậy là dựa vào tính chất, mức độ quan trọng của các đối tượng được pháp luật bảo vệ bị xâm phạm. Việc quyết định mức bồi thường sẽ do cơ quan tiến hành tố tụng quyết định tùy từng trường hợp cụ thể dựa trên mức độ tổn thất về tinh thần nhưng không được vượt quá 10 (mười) tháng lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường. Hiện nay, mức lương tối thiểu chung được quy định tại Nghị định số 28/2010/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ là 730.000, (bảy trăm ba mươi nghìn) đồng/01 tháng, được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2010.

Tóm lại, các mức bồi thường tổn thất về tinh thần tối đa là 10 (mười), 30 (ba mươi), 60 (sáu mươi) tháng lương tối thiểu theo từng trường hợp cụ thể, phụ thuộc vào đối tượng được luật dân sự bảo vệ bị xâm phạm. Tuy nhiên, việc pháp luật quy định như hiện nay vẫn còn gây ra nhiều cách hiểu khác nhau, việc áp dụng mức 10 (mười), 30 (ba mươi), 60 (sáu mươi) tháng lương tối thiểu đối với trường hợp một người gây thiệt hại cho một người nhưng nếu các trường hợp có nhiều người bị xâm phạm đến tính mạng trong cùng một gia đình mà chỉ còn có một người thân thích, trường hợp có nhiều người chết mà có nhiều người thân thích, hoặc trường hợp một người xâm phạm sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhiều người hoặc nhiều người xâm phạm cho một người hay trường hợp xâm phạm tính mạng dẫn đến việc người thân thích bị rối loạn thần kinh thì các khoản chi phí cho việc điều trị bệnh... được giải quyết như thế nào cho công bằng? Điều này đã làm cho các cơ quan bảo vệ pháp luật gặp nhiều lúng túng khi giải quyết các tranh chấp bồi thường tổn thất về tinh thần trên thực tế.

2.2.2. Người phải bồi thường

Xác định người phải bồi thường trong việc bồi thường tổn thất về tinh thần là một hoạt động quan trọng. Mục đích, ý nghĩa của việc bồi thường chỉ đạt được khi được triển khai trên thực tế.

2.2.2.1. Người phải bồi thường là pháp nhân

Theo quy định của Điều 618 Bộ luật dân sự năm 2005: "*Pháp nhân phải bồi thường thiệt hại do người của mình gây ra trong khi thực hiện nhiệm vụ được pháp nhân giao; nếu pháp nhân đã bồi thường thiệt hại thì có quyền yêu cầu người có lỗi trong việc gây thiệt hại phải hoàn trả một khoản tiền theo quy định của pháp luật*" [23]. Để được coi là một pháp nhân khi tổ chức có đầy đủ các điều kiện theo quy định của Điều 84 Bộ luật dân sự năm 2005 gồm: "*được thành lập hợp pháp; có cơ cấu tổ chức chặt chẽ; có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó; nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập*". Để nâng cao trách nhiệm quản lý con người của pháp nhân, pháp luật dân sự buộc pháp nhân phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người bị thiệt hại do người của mình gây ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được pháp nhân giao. Điều này cũng là để thực hiện triệt để nguyên tắc bồi thường kịp thời được quy định tại Điều 605 Bộ luật dân sự năm 2005. Tuy nhiên, trong trường hợp người của pháp nhân gây thiệt hại có lỗi trong việc gây ra thiệt hại đó thì pháp nhân có quyền yêu cầu người đã gây ra thiệt hại phải hoàn trả một khoản tiền mà mình đã bỏ ra để thực hiện nghĩa vụ bồi thường. Ví dụ: A là nhân viên lái xe của Ngân hàng thương mại B. Trên đường đi công tác, do vượt xe không an toàn gây tai nạn giao thông làm cho C bị thương tích 45% sức khỏe. Trong trường hợp này, Ngân hàng thương mại B là người đầu tiên phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho C. Sau đó, Ngân hàng thương mại B có quyền yêu cầu A hoàn trả số tiền mà mình đã bỏ ra để bồi thường cho C.

Như vậy, việc quy định pháp nhân phải chịu trách nhiệm bồi thường do người của mình gây ra thiệt hại chỉ có ý nghĩa về mặt thứ tự thực hiện nghĩa vụ bồi thường. Suy cho cùng việc bồi thường thiệt hại phải do người đã có hành vi gây thiệt hại chịu trách nhiệm.

2.2.2.2. Người phải bồi thường là cá nhân

Theo quy định tại Điều 604 Bộ luật dân sự năm 2005: *"Người nào do lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của cá nhân, xâm phạm danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân hoặc chủ thể khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường"*. Như vậy, bất kỳ chủ thể nào có hành vi xâm phạm trái pháp luật đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác, không phân biệt do lỗi cố ý hay vô ý đều phải chịu trách nhiệm bồi thường.

Trước hết, để trở thành chủ thể trong các quan hệ pháp luật dân sự thì cá nhân với tư cách là chủ thể phải có năng lực chủ thể, tức là có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự. Theo Điều 14 Bộ luật dân sự năm 2005 thì: *"Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân có quyền dân sự và nghĩa vụ dân sự. Mọi cá nhân đều có năng lực pháp luật dân sự như nhau. Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân có từ khi người đó sinh ra và chấm dứt khi người đó chết"*. Như vậy, năng lực pháp luật dân sự của cá nhân là khả năng pháp luật dân sự trao cho cá nhân những quyền và nghĩa vụ dân sự. Song, để những quyền và nghĩa vụ dân sự được thực hiện trên thực tế thì cá nhân phải có năng lực hành vi dân sự. Vậy, năng lực hành vi dân sự của cá nhân được hiểu như thế nào? Điều 17 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Năng lực hành vi dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự"*. Năng lực hành vi dân sự của cá nhân phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: độ tuổi, hoàn cảnh... của người đó. Điều 18 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Người từ đủ mười tám tuổi trở lên là người thành niên. Người chưa đủ mười tám tuổi là người chưa thành niên"*. Việc xác định người thành niên và người chưa thành niên có ý nghĩa

quan trọng trong việc xác định trách nhiệm bồi thường. Vì theo Điều 19 Bộ luật dân sự năm 2005 thì: *"Người thành niên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ..."* trừ trường hợp họ bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung và bồi thường tổn thất về tinh thần do xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân nói riêng được xác định theo Điều 606 Bộ luật dân sự năm 2005, cụ thể:

"1. Người từ đủ mười tám tuổi trở lên gây thiệt hại thì phải bồi thường".

Về nguyên tắc, người từ đủ mười tám tuổi trở lên được xác định là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Bởi vì, theo khoa học và theo luật dân sự của hầu hết các quốc gia trên thế giới thì độ tuổi từ mười tám trở lên là độ tuổi cơ thể con người phát triển đầy đủ cả thể lực và trí lực. Do đó, họ có đầy đủ điều kiện để nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật xâm phạm các quan hệ được pháp luật dân sự bảo vệ, nhưng vẫn thực hiện và gây thiệt hại. Vì vậy, người từ đủ mười tám tuổi trở lên có hành vi xâm phạm trái pháp luật đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân phải chịu trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần cho người bị thiệt hại bằng chính tài sản của mình.

2. Người chưa thành niên dưới mười lăm tuổi gây thiệt hại mà còn cha, mẹ thì cha, mẹ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại; nếu tài sản của cha, mẹ không đủ để bồi thường mà con chưa thành niên gây thiệt hại có tài sản riêng thì lấy tài sản đó để bồi thường phần còn thiếu, trừ trường hợp quy định tại Điều 621 của Bộ luật này.

Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi gây thiệt hại thì phải bồi thường bằng tài sản của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình [23].

Như vậy, theo quy định tại Khoản 2 Điều 606 Bộ luật dân sự năm 2005 thì việc bồi thường được chia thành hai trường hợp khác nhau trong việc xác định thứ tự thực hiện nghĩa vụ bồi thường:

Trường hợp thứ nhất, người dưới mười lăm tuổi có hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác thì cha, mẹ của người đó phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ các thiệt hại nói chung và tổn thất về tinh thần nói riêng cho người bị thiệt hại. Như vậy, theo quy định của pháp luật dân sự, trường hợp con dưới mười lăm tuổi có hành vi gây thiệt hại thì trách nhiệm bồi thường hoàn toàn thuộc của cha, mẹ. Cha, mẹ phải sử dụng tài sản của mình để thực hiện nghĩa vụ bồi thường. Trong trường hợp tài sản của cha, mẹ không đủ để thực hiện nghĩa vụ bồi thường mà con dưới mười lăm tuổi có tài sản riêng thì lấy tài sản riêng của con để thực hiện nghĩa vụ bồi thường phần còn thiếu, trừ trường hợp quy định tại Điều 621 Bộ luật dân sự:

1. Người dưới mười lăm tuổi trong thời gian học tập tại trường mà gây thiệt hại thì trường học phải bồi thường thiệt hại xảy ra.

2. Người mất năng lực hành vi dân sự gây thiệt hại cho người khác trong thời gian bệnh viện, tổ chức khác trực tiếp quản lý thì bệnh viện, tổ chức khác phải bồi thường thiệt hại xảy ra.

3. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu trường học, bệnh viện, tổ chức khác chứng minh được mình không có lỗi trong quản lý thì cha, mẹ, người giám hộ của người dưới mười lăm tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự phải bồi thường [23].

Như vậy, trường hợp người dưới mười lăm tuổi gây thiệt hại trong thời gian học tập tại trường hoặc người mất năng lực hành vi dân sự gây thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác

trong thời gian bệnh viện, tổ chức khác trực tiếp quản lý thì trường học, bệnh viện, tổ chức phải bồi thường. Pháp luật quy định như vậy là để nâng cao trách nhiệm quản lý con người của trường học, bệnh viện, tổ chức. Tuy nhiên, trường hợp trường học, bệnh viện, tổ chức chứng minh được mình không có lỗi trong việc quản lý trẻ người dưới mười lăm tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự gây thiệt hại thì không phải bồi thường. Trong trường hợp này, việc bồi thường thuộc trách nhiệm của cha, mẹ, người giám hộ, kể cả khi họ không có lỗi.

Trường hợp thứ hai, người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi gây thiệt hại thì phải bồi thường bằng tài sản của mình. Pháp luật quy định như vậy là vì người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi đã nhận thức được hành vi của mình. Mặc dù sự nhận thức chưa đầy đủ nhưng với cơ hội được tham gia một số quan hệ pháp luật lao động phù hợp với khả năng và sức lực của mình thì người từ đủ mười lăm đến dưới mười tám tuổi có thể tạo dựng được tài sản cho mình thông qua lao động. Đây chính là căn cứ để pháp luật buộc người từ đủ mười lăm đến dưới mười tám tuổi phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu người đó có hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác. Trong trường hợp sau khi thực hiện nghĩa vụ bồi thường nhưng tài sản của người từ đủ mười lăm đến dưới mười tám tuổi vẫn không đủ thì pháp luật buộc cha, mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình.

Như vậy, để đảm bảo nguyên tắc bồi thường toàn bộ và kịp thời, pháp luật dân sự buộc người chưa đủ mười tám tuổi có hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường và cha, mẹ người đó cũng phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường nếu việc bồi thường chưa đầy đủ. Pháp luật dân sự chia độ tuổi của người chưa thành niên chỉ có ý nghĩa trong việc xác định thứ tự thực hiện nghĩa vụ bồi thường, hoặc là sử dụng tài sản của con trước hoặc là sử dụng tài

sản của cha, mẹ trước chứ không ảnh hưởng đến nguyên tắc bồi thường. Điều này phù hợp với phong tục, tập quán của người dân Việt Nam.

Chú ý:

- Việc pháp luật quy định trách nhiệm của cha, mẹ có nghĩa vụ bồi thường khi con chưa thành niên có hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác phải được coi là một loại trách nhiệm pháp lý, không cần điều kiện lỗi của cha, mẹ.

- Trách nhiệm bồi thường của cha, mẹ được thực hiện trong trường hợp tài sản của con không đủ để bồi thường. Đây không phải là trách nhiệm bồi thường theo phần hay trách nhiệm liên đới.

- Trong trường hợp cha, mẹ thực hiện nghĩa vụ bồi thường nhưng tài sản của cha, mẹ không đủ thì lấy tài sản của con để bồi thường phần còn thiếu không được hiểu là nghĩa vụ bổ sung vì nghĩa vụ bổ sung phải được xác định là chủ thể của nghĩa vụ đó.

- Pháp luật quy định trách nhiệm bồi thường của người nào trước thì phải lấy tài sản của người đó bồi thường trước. Chỉ được lấy tài sản của người phải bồi thường bổ sung trong trường hợp đã lấy tài sản của người có trách nhiệm bồi thường trước nhưng vẫn không đủ để thực hiện nghĩa vụ bồi thường.

3. Người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự gây thiệt hại mà có người giám hộ thì người giám hộ đó được dùng tài sản của người được giám hộ để bồi thường; nếu người được giám hộ không có tài sản hoặc không đủ tài sản để bồi thường thì người giám hộ phải bồi thường bằng tài sản của mình; nếu người giám hộ chứng minh được mình không có lỗi trong việc giám hộ thì không phải lấy tài sản của mình để bồi thường.

Điều 58 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

1. *Giám hộ là việc cá nhân, tổ chức (sau đây gọi chung là người giám hộ) được pháp luật quy định hoặc được cử để thực hiện việc chăm sóc và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự (sau đây gọi chung là người được giám hộ).*

2. *Người được giám hộ gồm:*

a) *Người chưa thành niên không còn cha, mẹ, không xác định được cha, mẹ hoặc cha, mẹ đều mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ hoặc cha, mẹ không có điều kiện chăm sóc, giáo dục người chưa thành niên đó và nếu cha, mẹ có yêu cầu;*

b) *Người mất năng lực hành vi dân sự.*

3. *Người chưa đủ mười lăm tuổi được quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và người được quy định tại điểm b khoản 2 Điều này phải có người giám hộ [23].*

Theo quy định tại khoản 3 Điều 606 Bộ luật dân sự năm 2005 thì người giám hộ phải quản lý tài sản, chăm sóc, đảm bảo việc điều trị bệnh và là đại diện người được giám hộ. Vì vậy, nếu người được giám hộ gây thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác thì người giám hộ được lấy tài sản của người được giám hộ để bồi thường cho người bị thiệt hại. Nếu người được giám hộ không có tài sản để bồi thường thì người giám hộ phải lấy tài sản của mình để bồi thường nếu người giám hộ có lỗi trong việc giám hộ để người được giám hộ gây thiệt hại. Tuy nhiên, pháp luật quy định trong trường hợp người giám hộ chứng minh được mình không có lỗi trong việc giám hộ để người được giám hộ gây thiệt hại thì không phải lấy tài sản của mình để bồi thường.

Khi nghiên cứu địa vị pháp lý và trách nhiệm bồi thường của người giám hộ được quy định tại khoản 3 Điều 606 và khoản 3 Điều 621 Bộ luật dân sự năm 2005, tác giả nhận thấy có điểm mâu thuẫn: Nếu như khoản 3 Điều 606 quy định người giám hộ không phải lấy tài sản của mình để bồi thường cho người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự gây thiệt hại nếu chứng minh được mình không có lỗi trong việc giám hộ. Nhưng nếu theo khoản 3 Điều 621 thì cha, mẹ, người giám hộ phải bồi thường nếu trường học, bệnh viện, tổ chức khác chứng minh được mình không có lỗi để người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự gây thiệt hại. Vậy, trường hợp bệnh viện, tổ chức khác chứng minh được mình không có lỗi trong việc để người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự gây thiệt hại và người giám hộ cũng không có lỗi trong việc giám hộ thì người giám hộ có phải bồi thường không? Theo quan điểm của tác giả, xuất phát từ địa vị pháp lý của cha, mẹ và người giám hộ. Người giám hộ phải chịu trách nhiệm bồi thường khi họ có lỗi trong việc giám hộ. Ngược lại, trách nhiệm của cha, mẹ là trách nhiệm pháp lý nên phải bồi thường ngay cả khi họ không có lỗi trong việc quản lý con. Do đó, pháp luật chỉ nên xác định cha, mẹ phải bồi thường trong trường hợp người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự gây thiệt hại mà trường học, bệnh viện, tổ chức không có lỗi trong việc quản lý.

Trường hợp đặc biệt, người dưới mười lăm tuổi, người mất năng lực hành vi dân sự gây thiệt hại mà không có cha, mẹ và người giám hộ thì phải xác định đây là một tai nạn rủi ro.

2.2.3. Người được bồi thường

Nguyên tắc chung, người được bồi thường khoản tiền tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là người bị thiệt hại về tinh thần. Để tránh sự tùy tiện trong hoạt động áp dụng pháp luật, pháp luật dân sự quy định người được bồi thường trong từng trường hợp cụ thể như sau:

2.2.3.1. Đối với trường hợp sức khỏe bị xâm phạm

Khoản 2 Điều 609 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Người xâm phạm sức khỏe của người khác phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu..."*.

Điểm a tiêu mục 1.5 mục 1 phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành quy định: *"Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm được bồi thường cho chính người bị thiệt hại"*.

Trong trường hợp bị thiệt hại về sức khỏe thì người bị thiệt hại về tinh thần đầu tiên là chính người đó. Hành vi xâm phạm đến sức khỏe của người khác sẽ kéo theo hậu quả làm cho người đó thiệt hại về sức khỏe, giảm khả năng lao động, đặc biệt nếu gây thương tích vĩnh viễn thì thương tích đó sẽ kéo dài đến khi chết. Do đó, người bị thiệt hại sẽ cảm thấy đau thương, buồn chán. Đây là những biểu hiện ra bên ngoài của sự tổn thất, mất mát về tinh thần. Do đó, việc người bị xâm phạm sức khỏe được hưởng khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là hoàn toàn phù hợp. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là khi một người bị xâm phạm sức khỏe thì những người thân thích của họ có bị thiệt hại về tinh thần hay không và họ có phải là đối tượng được bồi thường khoản tiền này? Hiện nay, pháp luật dân sự chưa quy định cho những người thân thích của người bị xâm phạm đến sức khỏe được hưởng khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Nhưng như đã phân tích, con người trong xã hội tồn tại và phát triển trong mối quan hệ với người thân và cộng đồng. Do đó, việc một người bị xâm phạm đến sức khỏe kéo theo hậu quả là những người thân thích của người đó cũng sẽ bị tổn thất về tinh thần. Vì vậy, việc cho những người thân thích của người bị xâm phạm đến sức khỏe được hưởng khoản tiền này cũng là phù hợp với thực tiễn, phù hợp với phong tục tập quán của dân tộc Việt Nam.

2.2.3.2. Đối với trường hợp tính mạng bị xâm phạm

Khoản 2 Điều 610 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

Người xâm phạm tính mạng của người khác phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần cho những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của người bị thiệt hại, nếu không có những người này thì người mà người bị thiệt hại đã trực tiếp nuôi dưỡng, người đã trực tiếp nuôi dưỡng người bị thiệt hại được hưởng khoản tiền này... [23].

Điểm c tiểu mục 2.4 mục 2 phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành quy định:

Trong mọi trường hợp, khi tính mạng bị xâm phạm, những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất hoặc người mà người bị thiệt hại đã trực tiếp nuôi dưỡng và người đã trực tiếp nuôi dưỡng người bị thiệt hại (sau đây gọi chung là người thân thích) của người bị thiệt hại được bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần... [12].

Theo quy định của pháp luật, trường hợp tính mạng bị xâm phạm thì những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của người bị thiệt hại đến tính mạng được hưởng khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Điều này là hoàn toàn phù hợp với thực tiễn và phong tục tập quán của dân tộc. Khi một người bị xâm phạm đến tính mạng thì những người thân thích của người bị hại sẽ bị tổn thất về mặt tinh thần. Người bị tổn thất về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác phải được bồi thường. Nếu như Bộ luật dân sự năm 1995 chỉ quy định người gây thiệt hại đến tính mạng phải bồi thường một khoản tiền tổn thất về tinh thần cho những người thân thích mà không giải thích người thân thích là những ai, thì Bộ luật dân sự năm 2005 quy định

rõ người thân thích trong trường hợp này là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Theo quy định tại Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005: *"hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết"*. Trường hợp không có người thuộc hàng thừa kế thứ nhất thì *"người mà người bị thiệt hại đã trực tiếp nuôi dưỡng"* hoặc *"người đã trực tiếp nuôi dưỡng người bị thiệt hại"* được bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Khái niệm người thân thích là một khái niệm có nội hàm rộng, nó không chỉ bao gồm hàng thừa kế thứ nhất. Tuy nhiên, việc pháp luật quy định rõ người thân thích ở hàng thừa kế thứ nhất là hợp lý, tránh được sự tùy tiện trong áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng.

2.2.3.3. Đối với trường hợp danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị xâm phạm

Khoản 2 Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2005: *"Người xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu..."* [23].

Điểm a tiểu mục 3.3 mục 3 phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành quy định: *"Khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm được bồi thường cho chính người bị xâm phạm"* [12].

Cũng giống như trường hợp xâm phạm đến sức khỏe, hành vi xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, uy tín trước hết gây thiệt hại cho chính người đó. Vì vậy, pháp luật buộc người có hành vi xâm phạm trái pháp luật đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác phải chịu trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần cho chính người bị thiệt hại. Mặc dù pháp luật không quy định những người thân thích của người bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy

tín được bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần, nhưng theo quan điểm của tác giả, việc cho những người này được hưởng khoản tiền bồi thường tổn thất về tinh thần cũng là hợp lý, nếu họ chứng minh được thiệt hại của mình.

2.3. Các trường hợp không phải bồi thường, giảm trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Về nguyên tắc chung của luật dân sự thì người gây thiệt hại bao nhiêu phải bồi thường bấy nhiêu, tức là nguyên tắc bồi thường toàn bộ các thiệt hại do mình gây ra. Tuy nhiên, pháp luật luôn hướng đến sự nhân đạo, công bằng trong việc đảm bảo giữa lợi ích của nhà nước, lợi ích của tập thể với lợi ích của cá nhân, tạo điều kiện cho các quan hệ dân sự phát triển ổn định, hài hòa phù hợp với truyền thống tương thân, tương ái, lá lành đùm lá rách của người dân. Vì vậy, trong những hoàn cảnh nhất định, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể khác, pháp luật cho phép người thực hiện hành vi gây thiệt hại không phải chịu trách nhiệm bồi thường. Ngoài ra, pháp luật còn quy định những trường hợp người gây thiệt hại được giảm mức bồi thường, tạo điều kiện cho họ có cơ hội để ổn định cuộc sống, không đẩy họ vào hoàn cảnh bị khánh kiệt gia sản trong việc phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường. Điều này thể hiện nguyên tắc nhân đạo trong pháp luật Việt Nam.

2.3.1. Trường hợp không phải bồi thường tổn thất về tinh thần

2.3.1.1. Gây thiệt hại trong trường hợp phòng vệ chính đáng

Khoản 1 Điều 613 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: "*Người gây thiệt hại trong trường hợp phòng vệ chính đáng không phải bồi thường cho người bị thiệt hại*" [23]. Mặc dù Bộ luật dân sự không đưa ra khái niệm phòng vệ chính đáng là thế nào, nhưng theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì "*Phòng vệ chính đáng*

được hiểu là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên" [24].

Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Không ai được xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác một cách trái pháp luật. Như vậy, theo quy định của pháp luật, mọi cá nhân đều có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tự mình bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân. Phòng vệ chính đáng là việc cá nhân tự mình thực hiện các hành vi nhằm chống trả lại một cách tương xứng đối với hành vi của người đang xâm phạm trực tiếp các quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc của chủ thể khác. Chỉ được coi là phòng vệ chính đáng nếu hành vi chống trả là hành vi tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi của người đang xâm phạm các quyền và lợi ích được pháp luật bảo vệ. Nếu hành vi chống trả vượt mức cần thiết gây thiệt hại thì người thực hiện hành vi chống trả phải chịu trách nhiệm bồi thường đối với phần thiệt hại vượt quá mức cần thiết. Hành vi chống trả được diễn ra trong thời điểm đang có một hành vi trái pháp luật khác, nếu không thực hiện hành vi chống trả thì hành vi trái pháp luật sẽ xâm phạm đến các quyền và lợi ích được pháp luật bảo vệ. Nếu hành vi chống trả được thực hiện trước khi hành vi trái pháp luật diễn ra hoặc sau khi hành vi trái pháp luật đã kết thúc thì hành vi đó không được coi là hành vi phòng vệ chính đáng và người thực hiện hành vi đó phải chịu trách nhiệm bồi thường. Hành vi chống trả phải nhằm vào đối tượng đang có hành vi trái pháp luật. Việc chống trả nhằm vào các chủ thể khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Ví dụ: Vũ Bình Nguyên đang ngồi chơi ở đầu ngõ nhà mình thì gặp Phùng Văn Phúc và Nguyễn Văn An đi qua. Do có mâu thuẫn với nhau từ trước, nên khi gặp Nguyên, Phúc và An đã dùng gậy để đuổi đánh Nguyên. Nguyên bị An vụt hai nhát gậy trúng người. Thấy vậy, Nguyên liền bỏ chạy

nhưng lại chạy vào ngõ cụt. Không còn đường thoát thân, Nguyên liền quay lại dùng chân tay chống trả Phúc và An với mục đích tìm lối thoát. Trong lúc xông ra, Nguyên dùng tay đẩy An ra làm An mất đà ngã ra đường nên bị thương tích. Trong hoàn cảnh này, hành động của Nguyên là phòng vệ chính đáng. Vì vậy, dù An có bị thương tích, bị tổn hại sức khỏe và bị thiệt hại về tinh thần nhưng Nguyên không phải chịu trách nhiệm bồi thường.

Xét về mặt hình thức, hành vi phòng vệ chính đáng cũng gây thiệt hại cho sức khỏe, tính mạng của người khác, nhưng hành vi đó không bị coi là hành vi trái pháp luật. Vì vậy, người thực hiện hành vi gây thiệt hại trong trường hợp phòng vệ chính đáng không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Bộ luật dân sự không quy định cụ thể người có hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng của người khác trong trường hợp phòng vệ chính đáng có phải bồi thường tổn thất về tinh thần cho người bị thiệt hại hay không. Nhưng theo nguyên tắc chung, người gây thiệt hại trong trường hợp phòng vệ chính đáng không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nên cũng không phải chịu trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần.

2.3.1.2. Gây thiệt hại trong trường hợp tình thế cấp thiết

Cũng giống như trường hợp gây thiệt hại trong phòng vệ chính đáng, Bộ luật dân sự không đưa ra khái niệm tình thế cấp thiết là như thế nào mà chỉ quy định: *"Người gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không phải bồi thường cho người bị thiệt hại"* (Khoản 1 Điều 614 Bộ luật dân sự năm 2005). Vì vậy, tình thế cấp thiết được hiểu theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009: *"Tình thế cấp thiết là tình thế của người vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà không còn cách nào khác là phải gây một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa"* [24].

Tình thế cấp thiết được hiểu là tình thế của một người đứng trước nguy cơ bị đe dọa các lợi ích được pháp luật bảo vệ. Người trong tình thế cấp

thiệt nhận thức được hành vi của mình có thể gây thiệt hại hoặc chắc chắn gây thiệt hại cho các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ, nhưng không còn cách lựa chọn nào khác ngoài việc phải thực hiện một hành vi gây thiệt hại nhằm tránh những thiệt hại lớn hơn sẽ xảy ra nếu không kịp thời hành động. Nếu như nguyên nhân dẫn đến hành vi gây thiệt hại trong phòng vệ chính đáng chỉ có thể do con người mang lại, thì trong tình thế cấp thiết vừa có thể do con người hoặc do thiên nhiên gây ra. Vì vậy, đối với người gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết thì không phải bồi thường, ngược lại đối với người gây ra tình thế cấp thiết phải bồi thường theo quy định tại Khoản 3 Điều 614 Bộ luật dân sự năm 2005 *"Người đã gây ra tình thế cấp thiết dẫn đến thiệt hại xảy ra thì phải bồi thường cho người bị thiệt hại"*. Ví dụ: A có hành vi châm lửa đốt nhà B. Ngọn lửa bốc cháy nhanh và đang lan sang các nhà khác cùng khu, trong đó có một số nhà máy quan trọng có nhiều công nhân đang thực hiện công việc tiếp nhiên liệu xăng, dầu cho các phương tiện vận tải. Một số người đã cứu hỏa bằng tắt cả các phương tiện hiện có nhưng không có tác dụng nên quyết định phá nhà C là nhà liền kề để tránh nguy cơ ngọn lửa cháy vào các nhà khác cùng khu sẽ gây ra hậu quả thiệt hại lớn. Hành vi phá nhà gây thiệt hại cho C nhưng những người phá nhà không phải chịu trách nhiệm bồi thường vì tình thế cấp thiết. Trong trường hợp này, A là người đã châm lửa gây ra tình thế cấp thiết phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Để được coi là tình thế cấp thiết thì chủ thể phải đứng trước một nguy cơ đang xảy ra hoặc sẽ xảy ra ngay tức khắc đe dọa trực tiếp đến lợi ích được pháp luật bảo vệ. Chủ thể đó nhận thức được hành vi của mình là hành vi gây thiệt hại và không còn lựa chọn nào khác là phải phải gây ra một thiệt hại nhỏ hơn, nếu không gây thiệt hại nhỏ thì hậu quả thiệt hại xảy ra sẽ lớn hơn. Vì vậy, nếu nguy cơ đó chưa xảy ra hoặc đã xảy ra thì người hành động trong trường hợp này không phải là tình thế cấp thiết. Hoặc nếu chủ thể còn có sự lựa chọn một hành động khác có thể không gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại nhỏ hơn cũng đều không được coi là tình thế cấp thiết. Thực tế việc xác định

thể nào là lợi ích nhỏ, lợi ích lớn không phải lúc nào cũng dễ dàng. Vì vậy, khi đánh giá về giá trị của lợi ích vật chất, tuyệt đối không được mang sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của con người ra so sánh với tài sản.

Người có hành vi gây tổn thất về tinh thần trong trường hợp tình thế cấp thiết không phải bồi thường theo nguyên tắc chung.

2.3.1.3. Thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi của người bị hại

Điều 617 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: "*... nếu thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi của người bị thiệt hại thì người gây thiệt hại không phải bồi thường*" [23]. Xét về mặt khách quan thì người có hành vi gây ra hậu quả cũng có liên quan đến thiệt hại. Nhưng xét về mặt chủ quan, trong trường hợp này thiệt hại xảy ra là do lỗi cố ý của người bị thiệt hại, có thể là họ mong muốn hậu quả thiệt hại xảy ra hoặc có thể không mong muốn nhưng cố ý thực hiện hành vi gây ra thiệt hại. Thực chất, đây là trường hợp người có hành vi gây thiệt hại không có lỗi đối với hậu quả, mà lỗi ở đây chính là do người bị thiệt hại. Ví dụ: hành vi của một hành khách tự lao ra khỏi xe ô tô khách khi xe đang chuyển động làm cho người đó ngã ra đường, gây thương tích cho bản thân. Trong trường hợp này, thương tích xảy ra tức là có thiệt hại về sức khỏe nhưng người điều khiển xe ô tô không phải chịu trách nhiệm bồi thường. Mặc dù có thiệt hại về sức khỏe, có tổn thất về tinh thần nhưng họ không được bồi thường vì thương tích xảy ra hoàn toàn là do lỗi của người bị hại.

Cần phân biệt lỗi hành vi với lỗi hậu quả. Trong trường hợp được miễn trách nhiệm bồi thường theo Điều 617 Bộ luật dân sự năm 2005, cần phải được hiểu là lỗi hậu quả, tức là hậu quả thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi của người bị thiệt hại.

2.3.1.4. Thiệt hại xảy ra trong trường hợp sự kiện bất ngờ

Theo Điều 11 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định: "*Người thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội do*

sự kiện bất ngờ, tức là trong trường hợp không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi đó, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự" [24]. Mặc dù Bộ luật dân sự năm 2005 không quy định cụ thể về trường hợp này, nhưng đối với người thực hiện hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng cho người khác trong trường hợp sự kiện bất ngờ thì không phải chịu trách nhiệm bồi thường. Người gây thiệt hại trong trường hợp sự kiện bất ngờ tức là trong trường hợp người đó không thể thấy trước hành vi của mình là nguy hiểm có thể gây thiệt hại hoặc cũng có thể thấy trước được hành vi của mình có thể gây thiệt hại nhưng pháp luật không buộc họ phải thấy trước hậu quả thiệt hại đó.

Người thực hiện hành vi xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác trong sự kiện bất ngờ không phải chịu trách nhiệm bồi thường nói chung và bồi thường tổn thất về tinh thần nói riêng.

2.3.1.5. Gây thiệt hại trong trường hợp thi hành bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Để thi hành pháp luật, tùy theo nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền quyết định một hành vi gây thiệt hại cho sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác. Quyết định này được ban hành trên cơ sở của pháp luật và được thi hành theo đúng trình tự, thủ tục luật định. Người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ thi hành bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật thì không phải chịu trách nhiệm bồi thường. Ví dụ: cán bộ làm công tác thi hành án tử hình. Mặc dù, cán bộ làm công tác này có hành vi tước đoạt tính mạng của người bị thi hành án và thực tế người bị thi hành án bị chết gây đau thương, tổn thất về tinh thần cho những người thân thích, nhưng hành vi của cán bộ thi hành án không phải là hành vi trái luật. Vì vậy, người gây thiệt hại trong trường hợp này không phải bồi thường.

Trong trường hợp gây thiệt hại do thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải xem xét ở các khía cạnh như: quyết định của cơ quan có đúng thẩm quyền không, trình tự, thủ tục ban hành và thi hành quyết định đó có đúng luật, việc thi hành có đúng đối tượng. Nếu đáp ứng các quy định của pháp luật thì người thi hành không phải chịu trách nhiệm bồi thường. Ngược lại, việc thi hành không đúng các quy định của pháp luật thì người thi hành phải chịu trách nhiệm đối với hậu quả thiệt hại do mình gây ra.

2.3.2. Trường hợp được giảm trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Khoản 2 Điều 605 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Người gây thiệt hại có thể được giảm mức bồi thường, nếu do lỗi vô ý mà gây thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế trước mắt và lâu dài của mình"* [23].

Như vậy, theo quy định của pháp luật dân sự, người gây thiệt hại sẽ được giảm mức bồi thường khi đáp ứng đầy đủ hai điều kiện:

Một là: Do lỗi vô ý mà gây thiệt hại. Nếu người gây thiệt hại mà do lỗi cố ý thì không được áp dụng nguyên tắc này. Người có hành vi xâm phạm đã cố ý thực hiện hành vi gây thiệt hại, tức là họ nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm, có thể gây thiệt hại cho sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác, nhưng vẫn thực hiện và mong muốn hậu quả thiệt hại đó xảy ra hoặc không mong muốn nhưng có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra. Do vậy, người thực hiện hành vi gây thiệt hại với lỗi cố ý phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra là hoàn toàn phù hợp. Nếu hậu quả thiệt hại xảy ra do lỗi hỗn hợp thì theo quy định: *"Khi người bị thiệt hại cũng có lỗi trong việc gây thiệt hại thì người gây thiệt hại chỉ phải bồi thường phần thiệt hại tương ứng với mức độ lỗi của mình..."* (Điều 617 Bộ luật dân sự năm 2005).

Hai là: Thiệt hại xảy ra quá lớn so với khả năng kinh tế trước mắt và lâu dài. Nếu như coi lỗi vô ý là điều kiện cần thì thiệt hại xảy ra quá lớn so với khả năng kinh tế trước mắt và lâu dài là điều kiện đủ để người gây thiệt hại

được giảm mức bồi thường. Chỉ khi nào chủ thể có hành vi gây thiệt hại đáp ứng cả hai điều kiện nêu trên thì mới đặt ra vấn đề giảm trách nhiệm bồi thường.

Thực tế xét xử các vụ án về bồi thường thiệt hại do có hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín thì việc xác định thế nào là *"thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế trước mắt và lâu dài"* của người gây thiệt hại không phải dễ dàng. Hiện nay, chưa có văn bản hướng dẫn thi hành của cấp có thẩm quyền nên việc áp dụng quy định này gặp nhiều khó khăn. Theo tác giả, khi xét xử Tòa án cần căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, có thể lấy mức chuẩn nghèo của địa phương, nơi người đó đang sinh sống do cơ quan có thẩm quyền cung cấp làm căn cứ quyết định giảm mức bồi thường. Ví dụ: Nguyễn Văn Hùng có hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn, là gia đình thuộc diện nghèo của địa phương, làm nghề lái xe ôm, vợ mất sớm, phải nuôi một mẹ già và hai con nhỏ, hơn nữa bản thân bị bệnh hiểm nghèo. Ngày 07 tháng 7 năm 2007, Hùng điều khiển xe mô tô, do không làm chủ được tốc độ nên đã va chạm với Đào Đình Hưng đang đi bộ. Hậu quả, Hưng bị chấn thương, được cấp cứu tại bệnh viện, tổng chi phí hết 82.000.000, đồng. Hưng yêu cầu Hùng phải bồi thường toàn bộ các chi phí. Trong trường hợp này, khi giải quyết vụ án, Tòa phải coi thiệt hại của Hưng là quá lớn so với khả năng kinh tế trước mắt và lâu dài của Hùng. Việc cho Hùng được áp dụng Khoản 2 Điều 605 Bộ luật dân sự năm 2005 là thỏa đáng. Việc xác định thiệt hại xảy ra quá lớn so với khả năng kinh tế trước mắt và lâu dài phải được hiểu đó là trường hợp người gây ra thiệt hại có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn, việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bồi thường sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của người đó. Tuy nhiên, khi xem xét vấn đề này cũng cần đặt trong mối tương quan giữa hoàn cảnh kinh tế của người gây thiệt hại với người bị thiệt hại.

Tóm lại, người gây thiệt hại có thể được giảm mức bồi thường nếu do lỗi vô ý mà gây thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế trước mắt và lâu dài

của mình. Việc xem xét, quyết định giảm mức bồi thường thuộc thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng trên cơ sở phải đáp ứng đầy đủ cả hai tiêu chí trên. Nếu người gây thiệt hại thiếu một trong hai tiêu chí đó thì không được giảm trách nhiệm bồi thường. Pháp luật quy định như vậy là để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại và cũng là tạo điều kiện cho người gây ra thiệt hại có điều kiện duy trì cuộc sống.

Chương 3

Thực trạng áp dụng pháp luật trong bồi thường tổn thất về tinh thần và hướng hoàn thiện pháp luật

3.1. Thực trạng áp dụng pháp luật giải quyết các vụ án về bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị xâm phạm

Bộ luật dân sự năm 2005 và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là những văn bản pháp lý quan trọng làm căn cứ để các cơ quan bảo vệ pháp luật giải quyết các tranh chấp liên quan đến bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị xâm phạm. Qua khảo sát thực tế 108 (Một trăm linh tám) bản án có nội dung liên quan đến bồi thường tổn thất tinh thần (bao gồm cả án xét xử sơ thẩm và án xét xử phúc thẩm) của Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự các cấp, tác giả nhận thấy: Nhìn chung phần dân sự trong các vụ án liên quan đến hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân đều được các Tòa án ghi nhận và giải quyết trong bản án. Đối với các vụ án được các cơ quan tiến hành tố tụng tạo điều kiện cho các đương sự tích cực hòa giải, chia sẻ với nhau đau thương, mất mát và tự nguyện thỏa thuận vấn đề bồi thường thì việc giải quyết vấn đề dân sự được dễ dàng. Đặc điểm của các vụ án mà đương sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau là việc các bên thống nhất bồi thường một lần cho toàn bộ các khoản mà không nói rõ cụ thể khoản tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần là bao nhiêu. Vì vậy, Tòa án chỉ ghi nhận vấn đề tự nguyện thỏa thuận bồi thường dân sự của đương sự trong Bản án.

Ví dụ vụ án Lê Văn Bình phạm tội *"Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ"* theo Khoản 1 Điều 202 Bộ luật hình sự. Nội dung vụ án: Khoảng 9 giờ 40 phút ngày 12 tháng 8 năm 2008, tại đoạn ngang với số nhà 1191 đường Giải Phóng, Hoàng Mai, Hà Nội, Lê Văn Bình có giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật, điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 29Y2-5870, do không chú ý quan sát nên khi chuyển hướng không đảm bảo an toàn đã va chạm với xe mô tô Biển kiểm soát 29K9-3479 do quân nhân Trần Hải Long điều khiển. Hậu quả Long bị tử vong. Quá trình điều tra, bị cáo và đại diện hợp pháp của người bị hại thống nhất thỏa thuận bồi thường dân sự với nhau một lần là 62.000.000, (sáu mươi hai triệu) đồng và cam kết không có ý kiến nào khác về phần dân sự. Tại phiên tòa, các bên đều nhận thức được trách nhiệm của mình, chia sẻ sự mất mát với nhau và không có ý kiến nào khác về phần dân sự.

Bản án số 08/2009/HSST ngày 24 tháng 02 năm 2009 của Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội ghi nhận: *"Bị cáo và gia đình đã thỏa thuận bồi thường xong cho gia đình người bị hại với tổng số tiền là 62.000.000,đ (Sáu mươi hai triệu đồng) bao gồm các khoản: chi phí cứu chữa người bị hại trước khi chết, chi phí mai táng và khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần..."*.

Như vậy, việc Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên về phần dân sự là đúng với các quy định của pháp luật. Tòa án chỉ có thể quyết định về các khoản bồi thường thiệt hại cụ thể khi đương sự có yêu cầu. Đối với các vụ án liên quan đến bồi thường tổn thất về tinh thần, các cơ quan tiến hành tố tụng nên khuyến khích và tạo điều kiện cho các bên đương sự tích cực hòa giải, thỏa thuận với nhau, có như vậy mục đích bồi thường mới đạt được. Vì bồi thường vừa là quyền lợi và cũng là trách nhiệm của đương sự, bồi thường tổn thất về tinh thần lại càng cần chia sẻ, động viên nhau vượt qua đau thương mất mát.

Vấn đề mức bồi thường:

Thực tiễn xét xử cho thấy, đối với các vụ án mà các bên không thỏa thuận được với nhau về vấn đề bồi thường tổn thất về tinh thần thì Tòa án quyết định mức bồi thường còn có nhiều bất cập. Đa số các bản án trước khi quyết định mức bồi thường đều không phân tích các tổn thất về tinh thần mà người bị hại phải gánh chịu theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Ngoài ra, việc các Tòa án quyết định giải quyết không thống nhất về nhiều vấn đề như mức bồi thường, người được bồi thường... gây bức xúc cho đương sự. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do pháp luật quy định chưa rõ ràng, việc hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền chưa kịp thời, trong khi đó vấn đề bồi thường tổn thất về tinh thần lại trừu tượng nên nhận thức của các Tòa án về vấn đề này còn có sự khác nhau...

Bộ luật dân sự năm 2005 và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định mức bồi thường tối đa cho tổn thất về tinh thần đối với trường hợp xâm phạm tính mạng là 60 (sáu mươi) tháng lương, xâm phạm sức khỏe là 30 (ba mươi) tháng lương và xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín là 10 (mười) tháng lương tối thiểu tại thời điểm giải quyết bồi thường. Việc pháp luật quy định mức bồi thường tối đa như vậy được hiểu như thế nào? Thực tiễn áp dụng pháp luật đã nảy sinh nhiều vấn đề cần phải được cấp có thẩm quyền hướng dẫn giải quyết.

Ví dụ vụ án Nguyễn Ngọc Phan phạm tội "*Giao cấu với trẻ em*" theo Khoản 1 Điều 115 Bộ luật hình sự. Nội dung vụ án: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 13 tháng 10 năm 2008, tại nhà riêng ở xã Thạch Xá, Thạch Thất, Hà Nội, Nguyễn Ngọc Phan khi vào phòng ngủ chung của hai vợ chồng thì gặp con riêng của vợ là cháu Nguyễn Thị Diệu Linh đang nằm một mình trên giường. Do cháu Linh đang trong độ tuổi phát triển, thân hình phồng phao lại mặc quần áo ngủ nên Phan nảy sinh ý định giao cấu với cháu để thỏa mãn dục vọng. Phan tiến lại gần và đang thực hiện hành vi kích dục cho cháu Linh thì

bị vợ bắt quả tang. Cơ quan điều tra hình sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội đã chứng minh được trước đó Phan đã có hành vi giao cấu với Linh. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí liên quan đến việc khám sức khỏe mà chỉ yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần do xâm phạm danh dự, nhân phẩm.

Bản án số 32/2009/HSST ngày 19 tháng 11 năm 2009 của Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội nhận định: *"tính chất hậu quả nguy hiểm của hành vi phạm tội nên quyết định ở mức cao nhất là 10 tháng lương tối thiểu = 6.500.000,đ"*.

Trong trường hợp trên, vụ án chỉ có một mình bị cáo là người thực hiện hành vi gây thiệt hại cho một người và việc Tòa án đã xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo cũng như mức độ ảnh hưởng đến tâm, sinh lý phát triển về sau của người bị hại nên quyết định cho người bị hại được hưởng khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần do xâm phạm danh dự, nhân phẩm ở mức tối đa là có thể chấp nhận được. Tuy nhiên, đối với trường hợp một người có hành vi xâm phạm tính mạng cho nhiều người hoặc nhiều người xâm phạm đến một người hoặc trường hợp trong một gia đình có nhiều người bị xâm phạm đến tính mạng... thì quy định mức bồi thường tối đa được áp dụng như thế nào cho phù hợp? Thực tiễn xét xử cho thấy còn có nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề này.

Ví dụ vụ án Nguyễn Thị Thuận, Bùi Tiến Hà và Hoàng Hải Tiệp phạm tội *"Giết người"* theo Khoản 1 Điều 93 và *"Hủy hoại tài sản"* theo Khoản 2 Điều 143 Bộ luật hình sự. Nội dung vụ án: Do nghi ngờ chồng ngoại tình nên cuộc sống vợ chồng của Nguyễn Thị Thuận và Nguyễn Chí Tuấn thường xảy ra mâu thuẫn. Thấy vậy, Đại úy quân nhân chuyên nghiệp Nguyễn Chí Hưng là anh trai của Tuấn đã khuyên Thuận nên suy nghĩ lại những việc mình làm. Bực tức vì lời khuyên của Hưng, Thuận đã thuê Bùi Tiến Hà và Hoàng Hải Tiệp mua xăng đốt nhà Hưng. Khoảng 3 giờ 00 phút ngày 25

tháng 1 năm 2008, tại thôn Phú Mỹ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội, thực hiện kế hoạch, Hà đứng cạnh giới, Tiệp đổ xăng vào nhà anh Hưng và châm lửa đốt. Hậu quả, Nguyễn Chí Hưng bị bỏng chết ngay tại chỗ, vợ và con anh Hưng là chị Bùi Thị Thu Hà và cháu Nguyễn Thảo Hiền chết sau khi được cấp cứu tại bệnh viện.

Bản án số 03/2010/HSST ngày 4 tháng 8 năm 2010 của Tòa án quân sự Thủ đô Hà Nội nhận định: tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của người bị hại thể hiện quan điểm khi đòi bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 90.000.000, (chín mươi triệu) đồng cho 3 người bị xâm phạm tính mạng. Như vậy, với mỗi người chết thì đại diện hợp pháp yêu cầu bồi thường 30.000.000, (ba mươi triệu) đồng tương đương 41,09 (bốn mươi phẩy không chín) tháng lương tối thiểu (lương tối thiểu là 730.000, đồng/tháng). Trong khi đó, quan điểm của Viện kiểm sát quân sự Cơ quan Bộ Quốc phòng là đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường khoản tiền này ở mức cao nhất, tức là 180 (một trăm tám mươi) tháng lương tối thiểu bằng 131.400.000, (một trăm ba mươi một triệu, bốn trăm nghìn) đồng (mỗi người chết bằng 60 tháng lương tối thiểu). Bản án đã không chấp nhận mức đề nghị bồi thường của Viện kiểm sát và của đại diện hợp pháp của người bị hại nên nhận định: *"căn cứ vào điều kiện thực tế của các bên, đối tượng được hưởng"* và quyết định: *"Hội đồng xét xử ấn định và buộc các bị cáo Nguyễn Thị Thuận, bị cáo Bùi Tiến Hà và bị cáo Hoàng Hải Tiệp phải liên đới bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần tổng là 90 tháng lương tối thiểu tại thời điểm xét xử sơ thẩm (cho Nguyễn Chí Hưng, Bùi Thị Thu Hà và Nguyễn Thảo Hiền mỗi người bị hại là 30 tháng) cho Đại diện hợp pháp của ba người bị hại bà Hoàng Thị Huỳnh, ông Bùi Đức Lực, Cụ thể: 90 tháng x 730.000 đồng/tháng = 65.700.000 (sáu mươi lăm triệu bảy trăm nghìn) đồng. Bà Hoàng Thị Huỳnh và ông Bùi Đức Lực mỗi người được hưởng một nửa số tiền trên, 65.700.000: 2 = 32.850.000 (ba hai triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng..."*.

Nhận thức về mức bồi thường tối đa quy định như hiện nay được hiểu như thế nào, mức bồi thường này được áp dụng cho người được bồi thường hay người phải bồi thường? Thực tiễn áp dụng pháp luật cho thấy còn nhiều vấn đề chưa thống nhất khi áp dụng.

Ví dụ vụ án Nguyễn Tài Hải và Trần Quốc Tráng phạm tội "*Mua bán trẻ em*" theo Khoản 2 Điều 120 Bộ luật hình sự. Nội dung vụ án: Do Nguyễn Tài Hải và Ngô Thị Hương Trang có quen biết nhau nên Trang bàn với Hải là tìm phụ nữ trẻ Việt Nam bán sang Trung Quốc với giá 5.000.000, đồng/người. Hải đã bàn với Tráng và được Tráng đồng ý thực hiện kế hoạch này. Thông qua mạng internet, Hải đã quen được Lê Thị Anh Đào, sinh ngày 14 tháng 4 năm 1995, trú tại số 1 ngách 378 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 14 tháng 2 năm 2009, Hải và Tráng đã lừa được Đào đi Quảng Ninh chơi. Sau đó Hải, Tráng đã đưa Đào sang Trung Quốc bán cho Trang. Tại Trung Quốc, Trang đã ép Đào phải bán dâm. Ngày 09 tháng 11 năm 2009, Đào trốn được về Việt Nam và tố cáo hành vi của Hải và Tráng đến Cơ quan công an. Ngay sau đó, Hải và Tráng bị Cơ quan điều tra khởi tố, bắt giam. Tại phiên tòa, ông Lê Văn Cường là bố đẻ và là người giám hộ cho bị hại Đào yêu cầu các bị cáo bồi thường 100.000.000, (một trăm triệu) đồng trong đó có khoản bồi thường tổn thất tinh thần, danh dự...

Bản án số 254/2010/HSST ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội quyết định: "*Khoản tiền bồi thường danh dự nhân phẩm cần buộc 2 bị cáo bồi thường là 10.000.000, đồng...*".

Vậy theo quyết định của bản án này thì mức bồi thường có đúng với quy định của pháp luật? Vì theo Khoản 2 Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2005 và điểm c tiểu mục 3.3 mục 3 phần II Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì mức tối đa bồi thường tổn thất tinh thần do xâm phạm danh dự, nhân phẩm và uy tín không quá 10 (mười) tháng lương tối thiểu tại thời điểm giải quyết bồi

thường. Ngày 25 tháng 6 năm 2010 là ngày giải quyết việc bồi thường và mức lương tối thiểu được áp dụng theo Nghị định số 28/2010/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ là 730.000, (bảy trăm ba mươi nghìn) đồng/01 tháng. Theo đó mức tối đa 10 tháng $\times$ 730.000,đ = 7.300.000, (bảy triệu, ba trăm nghìn) đồng. Nếu hiểu 10 (mười) tháng lương tối thiểu được áp dụng cho một bị hại được hưởng thì quyết định trên của Tòa án là không đúng pháp luật, ngược lại nếu hiểu 10 (mười) tháng lương tối thiểu là để áp dụng cho một bị cáo phải bồi thường thì quyết định đó là đúng pháp luật.

Vấn đề mức bồi thường tối đa hiện nay chưa được thống nhất giữa các Tòa án với nhau và ngay cả trong cùng một Tòa án vấn đề này cũng có sự nhận thức khác nhau. Lấy ví dụ tại Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội:

Ví dụ vụ án Hoàng Đăng Sơn và Chu Mạnh Toàn phạm tội "*Giết người*" theo Khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự. Nội dung vụ án: Do có mâu thuẫn từ trước nên khoảng 21 giờ 00 phút ngày 20 tháng 9 năm 2009, khi gặp Nguyễn Anh Tú tại quán phở của chị Nguyễn Thị Thu Hà tại số 63, Ngõ 1, Khâm Thiên, Hà Nội, Hoàng Đăng Sơn và Chu Mạnh Toàn đã đuổi, đánh và dùng dao đâm nhiều nhát vào Tú. Hậu quả Tú bị tử vong.

Bản án số 271/2010/HSST ngày 02 tháng 7 năm 2010 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội nhận định: "*buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho gia đình nạn nhân do ông Nguyễn Văn Thọ (bố anh Tú) làm đại diện với số tiền bồi thường cụ thể: tiền tổn thất tinh thần: 60 tháng $\times$ 730.000, đồng/tháng bằng 43.800.000, đồng...*".

Nếu như vụ án Nguyễn Tài Hải và Trần Quốc Tráng phạm tội "*Mua bán trẻ em*" theo Khoản 2 Điều 120 Bộ luật hình sự đã nêu ở trên, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội quyết định tại Bản án số 254/2010/HSST ngày 25 tháng 6 năm 2010 là buộc hai bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường danh dự nhân phẩm cho người bị hại là 10.000.000, (mười triệu) đồng, tức là mức bồi thường tối đa được hiểu để áp dụng cho bị cáo phải chịu trách nhiệm (nếu

mức này được áp dụng cho người bị hại được hưởng thì đã vượt quá quy định vì 10 tháng lương tối thiểu chỉ là 7.300.000, đồng) thì ở vụ án Hoàng Đăng Sơn và Chu Mạnh Toàn phạm tội "*Giết người*" theo Khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội lại nhận thức mức bồi thường tối đa được áp dụng cho người bị hại được hưởng. Vì Bản án số 271/2010/HSST ngày 02 tháng 7 năm 2010 quyết định buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường tiền tổn thất tinh thần ở mức tối đa là 60 tháng x 730.000, đồng/tháng bằng 43.800.000, (bốn mươi ba triệu, tám trăm nghìn) đồng.

Thực tiễn xét xử cũng cho thấy hầu như các bản án của Tòa án không phân tích, đánh giá mức độ tổn thất về tinh thần của người bị hại làm căn cứ trước khi quyết định mức bồi thường mà nhận định rất chung chung và ấn định luôn một mức cụ thể. Vì vậy, không phải lúc nào quyết định của Tòa án cũng luôn nhận được sự đồng thuận của người bị hại. Pháp luật chỉ quy định mức bồi thường tối đa, không quy định mức bồi thường tối thiểu. Điều này rất có thể dẫn đến việc tùy tiện của Tòa án trong quyết định mức bồi thường.

Ví dụ vụ án Mai Thị Yến phạm tội "*Cố ý gây thương tích*" theo Khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự. Nội dung vụ án: Khoảng 9 giờ 00 phút ngày 24 tháng 12 năm 2009, Lê Thị Thanh Huyền đi xe mô tô đến chợ Cầu 2, Chân Mộng, Đoan Hùng, Phú Thọ để mua thức ăn. Khi vào đến chợ, Huyền dựng xe ở gần cửa ki ốt của Mai Thị Yến. Do không đồng ý cho Huyền để xe gần chỗ bán hàng của mình nên Yến chửi Huyền và đưa xe ra giữa lối đi. Thấy vậy Huyền lại đưa xe vào vị trí cũ mà mình đã để. Yến và Huyền lại tiếp tục chửi nhau. Yến cầm dao chém vào mặt và tay của Huyền. Hậu quả, Huyền bị thương tích 12% sức khỏe theo Kết luận số 03 ngày 14 tháng 01 năm 2010 của Tổ chức giám định pháp y Phú Thọ.

Bản án số 23/2010/HSST ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ quyết định: "*buộc Mai Thị Yến phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho chị Lê Thị Thanh Huyền số tiền là*

13.174.000, đồng". Trong đó *"tiền bồi thường tổn thất tinh thần 1.000.000, đồng"*. Không đồng ý với quyết định này, người bị hại Lê Thị Thanh Huyền đã làm đơn kháng cáo.

Như vậy, theo quyết định của bản án thì mức bồi thường tổn thất về tinh thần trong trường hợp này là 1.000.000, (một triệu) đồng (tương đương 1,36 tháng lương tối thiểu). Theo quy định của pháp luật, mức bồi thường tối đa cho tổn thất về tinh thần trong trường hợp xâm phạm sức khỏe không quá 30 tháng lương tối thiểu và từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 sẽ là 30 tháng x 730.000, đồng = 21.900.000, (hai mươi một triệu, chín trăm nghìn) đồng. Vấn đề đặt ra là căn cứ nào để Tòa án quyết định mức bồi thường tổn thất về tinh thần cho người bị hại trong vụ việc nêu trên là 1.000.000, (một triệu) đồng? Mức bồi thường này là cao hay thấp? Nếu giả sử trong trường hợp trên Tòa án quyết định mức bồi thường tổn thất về tinh thần là 10 tháng lương tối thiểu bằng 7.300.000, (bảy triệu, ba trăm nghìn) đồng hoặc chỉ là 0,5 tháng lương tối thiểu bằng 365.000, (ba trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng thì có gì là sai? Rất khó để có câu trả lời chính xác cho trường hợp này. Thực tiễn xét xử đã chứng minh nhận thức của các Tòa còn rất khác nhau trong quyết định mức bồi thường.

Ví dụ vụ án Nguyễn Huy Hoàng phạm tội *"Giết người"* theo Khoản 1 Điều 93 và *"Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng"* theo Khoản 1 Điều 230 Bộ luật hình sự. Nội dung vụ án: Khoảng 1 giờ 20 phút ngày 07 tháng 6 năm 2009, tại trước cửa số nhà 284 Nghi Tàm, Hà Nội, Nguyễn Văn Hiếu điều khiển xe ô tô chở Nguyễn Huy Hoàng, Phạm Thế Ngọc, Phạm Thị Thanh Huyền và Lương Hoài Anh thì xảy ra va chạm với xe mô tô do Nguyễn Văn Thành điều khiển phía sau chở Nguyễn Thị Hoa. Trong lúc hai bên tranh cãi thì Hoàng lấy súng bắn vào Thành. Hậu quả, Thành bị thương tích 20% sức khỏe theo Kết luận số 886 ngày 21 tháng 1 năm 2010 của Trung tâm giám

định pháp y Hà Nội. Tại phiên tòa, Nguyễn Văn Thành yêu cầu bị cáo phải bồi thường 39.000.000, (ba mươi chín triệu) đồng tiền tổn thất tinh thần.

Bản án số 145/2009/HSST ngày 09 tháng 3 năm 2010 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội nhận định người bị hại cũng có một phần lỗi và quyết định: *"Hội đồng xét xử chấp nhận các khoản cụ thể sau: tiền bù đắp về tinh thần 30 tháng x 650.000, đồng = 19.500.000, đồng..."*. Vì quyết định trong bản án sơ thẩm bị kháng cáo nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm. Bản án số 300/2010/HSPT ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội quyết định không thay đổi phần bồi thường tổn thất về tinh thần.

Từ hai vụ án nêu trên thấy hậu quả tỉ lệ thương tích của người bị hại trong hai vụ án chênh lệch nhau không nhiều (12% so với 20%) nhưng nếu như vụ án Mai Thị Yến người bị hại bị thương tích 12% thì được bồi thường 1.000.000, (một triệu) đồng (tương đương 1,36 tháng lương tối thiểu) thì vụ Nguyễn Huy Hoàng người bị hại bị thương tích 20% lại được bồi thường 19.500.000, (mười chín triệu, năm trăm nghìn) đồng (bằng mức tối đa 30 tháng lương tối thiểu). Mặc dù khi quyết định mức bồi thường tổn thất về tinh thần Tòa án phải căn cứ vào nhiều yếu tố, tỉ lệ thương tích chỉ là một yếu tố. Tuy nhiên, trong cả hai bản án nêu trên Tòa án không đánh giá mức độ tổn thất về tinh thần nên chúng ta thấy việc quyết định mức độ tổn thất về tinh thần vẫn nặng về cảm tính chủ quan của người đánh giá.

Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn có quy định căn cứ để tính mức bồi thường là *"... mức bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị thiệt hại phải căn cứ vào mức độ tổn thất về tinh thần..."* và luật hướng dẫn tiếp *"Việc xác định mức độ tổn thất về tinh thần cần căn cứ vào sự ảnh hưởng đến nghề nghiệp, thẩm mỹ, giao tiếp xã hội, sinh hoạt gia đình và cá nhân..."*. Phân tích, đánh giá mức độ tổn thất về tinh thần của người bị hại

là công việc khó khăn. Vì vậy, khi quyết định mức bồi thường đòi hỏi người tiến hành tố tụng phải thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ và phải thật sự công tâm, khách quan trong các phán quyết của mình.

Vấn đề người được hưởng khoản tiền bồi thường:

Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì người được hưởng khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần trong trường hợp sức khỏe và danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm là chính người đó. Trong trường hợp tính mạng bị xâm phạm thì người được hưởng khoản tiền này là *"những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của người bị thiệt hại, nếu không có những người này thì người mà người bị thiệt hại đã trực tiếp nuôi dưỡng, người đã trực tiếp nuôi dưỡng người bị thiệt hại"*. Tuy nhiên, trên thực tiễn việc áp dụng của Tòa án còn có sự khác nhau về vấn đề này.

Ví dụ vụ án Nguyễn Đức Nghĩa phạm tội *"Giết người"* theo Khoản 1 Điều 93 và *"Cướp tài sản"* theo Khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự. Nội dung vụ án: Trong quá trình học tập ở Trường Đại học Ngoại thương, Nguyễn Đức Nghĩa đã quen và yêu Nguyễn Phương Linh. Sau đó, Nghĩa và Linh chia tay nhau. Mặc dù Nghĩa đã có người yêu mới nhưng Nghĩa và Linh vẫn liên lạc gặp nhau. Sáng ngày 04 tháng 5 năm 2010, Nghĩa đã gọi Linh đến nhà của người yêu mới của mình là Hoàng Thị Yến tại căn hộ 11.01- G4, Trung Yên, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội để chơi. Tại phòng ngủ của Yến, Nghĩa và Linh đã quan hệ sinh lý với nhau. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi Linh chuẩn bị về, với mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản, Nghĩa đã lấy con dao được chuẩn bị trước để ở trên giá sách đâm hai nhát vào người làm Linh chết tại chỗ. Nghĩa tiếp tục dùng dao cắt đầu và mười ngón tay của nạn nhân nhằm mục đích phi tang, gây khó khăn cho công tác điều tra. Sau đó, Nghĩa đã lấy các tài sản gồm máy tính, máy điện thoại di động, xe máy... của Linh để mang

đi bán lấy tiền chi tiêu cho cá nhân. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của người bị hại Linh là ông Nguyễn Văn Ba có yêu cầu khoản tiền bồi thường tổn thất về tinh thần là 43.800.000, (bốn mươi ba triệu, tám trăm nghìn) đồng (đúng bằng 60 tháng lương tối thiểu tại thời điểm giải quyết bồi thường).

Bản án số 281/2010/HSST ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội nhận định *"yêu cầu của đại diện hợp pháp cho người bị hại đưa ra tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên buộc bị cáo phải bồi thường..."*. Vì vậy, Tòa án quyết định: *"buộc Nguyễn Đức Nghĩa phải bồi thường cho gia đình người bị hại Nguyễn Phương Linh do ông Nguyễn Văn Ba là đại diện tổng số tiền là..."*.

Theo quyết định của bản án thì đối tượng được hưởng khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là *"gia đình"*, cách diễn đạt khó hiểu như bản án là chưa đúng với quy định của Điều 610 Bộ luật dân sự năm 2005 và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Bởi vì theo quy định thì những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất mới là đối tượng được hưởng khoản tiền này và theo Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005 thì hàng thừa kế thứ nhất bao gồm vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi. Lý lịch của người bị hại Nguyễn Phương Linh cho thấy rằng bị hại chưa có chồng, con và sống cùng cha đẻ, mẹ đẻ và một người em trai. Như vậy, trường hợp này người được hưởng khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần theo quy định của pháp luật chỉ là cha đẻ và mẹ đẻ của nạn nhân Linh. Người em trai tuy là người sống trong cùng một gia đình với nạn nhân nhưng không thuộc đối tượng được hưởng khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Việc Tòa án quyết định như vậy là không rõ ràng, chưa phù hợp với các quy định của pháp luật, dễ gây ra sự hiểu lầm cho các đương sự.

Thực tiễn xét xử còn cho thấy nhiều trường hợp Tòa không chỉ rõ những người thân thích gồm những ai và cụ thể từng người thân thích được

bồi thường bao nhiêu tiền tổn thất về tinh thần mà chỉ nói chung là *"những người thân thích được hưởng khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần với tổng số tiền là..."*. Mặc dù pháp luật quy định đối tượng được hưởng là *"những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của người bị thiệt hại, nếu không có những người này thì người mà người bị thiệt hại đã trực tiếp nuôi dưỡng, người đã trực tiếp nuôi dưỡng người bị thiệt hại được hưởng khoản tiền này"* nhưng điều đó không có nghĩa khi quyết định cụ thể Tòa án cũng gọi chung chung là *"những người thân thích"* mà cần thiết phải cụ thể hóa đến từng cá nhân riêng biệt vì hoạt động của Tòa án là hoạt động áp dụng pháp luật.

Ví dụ vụ án Đỗ Quốc Thái phạm tội *"Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ"* theo Khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự. Nội dung vụ án: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 26 tháng 4 năm 2008, tại Km 31+600 trên quốc lộ 6A thuộc địa phận xã Đông Sơn, Chương Mỹ, Hà Tây (nay là Hà Nội), Đỗ Quốc Thái điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 33L5-7287 đi lấn sang phần đường của xe ngược chiều nên đã va chạm với xe mô tô Biển kiểm soát 33N9-6729 do quân nhân Nguyễn Văn Thắng điều khiển phía sau chở mẹ đẻ là bà Hoàng Thị Tuất. Hậu quả bà Tuất bị thương 31% tạm thời, Thắng bị tử vong sau khi được cấp cứu tại bệnh viện. Theo lý lịch thì Nguyễn Văn Thắng vẫn còn cha đẻ, mẹ đẻ, vợ và một con.

Bản án số 15/2009/HSST ngày 02 tháng 4 năm 2009 của Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội khi quyết định về khoản tiền bồi thường tổn thất về tinh thần ghi: *"về khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần, Hội đồng xét xử thấy rằng tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội mà Đỗ Quốc Thái gây ra phải bồi thường khoản tiền này cho người bị hại Hoàng Thị Tuất và cho những người thân thích của người bị hại Đỗ Văn Thắng. Bà Tuất tương ứng với 15 tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử là: (540.000,đ x 15 tháng) = 8.100.000, đồng. Anh Đỗ Văn Thắng tương ứng với 60 tháng lương tối thiểu là: (540.000,đ x 60 tháng) = 32.400.000, đồng"*.

Như vậy, trường hợp này Tòa án nên chỉ đích danh ai là những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng số tiền bồi thường tổn thất về tinh thần 32.400.000, (ba mươi hai triệu, bốn trăm nghìn) đồng. Bởi vì khái niệm người thân thích và khái niệm người thừa kế ở hàng thứ nhất không đồng nhất với nhau. Cách diễn đạt "*những người thân thích*" như trong bản án có thể dẫn đến việc khoản tiền này sẽ được chia cho tất cả những ai là người thân thích của Đỗ Văn Thắng. Theo quan điểm của tác giả, trường hợp này Tòa án nên diễn đạt rõ là số tiền bù đắp tổn thất về tinh thần được chia đều cho những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ và con của người bị hại Đỗ Văn Thắng với tổng số tiền là: 60 tháng x 540.000, đồng = 32.400.000 đồng, cụ thể: cha đẻ ông Đỗ Văn Kính được hưởng số tiền là $32.000.000/4 = 8.100.000$ (tám triệu, một trăm nghìn) đồng; vợ Nguyễn Thu Trang được hưởng số tiền là $32.000.000/4 = 8.100.000$ (tám triệu, một trăm nghìn) đồng; con Đỗ Minh Trí được hưởng số tiền là $32.000.000/4 = 8.100.000$ (tám triệu, một trăm nghìn) đồng. riêng mẹ đẻ Hoàng Thi Tuất ngoài việc được hưởng số tiền là $32.000.000/4 = 8.100.000$, đồng còn được thêm 8.100.000, đồng bù đắp tổn thất tinh thần do bị thương tích, như vậy được 16.200.000 (mười sáu triệu, hai trăm nghìn) đồng; Việc Tòa án tuyên rõ ràng sẽ bảo đảm quyền lợi cho đương sự và tạo điều kiện cho công tác thi hành án được dễ dàng.

Ngoài ra, thực tiễn xét xử cho thấy việc xác định người được bồi thường cũng còn một vấn đề mà Tòa án bị vướng mắc đó là trong trường hợp tại thời điểm bị xâm phạm đến tính mạng thì người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất vẫn còn sống nhưng thời điểm giải quyết bồi thường thì người thân thích đó đã chết. Vấn đề đặt ra là người đã chết đó có còn được xem là diện được bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần nữa hay không.

Ví dụ vụ án Đồng Xuân Phương phạm tội "*Giết người*" theo Khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự. Nội dung vụ án: Do có mâu thuẫn trong công việc, Đồng Xuân Phương đã thuê Đoàn Đức Lâm và Hoàng Ngọc Mạnh giết

Nguyễn Văn Soi. Thực hiện kế hoạch, khoảng 14 giờ 16 phút ngày 21 tháng 6 năm 2007, Mạnh lừa anh Soi đến khu vực để dằm cầu dẫn đường cầu Thanh Trì thuộc tổ 12 phường Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội. Tại đây, Mạnh đã dùng dao dằm hai nhát vào mặt sau đầu phải làm anh Soi tử vong. Sau khi gây án, Mạnh và Lân bỏ trốn và bị Cơ quan điều tra truy nã xử lý sau. Đồng Xuân Phương bị bắt ngay sau đó. Hàng thừa kế thứ nhất của Nguyễn Văn Soi theo pháp luật còn vợ là Nguyễn Thị Thanh, hai con là Nguyễn Hạnh Vân (sinh năm 1998), Nguyễn Hương Giang (sinh năm 2002) và mẹ đẻ là Vũ Thị Tân (bà Tân mất ngày 17 tháng 12 năm 2008). Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của người bị hại là chị Nguyễn Thị Thanh yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần với tổng số tiền là 150.000.000, (một trăm năm mươi triệu) đồng. Chị Thanh lập luận rằng trường hợp này người bị tổn thất tinh thần không chỉ có chị mà cả hai người con của nạn nhân.

Bản án số 167/2010/HSST ngày 31 tháng 3 năm 2010 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã bác yêu cầu của đại diện hợp pháp của người bị hại và chấp nhận: *"tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho chị Nguyễn Thị Thanh, cháu Nguyễn Hạnh Vân, cháu Nguyễn Hương Giang do chị Thanh làm đại diện là 650.000, đồng x 60 tháng = 39.000.000, đồng..."*.

Như vậy, với quyết định rõ ràng như trên của Bản án thì người được bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần chỉ bao gồm vợ và các con của người bị hại là chị Thanh và hai cháu Vân, Giang mà không có tên bà Tân là mẹ đẻ của người bị hại. Nội dung vụ án cho thấy rằng, thời điểm anh Soi bị giết thì bà Tân vẫn còn sống. Nếu tại thời điểm đó vụ án được giải quyết thì bà Tân là người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất sẽ được bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Tuy nhiên, vì vụ án kéo dài và bà Tân đã chết nên không được Tòa án cho hưởng khoản bồi thường này. Mặc dù bản án vẫn quyết định bị cáo phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà Tân kể từ thời điểm phạm tội đến khi bà Tân chết. Theo quan điểm của tác giả, để bảo vệ quyền lợi

của người bị hại và nâng cao ý thức tôn trọng sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác thì cần thiết buộc người đã có hành vi xâm phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường tổn thất tinh thần nói riêng và bồi thường dân sự nói chung cho người bị hại, kể cả trong trường hợp người đó chết.

Vấn đề người phải bồi thường

Theo quy định của pháp luật, người phải bồi thường là người đã có hành vi xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác. Thực tiễn khi áp dụng pháp luật trong việc xác định người phải bồi thường cũng còn vấn đề phải xem xét.

Ví dụ vụ án Đồng Xuân Phương phạm tội *"Giết người"* theo Khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự. Nội dung vụ án như đã nêu ở trên cho thấy đây là vụ án đồng phạm, trong đó Đồng Xuân Phương đóng vai trò là cầm đầu, thuê người khác thực hiện hành vi giết người, Đoàn Đức Lân, Hoàng Ngọc Mạnh là người được thuê thực hiện kế hoạch và Mạnh là người trực tiếp thực hiện hành vi đâm chết người. Bản án số 167/2010/HSST ngày 31 tháng 3 năm 2010 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: *"Buộc bị cáo phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho chị Nguyễn Thị Thanh, cháu Nguyễn Hạnh Vân, cháu Nguyễn Hương Giang do chị Thanh làm đại diện số: 39.000.000, đồng..."*.

Như đã phân tích đây là vụ án đồng phạm của Phương, Mạnh và Lân. Mạnh và Lân bỏ trốn nên đã bị cơ quan điều tra ra quyết định truy nã và sẽ được xử lý sau. Bị cáo Phương là người đầu tiên bị Tòa án xét xử trong vụ án. Nhưng việc Tòa án quyết định buộc Phương phải chịu trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần cho những người thân thích của bị hại ở mức cao nhất theo quy định của pháp luật là 60 (sáu mươi) tháng lương tối thiểu. Vậy sau này khi Tòa án xét xử đối với hai bị cáo còn lại là Mạnh và Lân thì trách nhiệm bồi thường tổn thất về tinh thần của hai bị cáo đối với những người

thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của người bị hại như thế nào? Mức bồi thường tổn thất về tinh thần tối đa không quá 60 (sáu mươi) tháng lương tối thiểu đối với trường hợp xâm phạm tính mạng được hiểu như ra sao? Theo quy định của pháp luật, trong trường hợp này, trách nhiệm bồi thường của Phương, Mạnh, Lân là trách nhiệm liên đới. Để đảm bảo quyền lợi của người bị hại một cách kịp thời, Tòa án cần thiết phải xác định đây là trách nhiệm liên đới và buộc bị cáo Phương phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường toàn bộ, đồng thời phải chỉ rõ bị cáo Phương có quyền yêu cầu Mạnh và Lân hoàn trả phần nghĩa vụ mà bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, nội dung của Bản án phải xác định phần nghĩa vụ của từng người tương ứng với vị trí, vai trò của người đó trong vụ án.

3.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật

Qua quá trình nghiên cứu lý luận cũng như thực tiễn giải quyết các vụ án có liên quan đến bồi thường tổn thất về tinh thần do hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân tại ngành Tòa án, tác giả nhận thấy còn nhiều điểm bất cập, chưa thống nhất trong thực tiễn áp dụng pháp luật. Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này có thể là do các quy định của pháp luật chưa đầy đủ, nhận thức pháp luật của các Tòa án khác nhau còn có sự khác nhau... Vì vậy, tác giả mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị và phương hướng để hoàn thiện pháp luật về bồi thường tổn thất về tinh thần như sau đây.

3.2.1. Kiến nghị

Thứ nhất là về mức bồi thường. Theo quan điểm của tác giả, do tính chất đặc biệt của tinh thần là hết sức trừu tượng nên những tổn thất về tinh thần là không thể xác định cụ thể, không thể khôi phục lại như tình trạng ban đầu như các loại tài sản thông thường khi bị thiệt hại. Bồi thường tổn thất về tinh thần không thể hiểu như nguyên tắc bồi thường toàn bộ mà chỉ coi đó là

bù đắp một phần tổn thất, mất mát về tinh thần. Về nguyên tắc, việc tính mức bồi thường có thể xác định theo hướng tỉ lệ thuận với những thiệt hại vật chất thực tế xác định được. Vì vậy, mức bồi thường tổn thất về tinh thần mà người có hành vi xâm phạm phải chịu trách nhiệm không nên lớn hơn so với thiệt hại vật chất mà người đó gây ra. Đối với trường hợp không chứng minh được giá trị vật chất thì luật cần ấn định một mức thu nhập trung bình làm căn cứ vì thực tiễn có những hành vi không gây thiệt hại vật chất nhưng gây thiệt hại về tinh thần.

Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các mức bồi thường tối đa cho tổn thất về tinh thần là 60 (sáu mươi), 30 (ba mươi), 10 (mười) tháng lương tối thiểu tương ứng với các đối tượng bị xâm phạm là tính mạng, sức khỏe và danh dự, nhân phẩm, uy tín. Quy định này là phù hợp nếu trong trường hợp một người có hành vi xâm phạm đến một người. Nhưng nếu một người xâm phạm đến nhiều người hoặc nhiều người xâm phạm đến một người thì mức bồi thường được hiểu như thế nào? Chính vì việc pháp luật quy định chưa rõ vấn đề này nên trong thời gian qua có nhiều quan điểm khác nhau dẫn đến việc áp dụng pháp luật không thống nhất.

Đối với trường hợp một người xâm phạm đến nhiều người. Pháp luật cần quy định rõ buộc người có hành vi xâm phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường cho từng người bị hại. Điều này có nghĩa là các mức bồi thường tối đa do pháp luật quy định phải được hiểu là trong các trường hợp cụ thể người bị xâm phạm đều có thể được hưởng khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần tương ứng với mức quy định trước. Việc quyết định mức bồi thường cụ thể do Tòa án quyết định trên cơ sở của nhiều yếu tố như tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi xâm phạm, hậu quả thiệt hại xảy ra, mức độ tổn thất về tinh

thần, vị trí, vai trò, tầm quan trọng của người bị hại cũng như tương quan về mặt kinh tế của người phải bồi thường với người được bồi thường...

Đối với trường hợp nhiều người xâm phạm đến một người. Mặc dù hậu quả thiệt hại về sức khỏe, tính mạng mà người bị thiệt hại phải gánh chịu trong trường hợp một người xâm phạm đến một người cũng tương đương như trường hợp nhiều người xâm phạm đến một người. Ví dụ A gây thương tích cho G với tỷ lệ thương tích là 32% và A, B, C, D cùng gây thương tích cho G với tỷ lệ thương tích là 32%. Cả hai ví dụ thì hậu quả G cũng chỉ bị thương tích tỷ lệ 32%. Tuy nhiên, thường thì mức độ tổn thất về tinh thần trong trường hợp nhiều người xâm phạm đến một người sẽ nghiêm trọng hơn so với trường hợp một người xâm phạm đến một người. Ví dụ 10 người có hành vi vu khống nhằm bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của một người sẽ làm quy mô, tốc độ lan truyền thông tin lớn hơn so với một người vu khống nhằm bôi nhọ danh dự, nhân phẩm đến một người. Trường hợp này, cần cho người bị hại được hưởng ở mức bồi thường tối đa.

Pháp luật quy định các mức bồi thường tổn thất về tinh thần tối đa như hiện nay là 10 (mười), 30 (ba mươi), 60 (sáu mươi) tháng lương tối thiểu tương ứng với hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, sức khỏe và tính mạng. Mức bồi thường này so với thực tiễn đời sống của người dân là thấp. Do điều kiện kinh tế của nước ta còn thấp nên ngân sách nhà nước chưa đáp ứng được nhu cầu thu nhập của cán bộ, công chức. Do đó, mức lương tối thiểu chưa phản ánh được thực tiễn đời sống kinh tế- xã hội. Vì vậy, luật cần nâng mức bồi thường tối đa có thể là 30 (ba mươi), 60 (sáu mươi), 90 (chín mươi) tháng lương tối thiểu lần lượt tương ứng với hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, sức khỏe và tính mạng. Điều này góp phần bảo đảm quyền lợi của người bị hại, thể hiện tính răn đe của pháp luật, nâng cao ý thức tôn trọng sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của con người. Thực tiễn cũng đã xảy ra những trường hợp lái xe gây tai nạn còn cố ý làm

cho nạn nhân chết vì một lý do là mức bồi thường trong trường hợp xâm phạm tính mạng thấp.

Pháp luật không quy định mức bồi thường tối thiểu mà chỉ quy định mức bồi thường tổn thất về tinh thần tối đa. Điều này có thể dẫn đến tình trạng tùy tiện trong hoạt động áp dụng pháp luật của Tòa án. Vì vậy, cần sửa đổi luật theo hướng quy định từ mức bồi thường tối thiểu đến mức bồi thường tối đa. Và cần có hướng dẫn cụ thể của cấp có thẩm quyền trong trường hợp nào được áp dụng mức bồi thường tối thiểu, trong trường hợp nào thì được áp dụng mức bồi thường tối đa. Việc quyết định mức bồi thường cụ thể thuộc thẩm quyền của Tòa án dựa trên các tình tiết của vụ án.

Thứ hai là về người được bồi thường. Theo quy định của pháp luật thì người được hưởng khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần chính là người bị hại nếu đối tượng bị xâm phạm là sức khỏe và danh dự, nhân phẩm, uy tín và là người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của người bị hại nếu đối tượng bị xâm phạm là tính mạng. Khi một người bị xâm phạm đến tính mạng thì thứ tự người được bồi thường tổn thất về tinh thần là những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Nếu không có những người này thì người được bồi thường là người đã trực tiếp nuôi dưỡng người bị hại hoặc người bị hại trực tiếp nuôi dưỡng. Thực tiễn áp dụng quy định này đã xuất hiện vấn đề bất cập như có trường hợp những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất không trực tiếp sống cùng, để cho người khác nuôi dưỡng người bị hại với nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng khi người đó bị xâm phạm tính mạng thì người trực tiếp nuôi dưỡng không được hưởng vì vẫn còn người thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Trong khi đó, những người ở hàng thừa kế thứ nhất không quan tâm, chăm sóc người bị hại lúc còn sống thì lại được bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Mục đích của luật là nhằm bồi thường cho những người thân thích có thiệt hại về tinh thần. Vì vậy, trong trường hợp này, pháp luật cần quy định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và người đã trực tiếp nuôi dưỡng người bị hại, người bị hại trực tiếp nuôi dưỡng đều là người thân thích và cùng

được bồi thường trong cùng một diện sẽ phù hợp với phong tục tập quán của dân tộc.

Mục đích của bồi thường tổn thất về tinh thần là nhằm vào những người bị tổn thất, mất mát về tinh thần. Trên thực tế có trường hợp những người trong cùng một hàng thừa kế thứ nhất có hành vi ngược đãi, hành hạ nghiêm trọng hoặc vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng người bị hại, nhưng theo quy định của pháp luật thì họ là đối tượng được bồi thường tổn thất về tinh thần nếu người đó bị xâm phạm tính mạng. Theo quan điểm của tác giả, pháp luật cần bổ sung quy định trong trường hợp này người thuộc hàng thừa kế thứ nhất sẽ không được hưởng khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần nếu họ đã bị Tòa án kết án về một trong các hành vi nêu trên đối với người bị xâm phạm tính mạng.

Trong trường hợp tại thời điểm bị xâm phạm người bị xâm phạm và những người thân thích của người bị hại còn sống nhưng thời điểm giải quyết việc bồi thường những người này đã chết thì pháp luật cần bổ sung quy định buộc người có hành vi xâm phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần như lúc người đó còn sống. Ví dụ A bị B xâm phạm sức khỏe với tỉ lệ thương tích 18%. Trước ngày mở phiên tòa, A bị chết. Trong trường hợp này buộc B phải bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho A do đại diện hợp pháp của A nhận cũng là điều thỏa đáng. Điều này sẽ làm tăng tính răn đe của pháp luật và giáo dục ý thức tôn trọng sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, uy tín của con người và cũng là để bảo vệ tối đa lợi ích của người bị thiệt hại.

Thứ ba là về một số vấn đề khác. Qua nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật thấy, hầu hết các bản án khi quyết định mức bồi thường tổn thất về tinh thần thường không phân tích, đánh giá mức độ tổn thất mất mát về tinh thần mà người bị hại phải gánh chịu, không làm rõ vị trí, vai trò của người bị hại trong mối quan hệ với người thân... cũng như về khả năng kinh tế của các bên theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7

năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, đề nghị cấp có thẩm quyền cần hướng dẫn cụ thể để các Tòa áp dụng về vấn đề này. Ngoài ra, khi quyết định người được hưởng khoản tiền bồi thường cần chỉ rõ đích danh ai là người được và được bao nhiêu tiền. Điều này sẽ góp phần làm giảm nguy cơ kháng cáo, khiếu nại của đương sự.

Thực tiễn áp dụng pháp luật cũng cho thấy có những trường hợp giữa bên phải bồi thường và bên được bồi thường không thỏa thuận được với nhau không vì mức tiền bồi thường mà vì mâu thuẫn trong lời nói. Người bị hại cần một lời xin lỗi từ phía người xâm phạm nhưng bên xâm phạm chấp nhận bồi thường, không chấp nhận xin lỗi. Mục đích của bồi thường tổn thất về tinh thần là nhằm xoa dịu nỗi đau mà người bị hại phải gánh chịu. Để đạt được mục đích đó phải tiến hành nhiều biện pháp, bồi thường bằng tiền cũng chỉ là một biện pháp nhưng trong nhiều trường hợp không phải là biện pháp quyết định. Hiện nay pháp luật chỉ quy định việc hòa giải giữa các bên đương sự được khuyến khích. Vì vậy, cần bổ sung quy định bắt buộc các cơ quan tiến hành tố tụng phải tổ chức hòa giải khi giải quyết bồi thường tổn thất tinh thần và nên quy định cụ thể buộc người có hành vi xâm phạm phải nói lời xin lỗi hoặc cải chính công khai theo Khoản 3 Điều 307 Bộ luật dân sự. Có như vậy mục đích bồi thường tổn thất về tinh thần mới đạt được.

3.2.2. Phương hướng

Qua nghiên cứu lý luận cũng như thực tiễn xét xử vấn đề bồi thường tổn thất về tinh thần, tác giả xin mạnh dạn đưa ra một số phương hướng nhằm hoàn thiện hơn nữa trong việc giải quyết lĩnh vực bồi thường đặc biệt này như sau:

Một là, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần thường xuyên tổng kết, đánh giá tình hình áp dụng pháp luật trong lĩnh vực bồi thường tổn thất về tinh thần. Qua đó kịp thời sửa đổi, bổ sung những quy định không còn phù

hợp với thực tiễn và kịp thời hướng dẫn các vương mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, bảo đảm tính thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tổ tụng trong cả nước về việc áp dụng pháp luật.

Hai là, xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác xét xử có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, có trình độ năng lực chuyên môn giỏi nhằm nâng cao chất lượng xét xử đáp ứng với các đòi hỏi của thực tiễn đặt ra.

Ba là, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân nhằm nâng cao ý thức tôn trọng sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của công dân. Hạn chế tới mức thấp nhất các nhân tố nguy cơ tiềm ẩn có thể dẫn đến hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của con người.

Bốn là, từng bước nghiên cứu xem xét có thể thành lập trung tâm giám định thiệt hại về tinh thần làm căn cứ để Tòa án quyết định mức bồi thường. Ngoài ra, nhà nước cần khuyến khích các doanh nghiệp cho ra đời loại hình bảo hiểm tổn thất về tinh thần. Thực tế với những vụ án xâm phạm đến tính mạng thì bị cáo bị tuyên án tử hình không có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ bồi thường. Điều đó làm cho quyền lợi của người bị hại không được thực thi trên thực tế.

Qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật về bồi thường tổn thất về tinh thần, tác giả nhận thấy còn có nhiều vấn đề mâu thuẫn cần được cấp có thẩm quyền tiếp tục hướng dẫn. Vì vậy, tác giả đã mạnh dạn đề xuất một số kiến nghị phương hướng góp phần hoàn thiện pháp luật, bảo đảm quyền lợi của các đương sự.

Kết luận

Trong thời đại ngày nay, xu hướng chung pháp luật của các nước tiến bộ trên Thế giới là việc ghi nhận và bảo vệ con người cũng như các giá trị tinh thần của con người. ở Việt Nam, các quyền con người trong đó có quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín được quy định trong Hiến pháp, pháp luật và được Hiến pháp, pháp luật bảo hộ. Vì vậy, pháp luật dân sự ngoài việc bảo vệ tài sản còn bảo vệ con người cũng như các giá trị tinh thần của con người. Theo đó, người có hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của người khác gây tổn thất về tinh thần phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

Qua 15 năm thi hành luật dân sự, vấn đề bồi thường tổn thất về tinh thần vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, tổng kết, đánh giá việc áp dụng pháp luật. Đây là một nội dung tương đối phức tạp, có tính trừu tượng cao nên việc áp dụng pháp luật vẫn còn nhiều vướng mắc trên thực tiễn. Đề tài "*bồi thường tổn thất tinh thần do hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị xâm phạm*" ngoài nhiệm vụ nghiên cứu các khái niệm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân và khái niệm về các giá trị tinh thần được pháp luật dân sự điều chỉnh, còn tập trung phân tích các quy định của pháp luật trong các trường hợp cụ thể được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2005 như: khi sức khỏe bị xâm phạm; khi tính mạng bị xâm phạm; khi danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị xâm phạm. Ngoài ra, đề tài còn tiến hành nghiên cứu đánh giá tình hình áp dụng pháp luật trên thực tiễn tại các cơ quan bảo vệ pháp luật về nội dung bồi thường tổn thất về tinh thần. Đây được coi là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong việc nghiên cứu và áp dụng pháp luật khi giải

quyết các tranh chấp phát sinh do sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân bị xâm phạm trên thực tiễn.

Xác định thiệt hại về tinh thần là một công việc vô cùng khó khăn và phức tạp. Bởi vì, khái niệm tinh thần không chỉ là một khái niệm trừu tượng mà nó còn là một khái niệm có phạm trù rộng. Tinh thần không phải là tài sản nên không thể cân, đo, đong, đếm chính xác được. Mặt khác, tinh thần của con người phụ thuộc quá nhiều yếu tố khác nhau từ các điều kiện sống đến hoàn cảnh lịch sử chính trị, văn hóa, xã hội... Do đó, khi xác định thiệt hại về tinh thần cũng chỉ có thể xác định được một cách tương đối, nên được coi là đạt được mục đích khi các bên liên quan nhận thấy việc đánh giá thiệt hại đó là thỏa đáng. Việc xác định mức độ thiệt hại về tinh thần phải căn cứ vào từng trường hợp cụ thể đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với các yếu tố khác như điều kiện kinh tế, xã hội của người bị thiệt hại và người có hành vi xâm phạm trái pháp luật và việc xác định thiệt hại phải có tính đạo đức, nhân văn, không trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc và phù hợp với xu hướng phát triển chung của xã hội. Đây là một hoạt động đòi hỏi những người tiến hành tố tụng phải có một trình độ, năng lực tư duy tốt, một nhãn quan tinh tế và một tâm hồn trong sáng, nhạy cảm mới có thể đưa ra các quyết định khách quan, công bằng.

Mục đích của việc giải quyết bồi thường tổn thất về tinh thần không đơn thuần chỉ là hoạt động bồi thường một khoản tiền bồi dưỡng cho người bị thiệt hại như quan hệ ngang giá mà cái chính là nhằm bù đắp thiệt hại về tinh thần, tạo cho người bị thiệt hại có điều kiện hơn nhằm làm xoa dịu nỗi đau, nhanh chóng trở lại cuộc sống bình thường. *"Trăm cái lý, không bằng tí cái tình"* là phương châm giải quyết các tranh chấp của người Việt Nam. Vì đặc điểm tâm lý của người Việt Nam là rất coi trọng vấn đề đạo đức, tình cảm nên khi tiến hành giải quyết các tranh chấp liên quan đến bồi thường tổn thất về tinh thần, những người tiến hành tố tụng phải coi trọng vấn đề hòa giải, thỏa

thuận, đưa vấn đề hòa giải, thỏa thuận lên hàng đầu, tạo điều cho các đương sự ngồi lại với nhau, thông cảm với nhau và chia sẻ nỗi đau của nhau. Đặc biệt, những người tiến hành tố tụng không được quá coi trọng vấn đề bồi thường tiền bạc, song cũng không được xem nhẹ vấn đề này, nói cách khác phải kết hợp hài hòa giữa vấn đề chia sẻ tình cảm với vấn đề vật chất sao cho việc bồi thường vừa có lý, vừa có tình, có như vậy mục đích của bồi thường tổn thất về tinh thần mới đạt được.

Qua nghiên cứu, tìm hiểu các quy định của pháp luật và xem xét việc các cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vụ án có liên quan đến việc bồi thường tổn thất về tinh thần khi có hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm và uy tín của cá nhân, tác giả chỉ ra một số vướng mắc từ các quy định của pháp luật và thực tiễn hoạt động áp dụng pháp luật. Đồng thời, tác giả cũng nhận thấy những khó khăn mang tính lý luận nhận thức trong việc các cơ quan tiến hành tố tụng tiến hành xác định thiệt hại về tinh thần. Chính từ những nguyên nhân này làm cho việc giải quyết các tranh chấp liên quan bồi thường tổn thất về tinh thần vốn đã khó khăn lại càng khó khăn hơn. Vì vậy, tác giả cũng mạnh dạn đề xuất một số phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giải quyết các tranh chấp đến loại bồi thường này. Tuy rằng, các phương hướng, giải pháp mà tác giả đã mạnh dạn đưa ra chưa đầy đủ, chưa đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan. Song các phương hướng, giải pháp đó không nhằm ngoài mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Nhà nước và suy cho cùng chính là việc bảo vệ tính nghiêm minh và công bằng của pháp luật xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Danh mục tài liệu tham khảo

1. *Bình luận khoa học Bộ luật dân sự Nhật bản* (1995), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Mai Bộ (1999), "Về bồi thường thiệt hại trong các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khỏe", *Tòa án nhân dân*, (10).
3. Đỗ Văn Chính (2009), "Bàn về bồi thường do tính mạng bị xâm phạm quy định tại Điều 610 Bộ luật dân sự", *Tòa án nhân dân*, (22).
4. *Giáo trình Triết học Mác - Lênin* (2002), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Đỗ Văn Đại (2008), "Bồi thường thiệt hại về tinh thần trong pháp luật Việt Nam", *Tòa án nhân dân*, (16)
6. Đỗ Văn Đại (2009), "Trao đổi về bài vấn đề bồi thường tổn thất tinh thần theo khoản 2 Điều 610 Bộ luật dân sự", *Tòa án nhân dân*, (21).
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội
10. *Hoàng Việt luật lệ* (1994), Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
11. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2004), *Nghị quyết số 01/2004/NQ-HĐTP ngày 28/4 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự năm 1995 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*, Hà Nội.
12. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2006), *Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*, Hà Nội.

13. Đỗ Thanh Huyền (2004), "Bồi thường tổn thất về tinh thần", *Tòa án nhân dân*, (11).
14. Vũ Thành Long (1999), "Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tính mạng bị xâm phạm", *Tòa án nhân dân*, (8).
15. Tường Duy Lượng (2003), "Nguyên tắc tính mức bồi thường do danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân bị xâm phạm", *Tòa án nhân dân*, (3+ 4).
16. Nguyễn Đức Mai (1997), "Bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm", *Nhà nước và pháp luật*, (9).
17. *Một số vấn đề về pháp luật dân sự Việt Nam từ thế kỷ XV đến thời kỳ Pháp thuộc* (1998), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Đinh Văn Quế (2009), "Một số ý kiến về khoản tiền bù đắp về tinh thần do bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín quy định tại Bộ luật dân sự", *Tòa án nhân dân*, (20).
19. Quốc hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội.
20. Quốc hội (1995), *Bộ luật dân sự*, Hà Nội.
21. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
22. Quốc hội (2001), *Hiến pháp (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
23. Quốc hội (2005), *Bộ luật dân sự*, Hà Nội.
24. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
25. Quốc hội (2009), *Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước*, Hà Nội.
26. *Quốc triều hình luật* (2003), Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
27. Lê Văn Sua (2002), "Căn cứ pháp lý nào để buộc bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần khi danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại", *Tòa án nhân dân*, (3).
28. Phùng Trung Tập (2009), *Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản, sức khỏe và tính mạng*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
29. Nguyễn Thị Kim Thanh (2009), "Trao đổi về bài vấn đề bồi thường tổn thất tinh thần theo khoản 2 Điều 610 Bộ luật dân sự", *Tòa án nhân dân*, (22).

30. Ngô Văn Thâu (1983), *Một số điều cần biết trong các quyền dân sự của công dân*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
31. Vũ Hồng Thiêm (2003), "Xác định thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm theo quy định của Bộ luật dân sự", *Tòa án nhân dân*, (7).
32. Tòa án nhân dân tối cao (1972), *Thông tư số 173/UBTP-TANDTC ngày 23/3 về xác định thế nào là hành vi trái pháp luật trong quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*, Hà Nội.
33. Tòa án nhân dân tối cao (1999), *Công văn số 16/1999/KHXX ngày 01/3 giải đáp một số vấn đề về hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính*, Hà Nội.
34. Trường Đại học Luật Hà Nội (2008), *Giáo trình Luật dân sự*, tập 1, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
35. Trường Đại học Luật Hà Nội (2008), *Giáo trình Luật dân sự*, tập 2, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
36. *Thuật ngữ pháp lý phổ thông* (1986), Nxb Pháp lý, Hà Nội.
37. *Từ điển luật học* (2006), Nxb Tư pháp, Hà Nội.
38. *Từ điển Tiếng Việt* (2006), Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
39. Hoàng Minh Tuấn (2002), "Khoản tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, tổn thất tinh thần theo Điều 613 Bộ luật dân sự được hiểu như thế nào", *Tòa án nhân dân*, (3)
40. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2003), *Nghị quyết số 388/2003/UBTVQH11 ngày 17/3 quy định trách nhiệm bồi thường cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra*, Hà Nội.
41. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng và Bộ Tài chính (2004), *Thông tư liên tịch số 01/2004/TTLT-VKSNDTC-BCA-BTP-BQP-BTC ngày 25/3 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 388/2003-UBTVQH11 ngày 17 tháng 3 năm 2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội*, Hà Nội.
42. Quách Thành Vinh (2004), "Một số nhận xét và chú ý đối với việc bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khỏe bị xâm phạm", *Tòa án nhân dân*, (11).

